

Quyển 7

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

Phần 4

6. Phái luận nhân tạo làm từ trước:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Như kinh đã rộng thuyết, phạm tất cả thế gian, chỗ có bồ-đặc-già-la sĩ phu thọ nhận, tức là chỗ thọ nhận khổ hiện tại đều do tạo tác trong quá khứ làm nhân, tức là do tạo tác ác trong quá khứ làm nhân. Do tinh tấn bỏ nghiệp cũ, tức là do hiện pháp tự mình hành cực khổ hạnh, hiện tại nghiệp mới không tạo tác nhân khiến bị tổn hại, tức là chẳng tạo làm các nghiệp bất thiện. Như vậy về sau không trở lại hữu lậu, tức là một hướng tánh thiện, nên nói về sau vô lậu. Do vô lậu nên nghiệp tận, tức là các nghiệp ác tận. Do nghiệp tận nên khổ tận, tức là tận nhân đã tạo tác trong quá khứ và tận phương tiện hiện pháp chiêu tập khổ não. Do khổ tận nên chứng đắc

biên khổ, tức là chúng tận khổ do sanh tương tục trong các đời kế tiếp”. Đây là các nhóm ngoại đạo không ràng buộc, đã kế chấp như vậy.

Hỏi: Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết.

Lý: Như người có tánh tầm tư, có tánh quán sát, nói rộng như trước. Do kẻ kia thấy ở trong hiện pháp, sĩ phu có tác dụng mà không có sự nhất định. Vì sao như thế? Kia thấy trong thế gian có người tuy phương tiện tạo làm các việc chân chánh mà gặp phải các khổ, có người tuy phương tiện tạo làm các việc tà mà gặp những điều vui sướng; nên kia suy nghĩ: “Nếu tác dụng của sĩ phu ở hiện pháp làm nhân cho quả kia, thì quả kia lẽ là điên đảo. Nhưng do kẻ kia thấy không bị điên đảo, cho nên biết quả kia đều do việc làm từ quá khứ làm nhân”. Do lý đây nên người kia khởi kiến như thế, lập luận như thế.

Bấy giờ nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, phương tiện hiện pháp chiêu tập các khổ là lấy việc làm từ trước làm nhân, hay lấy phương tiện hiện pháp?

Nếu lấy việc làm từ trước làm nhân, thì do siêng tinh tấn bỏ nghiệp cũ, hiện tại nghiệp mới không tạo ra nhân khiến bị tổn hại, như vậy về sau không trở lại hữu lậu... cho đến nói rộng, thì không đúng đạo lý.

Nếu lấy phương tiện hiện pháp làm nhân, thì câu nói của ông rằng chỗ có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ nhận đều do việc làm từ trước làm nhân, thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, phương tiện hiện pháp vì nhân tạo ra từ trước, vì nhân của sĩ phu tác dụng trong hiện pháp, nên biết luận nhân tạo làm từ trước đều không đúng đạo lý.

Ta nay sẽ thuyết *tướng nhân như thật*:

– Hoặc có các điều khổ, tất cả chỉ do việc làm từ trước làm nhân. Như có người do nghiệp của mình lực tăng thượng nên sanh trong các ác thú, hoặc sanh ở nhà bần cùng.

– Hoặc có khổ là do tạp nhân sanh. Như có người nhân làm việc cho một vua tà thì quả thu được không thể vui, mà trái lại chỉ thọ khổ. Như làm việc cho vua, thì các nghiệp do lời nói mua bán, do làm nông, do trộm cướp, do tổn hại hữu

tình... cũng vậy. Nếu người có phước thì thu được giàu sang sung sướng. Nếu người không phước, tuy dụng nhiều công sức mà quả không toại lòng.

– Hoặc lại có khổ chỉ thuần do nhân dụng công trong hiện tại mà được. Như làm một việc mới khiến dẫn phát các nghiệp khác, hoặc lắng nghe chánh pháp rồi giác ngộ quán sát, hoặc lại phát khởi nghiệp oai nghi phép tắc, hoặc lại phát khởi nghiệp tu học công xảo xứ... Hết thấy việc như vậy chỉ lấy tạo làm của sĩ phu ngay hiện tại làm nhân.

7. Phái luận Tự tại thiên là đáng sáng tạo:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Phàm ở thế gian, chỗ có bổ-đặc-già-la sĩ phu, hết thấy đều do nhân biến hóa của Tự tại thiên, hoặc do nhân biến hóa của những đáng khác”. Đây là kẻ luận thuyết nhân không bình đẳng như do Tự tại thiên... đã kể chấp như vậy.

Hỏi: Nhân duyên nào khởi kiến như thế, lập luận như thế?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết.

Lý: Như có người có tánh tâm tư, có tánh quán sát, nói rộng như trước. Do kia hiện thấy ở trong nhân quả, hữu tình thế gian không được tùy chuyển theo ý muốn, nên có kế chấp đây. Vì sao? Hiện tại ở thời tạo tác nhân, thấy các hữu tình thế gian muốn tu tịnh nghiệp, nhưng không được như ý muốn, bèn trở lại làm ác. Đến khi ở quả ác rồi, lại mong cầu sanh trong thế giới thiện thú, nhưng không được như ý muốn, đọa vào ác thú... Muốn thọ vui mà không được như ý, ngược lại thọ các khổ. Do thấy các việc đây, nên kia tác tư duy: “Như vậy thế gian ắt có đấng là cha của mọi sự vật, sáng tạo ra, sanh ra và biến hóa ra. Đó là Tự tại thiên, hoặc những vị khác”.

Lúc bấy giờ nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào?

Ốt-Đà-Nam nói:

*Công năng, không thể tánh,
Nhiếp, không nhiếp trái nhau,
Có dụng và không dụng,
Làm nhân thành quả thất.*

Tất cả công năng biến hóa của Tự tại thiên là

dụng phương tiện tạo tác làm nhân, hay là không nhân?

Nếu dụng phương tiện tạo tác làm nhân, tức chỉ có công năng biến hóa này dùng phương tiện đó làm nhân, chẳng phải thế gian khác, nên không đúng đạo lý. Nếu không nhân, duy chỉ có công năng đây không nhân mà có, thì chẳng phải vật thế gian, nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, Đại tự tại đây là nhiếp thuộc thế gian, hay là không nhiếp thuộc thế gian?

Nếu nói nhiếp thuộc thế gian, thì Đại tự tại đây đồng với pháp của thế gian mà lại năng biến ra khắp cả thế gian, thì không đúng đạo lý. Còn nếu không nhiếp thuộc thế gian, tức là giải thoát. Đã giải thoát mà nói là năng sanh thế gian thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, là có dụng nên biến sanh thế gian, hay là không có dụng?

Nếu có dụng, thì ở nơi dụng kia không được tự tại, mà ở nơi thế gian lại có tự tại thì không đúng đạo lý. Nếu không có dụng, tức là không có chỗ dụng mà sanh ra thế gian thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, sự sanh ra đây là chỉ

do Đại tự tại làm nhân, hay cũng lấy cái khác làm nhân?

Nếu chỉ lấy Đại tự tại làm nhân, vậy thì lúc có Đại tự tại tức lúc ấy có sự sanh ra, nếu lúc có sự sanh ra tức lúc ấy có Đại tự tại. Cho nên nói sự sanh ra lấy Đại tự tại làm nhân thì không đúng đạo lý.

Nếu cũng lấy cái khác làm nhân, tức là đây chỉ lấy dục lạc làm nhân, hay là ngoài dục lạc lại lấy cái khác làm nhân?

Nếu chỉ lấy dục lạc làm nhân, thì dục lạc đây chỉ lấy Đại tự tại làm nhân, hay cũng lấy cái khác làm nhân?

Nếu chỉ lấy Đại tự tại làm nhân, tức lúc ấy có dục lạc. Nếu lúc có dục lạc, tức lúc ấy ắt có Đại tự tại. Vậy thì từ vô thủy sự sanh ra lẽ là thường có. Đây không đúng đạo lý.

Nếu nói cũng lấy cái khác làm nhân, thì nhân đây chẳng thể đắc vậy, nên không đúng đạo lý. Lại đối với sự muốn kia không được tự tại, mà nói đối với vật thế gian có được tự tại thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì do công năng, vì nhiếp, không nhiếp, vì có dụng, không dụng, vì là tánh nhân,

nên biết luận Tự tại thiên... là đáng sáng tạo ra đều không đúng lý.

8. Phái luận giết hại là chánh pháp:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu trong việc cúng tế, trước dùng chú thuật, sau giết các sanh mạng, thì người cúng tế hoặc vật bị giết hại, hoặc những sự trợ giúp, tất cả đều được sanh lên cõi trời”.

Hỏi: Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

Đáp: Lý luận trái ngược đây là chỗ khởi của sự nịnh hót, dối trá, không do quán sát đạo lý mà kiến lập. Ở trong kiếp ác, sự tranh đấu phát khởi, các Bà-la-môn trái vượt giáo pháp Bà-la-môn xưa, họ muốn ăn thịt nên vọng khởi kế chấp trên.

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, phương chú thuật đây tự thể là pháp, hay tự thể là phi pháp?

Nếu tự thể là pháp, giả sử lìa việc sát sanh kia còn không thể tự cảm quả ái, hưởng chi năng chuyển việc sát sanh phi pháp lấy làm chánh pháp, thì không đúng đạo lý.

Nếu tự thể là phi pháp, thì quả của việc đây là chẳng đáng ưa thích. Đã như thế mà có thể chuyển xả quả của pháp chẳng đáng ưa thích khác, thì không đúng đạo lý.

Đã lập luận như vậy rồi, lại có lời bào chữa: “Nhuộc của thế gian chẳng thể làm hại những việc do công năng chú thuật nhiếp lấy. Nên biết phương chú thuật đây cũng lại như vậy”.

Bấy giờ nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, như phương chú thuật năng dứt độc bên ngoài, cũng năng dứt độc tham sân si bên trong, hay là không thể dứt được?

Nếu có khả năng đoạn dứt, tức là không nơi chốn, không thời gian, không có một người lặng dứt được tham sân si. Cho nên đây không đúng đạo lý. Nếu không có khả năng đoạn dứt, thì như ông trước đã nói phương chú thuật có khả năng dứt độc bên ngoài, cũng có khả năng dứt trừ nghiệp phi pháp thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, phương chú thuật đây là hành chuyển khắp, hay không hành chuyển khắp?

Nếu hành chuyển khắp, vậy thì sao không dùng người thân của mình để cúng tế trước? Cho

nên đây không đúng đạo lý. Nếu không hành chuyển khắp, thì công năng chú đây không thể xác định được, nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, công năng chú thuật đây là chỉ năng chuyển nhân, hay cũng năng chuyển quả?

Nếu chỉ chuyển nhân mà đối với quả không có khả năng chuyển, thì không đúng đạo lý. Nếu cũng chuyển quả, lẽ phải có sự chuyển biến, như tức khắc biến con dê thành diệu sắc khả ái, có lẽ gì bỏ thân dê rồi mới có được thân trời, cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, kẻ tạo ra chú thuật đây là có năng lực và lòng bi mẫn, hay là không chăng?

Nếu có năng lực và lòng bi mẫn thì kẻ kia là sát sanh mạng mà không thể vãng sanh về cõi trời, thì không đúng đạo lý. Nếu không có năng lực và lòng bi mẫn mà kẻ kia tạo ra chú có khả năng linh nghiệm làm được các việc khác, thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì do nhân, vì thí dụ, vì không xác định, vì không có khả năng chuyển quả, vì kẻ tạo ra chú thuật, nên biết luận giết hại là chánh pháp đều không đúng đạo lý.

Nay Ta sẽ thuyết *tướng phi pháp chân thật*: Nếu nghiệp tổn người mà không sửa trị được ở hiện tại, quá khứ, đây gọi là phi pháp. Lại nếu nghiệp mà các bậc tu đạo đều biết nghiệp đây chiêu cảm quả bất ái, lại nếu nghiệp mà tất cả bậc trí giả xác định là bất thiện, lại nếu nghiệp mà tự mình không muốn, lại nếu nghiệp do nhiễm tâm khởi, lại nếu nghiệp do chú thuật tà mới có linh nghiệm, lại nếu nghiệp tự tánh vô ký... các nghiệp như vậy đều là phi pháp.

9. Phái luận biên, không biên:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn nương các tĩnh lự thế gian, nên đối với thế gian trụ tướng có biên, hoặc trụ tướng không biên, hoặc trụ tướng có biên không biên, hoặc trụ tướng chẳng phải có biên chẳng phải không biên, như kinh đã nói rộng. Do đây khởi kiến như vậy, lập luận rằng thế gian có biên; thế gian không biên; thế gian cũng có biên cũng không biên; thế gian chẳng phải có biên chẳng phải không biên.

Nên biết sau đây sẽ nói nhân duyên và người năng kế chấp. Đó là có kẻ nương biên tế đoạn khi

tìm cầu biên của thế gian, nhớ nghĩ đến kiếp hoại nên đối với thế gian khởi tưởng có biên; hoặc nhớ nghĩ đến kiếp thành, đối với thế gian khởi tưởng không biên. Hoặc y cứ vào bờ cõi rộng tròn khi tìm cầu biên của thế gian, đi xuống dưới quá cõi Vô gián lại không thấy có biên tế; hoặc vượt qua Đệ tứ tinh lự cũng không thấy có biên tế; hoặc nương vào một bên của tất cả cõi cũng không thấy có biên tế, bèn đối với cõi trên, dưới, khởi tưởng có biên, đối với cõi ở một bên khởi tưởng không biên. Hoặc có kẻ đối ngược lại điều trên, chỉ nương văn khác mà nghĩa không khác, thì đối với thế gian khởi tưởng chẳng phải có biên, chẳng phải không biên.

Lúc ấy nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, trước từ kiếp hoại đến nay lại có thế gian sanh khởi, hay không sanh khởi?

Nếu nói có, thì thế gian có biên không đúng đạo lý. Nếu nói không, vậy thì không có thế gian mà lại nhớ nghĩ về biên thế gian, cũng không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì thế gian có, vì thế gian không, nên biết luận biên, không biên đều không đúng đạo lý.

10. Phái luận bất tử kiểu loạn:

Đó là 4 chủng ngoại đạo bất tử kiểu loạn, như kinh đã rộng thuyết. Các ngoại đạo kia nếu thấy có người đến, hoặc nương đạo sanh tối thắng hỏi về thiện bất thiện; hoặc nương đạo quyết định thù thắng hỏi về khổ tập diệt đạo, liền tự xưng là bất tử loạn. Tùy theo chỗ, có người nương theo bất tử không loạn của Tịnh thiên mà cất vấn. Đối với sự cất vấn đây, ngoại đạo kia hoặc dùng lời kiểu loạn, hoặc vin dựa việc khác để tránh né, hoặc nương theo lời hỏi của người mà dùng lời chuyển.

Trong đây, kẻ bất tử kiểu loạn thứ nhất chưa khai mở hiểu biết. Kẻ bất tử kiểu loạn thứ hai ở nơi pháp đã chứng đắc khởi tăng thượng mạn. Kẻ bất tử kiểu loạn thứ ba đã khai mở hiểu biết mà chưa chắc chắn. Kẻ bất tử kiểu loạn thứ tư thì hạ liệt ngu độn.

Lại nữa, kẻ thứ nhất sợ hãi vọng ngữ và sợ hãi người khác biết mình vô trí, nên chẳng phân minh đáp rằng: “Ta không hiểu biết gì”.

Kẻ thứ hai đối với điều mà mình chứng đắc chưa được vô úy, nên sợ hãi khi bị người cất vấn, sợ

hãi vọng ngữ, sợ hãi tà kiến, nên nói chẳng phân minh: “Ta có sở chứng”.

Kẻ thứ ba sợ hãi tà kiến, sợ hãi vọng ngữ, sợ hãi khi có người nạn hỏi, nên chẳng phân minh nói: “Ta không chắc chắn”.

Ba loại ngoại đạo như vậy giả mượn việc khác dùng lời kiêu loạn để tránh né.

Kẻ thứ tư chỉ sợ bị người khác vấn nạn, đối với đạo sanh tối thắng và đạo quyết định thù thắng đều không thể liễu đạt, đối với văn tự thế gian cũng không khéo rõ biết, nên chẳng phân minh nói rằng: “Ta là ngu độn, không hiểu rõ một điều gì cả”. Loại đây chỉ hỏi ngược lại người, tùy theo ngôn từ của người mà chuyển, dùng để lừa dối người.

Nhân duyên phát khởi bốn luận đây và các loại ngoại đạo kế chấp, kể cả việc phá kiến chấp của bốn luận kiêu loạn, trong kinh đều đã thuyết. Do ngoại đạo kia nhiều sự sợ hãi, nương trụ theo kiến đây, nếu có người đến nạn hỏi, liền dùng lời siểm khúc để dối gạt họ. Nên biết kiến đây nhiếp thuộc ác kiến. Cho nên luận bất tử kiêu loạn đây không như lý.

11. Phái luận kiến không nhân:

Đó là kẻ nương nơi tĩnh lự và kẻ nương nơi tầm tư đã kế chấp luận đây. Nên biết hai nhóm ngoại đạo đây như kinh đã rộng thuyết.

Hỏi: Nhân duyên nào các ngoại đạo kia nương nơi tầm tư, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Ta và thế gian đều không nhân mà được sanh”?

Đáp: Lược mà nói, vì thấy không có sự tương tục làm tiền dẫn, lại thấy các sự việc trong ngoài có vô lượng sai biệt chủng chủng sanh khởi. Hoặc lại có lúc thấy các nhân duyên không có quả báo, tức là thấy thế gian không có nhân duyên; hoặc có lúc thấy tự nhiên gió thổi ào ạt, có lúc lại vắng lặng tịch nhiên; hoặc có lúc thấy tự nhiên nước sông ngập tràn mênh mông, có lúc lại ngừng chảy khô kiệt; hoặc có lúc cây cối xanh tươi trĩu quả, có lúc lại tàn héo... Do thấy tất cả điều ấy nên khởi kiến không có nhân, dẫn đến lập luận không có nhân.

Lúc ấy nên hỏi kia rằng: Ông trụ nhớ nghĩ vào những việc trước kia là niệm “không thể”, hay là niệm “có tự ngã”?

Nếu niệm “không thể”, thì pháp của “không thể” chưa từng xuyên xuyên tập quen, chưa từng

trải qua nhận biết mà có khả năng nhớ nghĩ được, thì không đúng đạo lý. Nếu niệm “có tự ngã”, là chấp trước không có ngã mà về sau có. Đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tất cả các vật trong ngoài thế gian chủng chủng sanh khởi hoặc tự nhiên sanh khởi, là không nhân hay là có nhân?

Nếu không nhân, như vậy chủng chủng sanh khởi, tự nhiên mà khởi, nhưng có lúc không sanh, thì không đúng đạo lý. Nếu có nhân, thì ông nói rằng ta và thế gian không nhân mà được sanh, là không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì niệm “không thể”, vì niệm “có tự ngã”, vì các vật trong ngoài không do nhân duyên mà chủng chủng khác nhau, vì do nhân duyên kia chủng chủng khác nhau, nên biết luận không nhân đều không đúng đạo lý.

12. Phái luận đoạn kiến:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Ta có thân sắc thô do bốn đại tạo thành, được gìn giữ chưa bị hư hoại. Lúc nào đó do mắc bệnh, hoặc bị ung nhọt, hoặc bị tên độc..

ta chết đi, về sau hoại diệt không còn. Lúc ấy ta bị đoạn diệt”. Cũng vậy, đối với chư thiên Dục giới, chư thiên Sắc giới hoặc Vô sắc giới, nhiếp thuộc Không vô biên xứ, cho đến nhiếp thuộc Phi tướng phi tướng xứ.. như kinh đã rộng thuyết. Đây là 7 loại luận thuyết đoạn kiến đã kể chấp như vậy.

Hỏi: Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến chấp như thế, lập luận như thế?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước thuyết.

Lý: Như người có tánh tâm tư.. cho đến nói rộng, kia suy nghĩ như vậy: “Nếu ta chết rồi, về sau lại có thân, cho nên chẳng cần tạo tác nghiệp mà được quả dị thực”. Hoặc: “Nếu tất cả tánh thể của ta vĩnh viễn không có, lẽ sẽ không thọ nghiệp quả dị thực”. Quán sát hai chủng đây, lý đều chẳng thể được, cho nên khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Thân ta chết rồi sẽ đoạn dứt, hoại diệt không còn. Giống như gói đá, một khi bị bể rồi không thể hợp lại như cũ. Thân xác của ta, đạo lý cũng như vậy”.

Nay xin hỏi kia: Ông muốn thế nào, là uẩn bị đoạn diệt, hay là ngã bị đoạn diệt?

Nếu uẩn đoạn diệt, thì thể uẩn là vô thường,

nhân quả triển chuyển sanh khởi chẳng dứt, mà nói đoạn diệt đây không đúng đạo lý.

Nếu nói ngã đoạn diệt, thì ông trước đã nói “thân sắc thô do bốn đại tạo nên, có bệnh, có ung, có tên... chư thiên Dục giới, chư thiên Sắc giới, hoặc Vô sắc giới nhiếp thuộc Không vô biên xứ cho đến nhiếp thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ...” đều không đúng đạo lý.

Tóm lại, hoặc vì uẩn đoạn diệt, hoặc vì ngã đoạn diệt, nên biết luận đoạn kiến đều không đúng đạo lý.

13. Phái luận không kiến:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không có thí cho, không có ái dưỡng, không có tế tự, nói rộng cho đến thế gian không có chân A-la-hán”. Lại khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không có tất cả thể tướng các pháp”.

Hỏi: Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết.

Lý: Như người có tánh tâm tư, cho đến nói rộng. Lại nương các tính lự thế gian, thấy các thí chủ ở thế gian một đời cho đến lúc mạng chung đều hành bố thí không ngừng, từ cõi này mạng chung rồi, lại sanh trong nhà hạ tiện bản cùng thiếu thốn. Thế nên kia tác nghĩ đây: “Nhất định không có thí cho, ái dưỡng, tế tự”.

Lại thấy có người trong một kiếp thường hành diệu hạnh, lúc mạng chung lại đọa nơi ác thú, sanh trong các địa ngục. Còn có người hành ác hạnh lại vãng sanh đến thiện thú, sanh lên cõi trời vui trong các thế giới. Kia tác nghĩ đây: “Quyết định không có diệu hạnh và ác hạnh, cũng không có hai nghiệp quả dị thực của diệu hạnh và ác hạnh”.

Lại thấy có người thuộc dòng Sát-đế-lợi, sau khi mạng chung sanh trong các dòng tộc Bà-la-môn, hoặc Phệ-xá, hoặc Thủ-đà-la. Hoặc có người dòng Bà-la-môn, sau khi mạng chung sanh trong các dòng tộc Sát-đế-lợi, hoặc Phệ-xá, hoặc Thủ-đà-la. Người dòng Phệ-xá, Thủ-đà-la... cũng lại như vậy. Cho nên kia tác nghĩ đây: “Quyết định không có Sát-đế-lợi trong thế gian đây từ dòng tộc Sát-đế-lợi ở thế gian kia đến, cũng không có Sát-đế-lợi”.

trong thế gian kia, từ dòng tộc Sát-đế-lợi ở thế gian này đi..”.

Lại quán thấy những người ly dục sanh vào cõi thấp.

Lại thấy mẹ mạng chung rồi trở lại sanh làm con gái, con gái mạng chung rồi trở lại làm mẹ. Cha chết làm con, con chết trở lại làm cha. Kể kia thấy cha và mẹ không quyết định, nên tác nghĩ như vậy: “Thế gian quyết định không có cha, không có mẹ”.

Lại người thân hoại mạng chung rồi sanh ở Vô tưởng, hoặc sanh ở Vô sắc, hoặc nhập Niết-bàn, nên tìm cầu chỗ sanh của kia chẳng thể thấy được. Kia tác nghĩ đây: “Quyết định không có chúng sanh hóa sanh, vì xứ sở kia không thể biết được”.

Lại nếu ở thân mình khởi tăng thượng mạn cho là đã đắc A-la-hán, lúc lâm chung thấy tướng sanh, kia bèn tác nghĩ đây: “Thế gian ắt không có chân thật A-la-hán”.

Hỏi: Nhân duyên nào mà khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không có thể tướng tất cả các pháp”?

Đáp: Đối với kinh điển thậm thâm Như Lai đã thuyết, pháp tương tự thậm thâm lìa ngôn thuyết, kia không thể như thật chánh giác liễu. Lại ở nơi

sự an lập pháp tướng, không như chánh lý tư duy nên khởi không kiến, kia bèn tác nghị: “Quyết định không có thể tướng các pháp”.

Nay xin hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, tức là có sự thọ nghiệp khi sống, có sự thọ nghiệp sau khi chết, hay tất cả đều là sự thọ nghiệp khi sống?

Nếu nói đều có, vậy thì như trước ông nói không có bố thí, không có ái dưỡng, không có tế tự, không có diêu hạnh, không có ác hạnh, không có nghiệp quả dị thực diêu hạnh ác hạnh, không thể gian đây, không thể gian kia thấy đều không đúng đạo lý.

Nếu nói không có sự thọ nghiệp sau khi chết, vậy thì có kẻ tạo tác chủng chủng hành nghiệp tịnh và bất tịnh, rồi kia mạng chung, lẽ đâu lúc còn sống kia thọ hết tất cả nghiệp quả dị thực tịnh và bất tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, nếu từ thai tạng của kia và từ chủng tử của kia mà được sanh ra, thì những kẻ kia là cha mẹ hay chẳng phải cha mẹ?

Nếu nói là cha mẹ, vậy thì như trước ông nói không cha không mẹ là không đúng đạo lý. Nếu nói kia chẳng phải cha mẹ, thì từ thai tạng kia và

từ chủng tử kia được sanh ra, mà nói kia chẳng phải cha, chẳng phải mẹ là không đúng đạo lý.

Nếu lúc làm cha mẹ, thì lúc đó không phải là thiếu nam, thiếu nữ. Nếu lúc còn là thiếu nam thiếu nữ, bấy giờ chẳng phải là cha mẹ. Nói vậy thì không mắc lỗi bất định.

Lại ông muốn thế nào, có chúng sanh thọ sanh ở cõi kia mà thiên nhãn không thấy đến, hay là không có?

Nếu nói là có, mà trước ông nói không có chúng sanh, thì không đúng đạo lý. Nếu nói là không, thì bác bỏ những người lìa dục tưởng, người lìa dục sắc, người lìa dục ba cõi. Đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tánh A-la-hán mà ở nơi kia khởi tăng thượng mạn là có, hay là không có?

Nếu nói có, thì trước đây ông nói thế gian nhất định không có chân thật A-la-hán, là không đúng đạo lý. Nếu nói không có, mà lại có người phát khởi tư duy bất chánh điên đảo tự cho mình là A-la-hán, do vậy mà thành chân thật A-la-hán, thì càng không đúng đạo lý.

Lại nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, tướng pháp viên thành thật, tướng pháp y tha khởi và

tướng pháp biến kế sở chấp là có, hay là không có?

Nếu nói có, mà ông nói không có thể tướng các pháp, thì không đúng đạo lý. Nếu nói là không, tức là không có điền đảo, cũng không có nhiễm tịnh, điều này không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì sự thọ nghiệp lúc sống, vì sự thọ nghiệp sau khi chết, vì chẳng phải không quyết định, vì có sanh xứ, vì có tăng thượng mạn, vì có ba chủng tướng, nên biết luận không kiến đều không đúng đạo lý.

14. Phái luận vọng kế chấp tối thắng:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Bà-la-môn là chủng loại thù thắng hơn cả, Sát-đế-lợi... là chủng loại hạ liệt. Bà-la-môn là sắc loại da trắng sạch, chủng khác là sắc loại da đen ố. Chủng Bà-la-môn có thể được thanh tịnh, chủng loại khác không thể được thanh tịnh. Các Bà-la-môn là con Phạm vương, từ miệng, bụng Đại Phạm vương mà được sanh ra. Sanh ra từ Phạm, hóa ra từ Phạm, là con nối dõi của Phạm vương”. Đây là những Bà-la-môn trong kiếp đầu tranh đã kế chấp cho là như vậy.

Hỏi: Nhân duyên nào các Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết.

Lý: Như có người có tánh tầm tư, cho đến nói rộng. Kể kia thấy trong thế gian có chân thật Bà-la-môn đầy đủ tánh giới, vì tham danh lợi và cung kính nên kế chấp luận cho là như vậy.

Nay xin hỏi kia: Ông muốn thế nào, chủng loại khác mới từ cha mẹ sanh ra, hay là Bà-la-môn cũng vậy?

Nếu chỉ có chủng loại khác, vậy thì thế gian hiện thấy các Bà-la-môn từ mẹ sanh ra, tức là ông đã phỉ báng việc hiện tại, cho nên không đúng đạo lý. Nếu Bà-la-môn cũng vậy, thì ông trước đã nói các Bà-la-môn là chủng loại thù thắng hơn cả, Sát-đế-lợi là chủng loại thấp... điều này không đúng đạo lý.

Như từ mẹ được sanh ra, thì làm nghiệp bất thiện, làm nghiệp thiện, tạo thân ngũ ý ác hạnh, tạo thân ngũ ý diệu hạnh, ở trong hiện pháp thọ quả ái, bất ái, ở đời sau sanh trong các thiện thú, hoặc sanh các ác thú... nên biết cũng vậy.

Hoặc ba xứ hiện tiền, là kia là đây, do kia do

đây nhập vào thai mẹ, từ đó sanh ra. Hoặc tập học các công xảo xứ thế gian, hoặc làm các sự nghiệp thiện, bất thiện, hoặc làm vua, hoặc làm thần dân... Hoặc nhảy bén, hoặc tăng tiến đầy đủ, hoặc vì vua xem xét ghi chép, hoặc làm chức cấp thị, hoặc không xem xét ghi chép... Hoặc là pháp già bệnh chết, hoặc không phải pháp già bệnh chết, hoặc tu phạm trụ nên sanh ở cõi Phạm thế, hoặc không phải như vậy. Hoặc tu pháp Bồ-đề phần, hoặc không tu tập. Hoặc ngộ Thanh văn Bồ-đề, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc Vô thượng Bồ-đề, hoặc không như vậy... Tất cả đều không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tức là từ chủng loại sanh thù thắng hơn nên gọi là vượt hơn, hay là do giới, văn... thù thắng hơn mà gọi là vượt hơn?

Nếu từ chủng loại sanh thù thắng hơn mà gọi là vượt hơn, thì ông nói ở trong tế tự lấy giới, văn... thù thắng hơn, là không đúng đạo lý.

Nếu do giới, văn... thù thắng hơn mà gọi là vượt hơn, thì như ông đã nói ở trước rằng Bà-la-môn là chủng loại thù thắng hơn cả, còn lại là loại hạ tiện, không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì xuất sanh, vì tạo nghiệp, vì thọ

sanh, vì công xảo nghiệp xứ, vì tăng thượng, vì kia xem xét ghi chép, vì phạm trụ, vì tu giác phần, vì chứng Bồ-đề, vì giới văn thù thắng hơn... nên biết luận vọng kế chấp tối thắng đều không đúng đạo lý.

15. Phái luận vọng kế chấp thanh tịnh:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu ta đắc giải thoát, tâm được tự tại, quán sát được tự tại, ở trong các ngũ dục của cõi trời vi diệu ta sẽ nhiếp thọ đấm trước bền chắc, du hí nô đùa khoái lạc, tùy ý thích thọ dụng. Đây gọi là hiện pháp niết-bàn thanh tịnh bậc nhất”.

Lại có ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có pháp lìa dục ác bất thiện được an trụ đầy đủ ở Sơ tinh lự, cho đến được an trụ đầy đủ ở Đệ tứ tinh lự, đây được gọi là hiện pháp niết-bàn thanh tịnh bậc nhất”.

Lại có ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có chúng sanh tắm rửa thân thể ở sông Tôn-đà-lợi-ca, thì các ác vốn có thấy đều được trừ diệt. Như tắm rửa thân thể trừ các ác nghiệp ở sông Tôn-đà-lợi-ca, thì tắm rửa thân thể ở sông

Bà-hồ-dà, sông Tát-phạt-để, sông Căng-già... để trừ diệt các ác nghiệp nên biết cũng vậy”.

Lại có ngoại đạo vọng kế chấp trì cầu giới cho là thanh tịnh, hoặc trì ngũ giới, hoặc trì mực đen giới, hoặc trì lộ hình giới, hoặc trì tro giới, hoặc trì tự hành khổ giới, hoặc trì phần uest giới... kế chấp cho đây là thanh tịnh.

Đây là những ngoại đạo chủ trương hiện pháp niết-bàn và ngoại đạo chủ trương nước thanh tịnh... đã vọng kế chấp cho là như vậy.

Hỏi: Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết.

Lý: Như người có tánh tầm tư, cho đến nói rộng. Kể kia cho là có sự tự tại tùy ý, dục tự tại, quán hành tự tại, tiếng tốt thanh tịnh, nhưng lại không như thật biết tướng chân thật của sự tự tại. Lại như có người kế chấp: “Nếu tự hành khổ thân sẽ giải thoát khỏi các điều ác của thân, hoặc tạo tác các việc làm ác cũng sẽ giải thoát khỏi các tội ác kia”.

Nay xin hỏi kia: Ông muốn thế nào, nếu có

người đối với năm diệu dục mà thọ lạc chơi đùa là đã lìa dục tham, hay chưa lìa dục tham?

Nếu đã lìa dục tham, mà lại đối với năm diệu dục thế gian chơi đùa thọ lạc, thì không đúng đạo lý. Nếu chưa lìa dục tham, mà kế chấp tự cho là giải thoát thanh tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, các bậc đã đắc Sơ tĩnh lự cho đến an trụ đầy đủ Đệ tứ tĩnh lự là đã lìa tất cả dục tham, hay là chưa lìa tất cả dục tham?

Nếu nói đã lìa tất cả dục tham, mà chỉ an trụ đầy đủ cho đến Đệ tứ tĩnh lự, thì không đúng đạo lý. Nếu nói chưa lìa tất cả dục tham, mà tự kế chấp cho là đã đắc cứu cánh giải thoát thanh tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, do bên trong thanh tịnh mà cứu cánh thanh tịnh, hay do bên ngoài thanh tịnh mà được cứu cánh thanh tịnh?

Nếu do bên trong thanh tịnh mà cứu cánh thanh tịnh, nhưng lại kế chấp cho là tắm gội trong sông mà được thanh tịnh, thì không đúng đạo lý. Nếu do bên ngoài thanh tịnh mà cứu cánh thanh tịnh, vậy thì bên trong đủ tham sân si... tất cả cấu uế, chỉ riêng trừ cấu ở bên ngoài mà tự kế chấp cho

là được sạch tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tức do chấp thọ vật tịnh mà được thanh tịnh, hay là chấp thọ vật bất tịnh mà được thanh tịnh?

Nếu do chấp thọ vật tịnh mà được thanh tịnh, vậy thì người thế gian đều biết chớ... là vật bất tịnh, mà ông lập kế chấp cho là trì cầu giới... được thanh tịnh, thì không đúng đạo lý. Nếu do chấp thọ vật bất tịnh mà được thanh tịnh, vậy thì tự thể là bất tịnh mà khiến vật khác được tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, các kẻ thọ cầu giới... là thân hành hạnh tà ác mà được thanh tịnh, hay là thân hành chánh diệu hạnh mà được thanh tịnh?

Nếu do hành hạnh tà ác, mà kế chấp cho là thanh tịnh, thì không đúng đạo lý. Nếu do hành chánh diệu hạnh, thì việc trì cầu giới... tức là hoang đường, mà lại kế chấp năng được thanh tịnh thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì ly dục không ly dục, vì ở trong ở ngoài, vì thọ tịnh bất tịnh, vì tà hạnh chánh hạnh, nên biết luận vọng kế chấp thanh tịnh đều không đúng đạo lý.

16. Phái luận vọng kế chấp kiết tường:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu ở thế gian nhật thực, nguyệt thực, tinh tú vận hành sai lệch, thì việc mong muốn đều không thành tựu. Nếu tùy thuận theo nhật nguyệt tinh tú kia, thì điều mong muốn đều thành. Vì nghĩa đây nên phải tinh cần cúng dường nhật nguyệt tinh tú... đốt đèn, tụng chú, trưng bày cỗ tranh, quả tần-loa...”. Đây là những kẻ ngoại đạo xem tính ngày giờ đã tạo ra vọng kế chấp như vậy.

Hỏi: Nhân duyên nào ngoại đạo kia khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết.

Lý: Như người có tánh tâm tư, cho đến nói rộng. Do kia thành tựu tinh lự thế gian, nên được thế gian gọi là A-la-hán. Có kẻ muốn được giàu sang phú quý, cầu mong được quả toại ý nên đến thỉnh hỏi. Nhưng kia không như thật biết đạo lý nghiệp quả tương ưng, đạo lý duyên sanh, chỉ thấy thế gian có nhật thực, nguyệt thực, tinh tú chuyển vận trên trời. Nhầm lúc quả báo nghiệp tịnh, bất

tỉnh của chúng sanh thành thực, kẻ kia bèn nương đây vọng kế chấp cho là do nhật nguyệt... tạo thành. Lại vui tin việc đây nên kiến lập hiển nói.

Nay xin hỏi kia: Ông muốn thế nào, tất cả mọi việc trên thế gian hưng thịnh, suy giảm là do nhật thực, nguyệt thực, tinh tú... tạo ra, hay do nghiệp tịnh, bất tịnh tạo ra?

Nếu nói do nhật nguyệt, tinh tú tạo ra... vậy thì hiện thấy người tận hết thọ mạng, tùy theo nghiệp phước phi phước đã tạo mà cảm quả hưng thịnh suy giảm, khổ vui... sai khác, thì không đúng đạo lý. Nếu do nghiệp tịnh, bất tịnh tạo ra, mà tác kế chấp cho là do nhật nguyệt... tạo ra, thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì nhật nguyệt... tạo ra, vì nghiệp tịnh bất tịnh tạo ra, nên biết luận vọng kế chấp kiết tường đều không đúng đạo lý.

Mười sáu chủng dị luận như vậy, do hai chủng môn là giáo và lý phát khởi quán sát. Vì đạo lý chân chánh thúc đẩy truy cầu quán sát, ở đây tất cả chủng dị luận trên đều không đúng lý.

Quyển 8

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

Phần 5

E. Dùng tạp nhiễm để thi thiết kiến lập ba địa:

Nên biết có 3 chủng tạp nhiễm. Những gì là ba? **1.** Phiền não tạp nhiễm; **2.** Nghiệp tạp nhiễm; **3.** Sanh tạp nhiễm.

E₁. Phiền não tạp nhiễm:

Ốt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh hoặc phân biệt
Nhân, vị, cùng với môn,
Phẩm thượng, điên đảo nhiếp
Sai biệt, các quá hoạn.*

1. Vì tự tánh; **2.** Vì phân biệt; **3.** Vì nhân; **4.** Vì vị; **5.** Vì môn; **6.** Vì phẩm thượng; **7.** Vì điên đảo nhiếp; **8.** Vì sai biệt; **9.** Vì quá hoạn mà rõ biết được phiền não tạp nhiễm. Nay Ta sẽ giải thích.

1. Tự tánh phiền não:

Đó là nếu khi pháp sanh, tướng kia tự nhiên khởi không tịch tĩnh. Do tướng kia khởi nên hành chuyển không tịch tĩnh tương tục. Đây gọi là tự tánh phiền não.

2. Phân biệt phiền não:

Hoặc lập một chủng: do nghĩa phiền não tạp nhiễm.

Hoặc phân làm 2 chủng: kiến đạo sở đoạn, tu đạo sở đoạn.

Hoặc phân làm 3 chủng: hệ thuộc Dục, hệ thuộc Sắc và hệ thuộc Vô sắc.

Hoặc phân làm 4 chủng: hệ thuộc Dục ký, hệ thuộc Dục vô ký, hệ thuộc Sắc vô ký, hệ thuộc Vô sắc vô ký.

Hoặc phân làm 5 chủng: kiến khổ sở đoạn, kiến tập sở đoạn, kiến diệt sở đoạn, kiến đạo sở đoạn, tu đạo sở đoạn.

Hoặc phân làm 6 chủng: tham, khuể, mạn, vô minh, kiến, nghi.

Hoặc phân làm 7 chủng, đó là 7 chủng tùy miên: dục tham tùy miên, sân khuể tùy miên, có

tham tùy miên, mạn tùy miên, vô minh tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên.

Hoặc phân làm 8 chủng: tham, khuể, mạn, vô minh, nghi, kiến và 2 chủng thủ.

Hoặc phân làm 9 chủng, đó là 9 kiết: ái kiết, khuể kiết, mạn kiết, vô minh kiết, kiến kiết, thủ kiết, nghi kiết, tật đố kiết, keo lẩn kiết.

Hoặc phân làm 10 chủng: thân kiến, chấp biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tham, khuể, mạn, vô minh và nghi.

Hoặc phân biệt làm 128 phiền não bao gồm 10 phiền não ở trên, do mê chấp 12 chủng đế nên kiến lập phiền não.

Những gì gọi là 12 chủng đế? Đó là khổ đế, tập đế ở Dục giới; khổ đế, tập đế ở Sắc giới; khổ đế, tập đế ở Vô sắc giới. Quả biến trí kia tăng thượng ở Dục giới, biến trí kia hiển bày diệt đế, đạo đế. Quả biến trí kia tăng thượng ở Sắc giới, biến trí kia hiển bày diệt đế, đạo đế. Quả biến trí kia tăng thượng ở Vô sắc giới, biến trí kia hiển bày diệt đế, đạo đế. Đây là 12 chủng.

Trong đó, khổ đế, tập đế ở Dục giới và tăng thượng diệt đế, đạo đế ở Dục giới có đủ 10 phiền

não mê chấp.

Khổ đế, tập đế ở Sắc giới và tăng thượng diệt đế, đạo đế ở Sắc giới, trừ sân, còn lại đủ các phiền não mê chấp khác.

Như ở Sắc giới, thì ở Vô sắc giới cũng vậy.

Ở trong tu đối trị Dục giới có 6 phiền não mê chấp, đó là 10 phiền não trên trừ tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi.

Ở trong tu đối trị Sắc giới có 5 phiền não mê chấp, tức 6 phiền não mê chấp ở trên trừ sân.

Như ở trong tu đối trị Sắc giới, thì ở trong đối trị tu Vô sắc giới cũng vậy.

Như mê chấp, thì chương ngại cũng vậy.

Tát-ca-da kiến: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, tùy quán sát chấp 5 chủng thủ uẩn, dùng tuệ nhiệm ô phân biệt hoặc không phân biệt làm thế.

Chấp biên kiến: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, chấp 5 thủ uẩn là tánh ngã, tùy quán chấp là đoạn, là thường. Dùng tuệ nhiệm ô phân biệt hoặc không phân biệt làm thế.

Tà kiến: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý, bác bỏ nhân, bác bỏ quả, bác bỏ tác dụng, hủy hoại việc chân thật. Chỉ dụng tuệ nhiệm ô phân biệt làm thể.

Kiến thủ: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Lấy thân kiến, chấp biên kiến, tà kiến và sở y, sở duyên, sở nhân câu hữu với pháp tương ứng, so sánh với các kiến khác. Chấp tùy quán cho là tối, là thượng, là thắng diệu bậc nhất. Chỉ dụng tuệ nhiệm ô phân biệt làm thể.

Giới cấm thủ: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Ở nơi thấy kia mà tùy hành hoặc giới hoặc cấm và sở y, sở duyên, sở nhân câu hữu với các pháp tương ứng... Tùy quán hết thấy chấp là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Chỉ dụng tuệ nhiệm ô phân biệt làm thể.

Tham: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm. Đối với cảnh giới khả ái trong và ngoài, dụng niệm trước hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt làm thể.

Khuê: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe

pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, đối với cảnh giới không khả ái trong và ngoài, dụng giận ghét hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt làm thể.

Mạn: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, đối với việc cao thấp hơn kém trong và ngoài, dụng cao cử hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt làm thể.

Vô minh: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, đối với các việc đã nhận biết, dụng nhiễm ô vô tri hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt làm thể.

Nghi: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Ở nơi các việc nhận biết, chỉ dụng phân biệt hiểu biết khác làm thể.

3. Nhân phiền não:

Nên biết có 6 chủng: 1. Do sở y; 2. Do sở duyên; 3. Do thân cận; 4. Do tà giáo; 5. Do lớp lớp tập quen; 6. Do tác ý. Do sáu nhân đây, nên các phiền não được sanh khởi.

Do sở y: tức là tùy miên khiến các phiền não khởi.

Do sở duyên: tức là cảnh giới hiện tiền, thuận theo phiền não.

Do thân cận: tức là tùy học theo kẻ bất thiện.

Do tà giáo: tức là lắng nghe pháp bất chánh.

Do lớp lớp tập quen: tức là thế lực sâu dày của việc tập quen trong quá khứ.

Do tác ý: tức là do phát khởi tác ý không như lý, nên các phiền não sanh khởi.

4. Vị phiền não:

Nên biết lược có 7 chủng: 1. Vị tùy miên; 2. Vị triền; 3. Vị phân biệt khởi; 4. Vị cấu sanh; 5. Vị nhuyến; 6. Vị trung; 7. Vị thượng.

Do 2 duyên là chỗ tùy miên của phiền não tùy miên: 1. Do chủng tử theo đuổi; 2. Do việc kia tăng thượng.

5. Môn phiền não:

Nên biết phiền não lược do 2 môn nào loạn, đó là: do môn triền và do môn tùy miên.

Môn triền nào loạn có 5 chủng: 1. Do không trụ tịch tĩnh; 2. Do chướng ngại thiện; 3. Do phát khởi ác

thú, ác hạnh; 4. Do nhiếp thọ pháp hạ tiện hèn kém ở hiện tại; 5. Do năng chiêu cảm các khổ như sanh...

Môn tùy miên não loạn: đó là cùng các triền tạo ra sở y và năng dẫn phát các khổ như sanh...

Lại do 7 môn, tất cả phiền não năng làm chướng ngại ở vị kiến và tu: 1. Vì tà hiểu biết; 2. Vì không hiểu biết; 3. Vì hiểu biết, không hiểu biết; 4. Vì mê chấp theo tà hiểu biết; 5. Vì chỗ nương của nhân kia; 6. Vì sợ sanh kia; 7. Vì nhậm vận hiện hành.

6. Tướng phiền não phẩm thượng:

Đó là tướng mãnh lợi và tướng rất nặng nề. Tướng đây lược có 6 chủng: 1. Do phạm; 2. Do sanh; 3. Do tương tục; 4. Do sự; 5. Do khởi ác nghiệp; 6. Do rốt ráo.

Do phạm: tức là do phiền não triền đây nên hủy phạm tất cả sở hữu học xứ.

Do sanh: tức là do đây nên sanh ở trong khổ ác thú Dục giới.

Do tương tục: tức là kẻ hành tham không pháp Niết-bàn có các căn triền chuyển thành thực cho đến, thiếu niên, tráng niên.

Do sự: tức là duyên ruộng đáng tôn trọng mà khởi, hoặc duyên ruộng công đức mà khởi, hoặc duyên ruộng không nên hành mà khởi.

Do khởi ác nghiệp: tức là do phiền não triền đây, dụng tâm vui mừng hơn hờ tăng thượng, nên khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Do rốt ráo: tức là tự tánh phiền não đây nhiếp thuộc phẩm thượng, đạo đối trị đoạn trừ đang ở vị phẩm nhuyễn.

7. Diên đảo nhiếp của phiền não:

Nên biết có 7 chủng: 1. Tưởng diên đảo; 2. Kiến diên đảo; 3. Tâm diên đảo; 4. Ở nơi thường, vô thường diên đảo; 5. Ở nơi khổ, lạc diên đảo; 6. Ở nơi tịnh, bất tịnh diên đảo; 7. Ở nơi ngã, vô ngã diên đảo.

Tưởng diên đảo: tức là ở nơi vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, mà khởi vọng tưởng phân biệt cho là thường, lạc, ngã, tịnh.

Kiến diên đảo: tức là ở nơi kia vọng tưởng phân biệt nhận chịu, có thể vui muốn, kiến lập chấp trước.

Tâm diên đảo: tức là ở trong sự chấp trước

kia, các phiền não tham... phát khởi.

Nên biết phiền não lược có 3 chủng: 1. Phiền não là căn bản điên đảo; 2. Phiền não là thể điên đảo; 3. Phiền não là đẳng lưu điên đảo. Căn bản điên đảo tức là vô minh. Thể điên đảo tức là thân kiến, một phần của chấp biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tham. Đẳng lưu điên đảo tức là tà kiến, một phần chấp biên kiến, khuể, mạn và nghi.

Trong đó thân kiến chính là ở nơi ngã, vô ngã điên đảo. Một phần chấp biên kiến chính là ở nơi thường, vô thường điên đảo. Kiến thủ chính là ở nơi tịnh, bất tịnh điên đảo. Giới cấm thủ chính là ở nơi khổ, lạc điên đảo. Tham gồm cả hai chủng là ở nơi tịnh bất tịnh điên đảo và ở nơi khổ lạc điên đảo.

8. Sai biệt phiền não:

Nên biết phiền não có nhiều chủng sai biệt, đó là: kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, bạo lưu, ách, thủ, hệ, cái, chu ngọt, cấu, thường hại, tiền, sở hữu, căn, ác hạnh, lậu, quĩ, thiêu, não, có tranh, hỏa, cháy mạnh, trừ lâm, cùng chướng ngại.

Nên biết trong đây, khổ hòa hợp gọi là kiết. Do đây không thể tùy ý muốn hành thiện, gọi là

phược. Tất cả chủng tử thuộc thế gian theo đó triển chuyển tăng thượng, gọi là tùy miên. Tâm nhiễm điên đảo, gọi là tùy phiền não. Lốp lốp sanh khởi hiện hành, gọi là triền. Rất khó vượt qua, trôi nổi thuận theo dòng chảy, gọi là bạo lưu. Phương tiện tà hạnh, gọi là ách. Năng chấp thủ thân mình tương tục không ngừng, gọi là thủ. Khó có thể giải thoát, gọi là hệ. Che lấp nghĩa chân thật, gọi là cái. Làm hư hại ruộng lúa thiện, gọi là chu ngột. Tự tánh nhiễm ô, gọi là cấu. Thường hay làm hại, gọi là thường hại. Tướng không tịch tĩnh, đuổi theo xa lìa, gọi là tiễn. Năng nhiếp các sự việc nương tựa, gọi là sở hữu. Chỗ nương của bất thiện, gọi là căn. Tự tánh tà hạnh, gọi là ác hạnh. Tâm lưu động, gọi là lậu. Năng khiến thọ dụng không biết chán đủ, gọi là quý. Năng khiến chỗ muốn thích thường bị thiếu thốn, gọi là thiêu. Năng dẫn đến sự suy tổn, gọi là não. Năng làm nhân của đấu tranh kiện tụng, gọi là có tranh. Các củi thiện căn được tích tập bị thiêu đốt, nên gọi là hỏa. Như bệnh nóng sốt cao, gọi là cháy mạnh. Tự thân tích tập vô số như cây đại thọ, nên gọi là trù lâm. Năng khiến chúng sanh vui đắm chủng chủng diệu dụng

trần, năng chướng ngại trong việc chứng đắc pháp xuất thế, gọi là cùng chướng ngại.

Các phiền não sai biệt như thế thấy, Đức Bạc-Già-Phạm tùy theo sự tăng trưởng của chủng chủng môn phiền não kia mà kiến lập.

Kiết có 9 chủng: ái kiết... như trước đã nói rộng.

Phược có 3 chủng: tham, sân và si.

Tùy miên có 7 chủng: dục tham tùy miên... như trước đã nói rộng.

Tùy phiền não có 3 chủng: tham, sân, si.

Triền có 8 chủng: không tầm, không quý, hôn trầm, thụy miên, trạo cử, ác tác, tật đố, keo lẩn.

Bạo lưu có 4 chủng: dục bạo lưu, hữu bạo lưu, kiến bạo lưu, vô minh bạo lưu.

Ách có 4 chủng: dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách.

Thủ có 4 chủng: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ.

Hệ có 4 chủng: hệ do tham thân, hệ do sân thân, hệ do giới cấm thủ thân, hệ do chấp thủ cho thân đây thật có.

Cái có 5 chủng: tham dục cái, sân khuể cái, hôn

trầm thù miên cái, trạo cử ác tác cái, nghi cái.

Chu ngọt có 3 chủng: tham, sân, si.

Cấu, thường hại, tiền, sở hữu, ác hạnh có 3 chủng: tham, sân, si.

Căn có 3 chủng bất thiện căn: tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn.

Lậu có 3 chủng: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Quỹ có 3 chủng: tham, sân, si.

Thiêu, não, có tranh, hỏa, cháy mạnh, trừ lâm có 3 chủng: tham, sân, si.

Cùng chương ngại có 5 chủng: 1. Đoái luyến thân này; 2. Đoái luyến các dục; 3. Vui sống nơi các tướng tạp; 4. Khiếm khuyết trong việc thuận theo các sự dạy dẫn; 5. Được chút ít thiện liền sanh vui đủ.

9. Quá hoạn của phiền não:

Nên biết có vô lượng. Đó là khi phiền não phát khởi, trước tiên tâm bị não loạn. Tiếp theo, ở nơi sở duyên phát khởi các sự điên đảo, khiến các tùy miên càng thêm vững chắc, khiến hành đẳng lưu tương tục chuyển. Năng dẫn đến hại mình, năng dẫn đến hại người, năng dẫn đến hại cả mình và người. Năng khiến hiện pháp sanh tội,

hậu pháp sanh tội, cả hai thời đều sanh tội. Năng khiến thân tâm thọ sanh ưu khổ. Năng dẫn sanh chủng chủng đại khổ. Năng khiến tương tục xa lìa lạc Niết-bàn. Năng khiến thối thất các thiện pháp thù thắng. Năng khiến tài bảo suy tổn tán thất. Năng khiến vào trong chúng không được vô úy, vì sợ hãi nên không uy nghiêm. Năng khiến danh xưng xấu ác lưu truyền khắp mười phương. Thường bị các bậc có trí quả trách, nên lúc lâm chung sanh buồn bã hối hận dày vò, khiến thân hoại rời đọa các ác thú, sanh trong các địa ngục, khiến tự thân không thể chứng đắc nghĩa lợi ích thù thắng. Tất cả sự quá hoạn như vậy có vô lượng vô biên.

E₂. Nghiệp tạp nhiễm:

Ôt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh hoặc phân biệt
 Nhân, vị, cùng với môn,
 Phẩm tăng thượng, điền đảo
 Sai biệt, các quá hoạn.*

1. Vì tự tánh; **2.** Vì phân biệt; **3.** Vì nhân; **4.** Vì vị; **5.** Vì môn; **6.** Vì phẩm thượng; **7.** Vì điền đảo; **8.**

Vì sai biệt; **9.** Vì quá hoạn mà có thể rõ biết được nghiệp tạp nhiễm. Nay Ta sẽ giải thích.

1. Tự tánh nghiệp:

Đó là nếu khi pháp sanh, khởi tướng tạo tác. Vì kia sanh, nên thân hành, ngữ hành ở thời sau tạo tác chuyển. Đây gọi là tự tánh nghiệp.

2. Phân biệt nghiệp:

Do 2 chủng tướng: **a.** Do tướng bổ-đặc-già-la sai khác; **b.** Do tướng pháp sai khác.

Lại 2 chủng đây, tức là 10 chủng nghiệp đạo thiện và bất thiện: 1. Sát sanh, là sát sanh; 2. Chăng cho mà lấy, là chăng cho mà lấy; 3. Dục tà hạnh, là dục tà hạnh; 4. Vọng ngữ, là vọng ngữ; 5. Ly gián ngữ, là ly gián ngữ; 6. Thô ác ngữ, là thô ác ngữ; 7. Ý ngữ, là ý ngữ; 8. Tham dục, là tham dục; 9. Sân khuể, là sân khuể; 10. Tà kiến, là tà kiến.

a. Do tướng bổ-đặc-già-la sai khác: đó là như kinh nói: “Những kẻ sát sanh...” cho đến nói rộng.

Kẻ sát sanh là câu chung. Bạo ác cùng cực: tức là vì tâm sát hại hiện tiền. Tay dính đầy máu: tức

là vì biến thành tướng giết hại thân mạng. Nắm giữ làm hại, sát hại cùng cực: tức là vì đoạn mạng kia, vì phân chia thân phần, vì kế sanh nhai. Không có tâm xấu hổ: tức là vì tự mình sanh tội. Không có tâm ai mãi: tức là vì dẫn kia đến chỗ không có lòng yêu thương.

Có ngoại đạo xuất gia tên là Vô Hệ nói rằng: “Những chúng sanh ở trong khoảng 100 du-thiện-na, hoặc có luật nghi hoặc không luật nghi”. Để đối trị, nên nói lời rằng: “Khắp tất cả chỗ đều là hữu tình”. Ngoại đạo kia lại nói rằng: “Các vật bên ngoài như cây cỏ... cũng có sinh mạng vậy”. Để đối trị kia, nên nói: “Chỗ chúng sanh chân thật”. Đây tức hiển thị phước đức chân thật, xa lìa đối trị và hiển thị phước đức không thật, xa lìa đối trị. Như vậy các câu đã nói hiển thị gia hạnh sát hại. Cho đến các chỗ chúng sanh cực thấp bé nhiều vô kể như trứng kiến: hiển thị sự giết hại không có chọn lựa. Đối với việc sát sanh nếu chưa xa lìa: hiển thị gặp duyên có thể xa lìa. Cho đến chưa xa lìa thì trở lại gọi là kẻ sát sanh: tức tóm lược nghĩa các câu trên, đó là hiển thị tướng mạo sát sanh, hành động sát sanh, nhân duyên sát sanh và việc dụng

sát sanh sai khác.

Lại tóm lược nghĩa, đó là hiển thị sát sanh như thật, sát sanh sai khác, sát hại vật, gọi là kẻ sát sanh. Lại các câu đây hiển thị tướng bố-đặc-già-la năng sát sanh, không phải hiển thị tướng pháp sát sanh.

Lại nữa, *kẻ chẳng cho mà lấy* là câu chung. Đối với sở hữu của người khác: tức là những vật như tiền của lúa gạo... thuộc sở hữu của người khác. Hoặc ở tụ lạc: tức là các vật kia ở trong tụ lạc, hoặc được gom lại, hoặc được chuyển đi. Hoặc ở nơi yên tĩnh vắng vẻ: tức là các vật kia ở chốn vắng vẻ yên tĩnh, hoặc sanh sản, hoặc được gom lại, hoặc được chuyển đi. Đây gọi là các vật có thể trộm cắp: tức là những vật không cho, không bỏ, không xả. Hoặc tự mình cầm lấy: tức là cầm giữ lấy cho là thuộc sở hữu của mình. *Chẳng cho mà lấy*: tức là kẻ kia lúc tài vật bị thiếu hụt, giữ lấy cho là của mình. *Chẳng cho mà vui*: tức là vui thọ hành sự nghiệp trộm cắp. Đối với vật không cho, không xả, không bỏ, mà lại sanh mong cầu: tức là cướp đoạt vật kia muốn lấy làm của mình. Nếu chủ vật kia, chẳng phải vật trước đã cho, như việc trả nợ: đây gọi là

không cho. Nếu chủ vật kia đối với vật bị lấy kia mà chẳng xả cho: đây gọi là không xả. Nếu chủ vật kia không thuận theo sự mong muốn thọ dụng của các chúng sanh mà bỏ: đây gọi là không bỏ. Tự mình hành động mà lấy: tức là vì chẳng cho mà lấy và vì chẳng cho mà vui. Tham lam mà lấy: tức là đối với các vật không cho, không xả, không bỏ, mà mong cầu. Không trong sạch mà lấy: tức là đối với vật tranh giành, bị người khác thắng, không trong sạch. Bất tịnh mà lấy: tức là tuy thắng hơn người nhưng vì cấu quá thất nhiễm ô. Có tội mà lấy: tức là vì năng nhiếp thọ quả phi ái ở hiện pháp, hậu pháp. Nếu chưa xa lìa đối với chẳng cho mà lấy: nên biết như trước đã thuyết trong “tướng sát sanh”. Các nghiệp đạo còn lại cũng vậy.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là do trộm cắp nên thành chẳng cho mà lấy. Hoặc ở chỗ đây dời qua chỗ khác, cố ý trộm cắp. Do trộm cắp nên mắc phải các lỗi lầm. Đây gọi là nghĩa tổng quát.

Lại trong đây chỉ hiển tướng bỏ-đặc-già-la chẳng cho mà lấy, không phải tướng pháp chẳng cho mà lấy. Nên biết nghiệp đạo còn lại cũng vậy.

Lại nữa, *kẻ dục tà hạnh* là câu chung. Việc thủ

hộ của các bậc cha mẹ...: tức là cha mẹ vẫn còn sống, đối với con gái mình, chưa về nhà chồng nên phải trông nom quán sát, không để cùng người khác làm việc xấu xa. Nếu cha mẹ qua đời, thì được người thân là anh chị em giữ gìn. Nếu không có anh chị em thì phải được một người thân khác thủ hộ. Nếu lại không có, thì tự bản thân vì sợ hoại đến gia phong nên cần phải tự giữ gìn. Hoặc kia có cô cậu, vì là cháu mình nên cần phải thủ hộ. Có trị phạt: tức là các quốc vương. Hoặc người hành theo luật pháp: tức người này dùng pháp trị phạt để thủ hộ. Có chướng ngại: tức là sự thủ hộ của người giữ cửa. Trong đây lược nêu rõ ba loại thủ hộ đối với người con gái chưa về nhà chồng: 1. Sự thủ hộ của những người chí thân, quyến thuộc đáng tôn trọng của mình; 2. Sự thủ hộ của quan, người thực thi luật pháp; 3. Sự thủ hộ của những người giữ cửa. Thê thiếp của người khác: tức là đã có chồng. Thuộc về người khác: tức là chưa đi lấy chồng, được sự thủ hộ của ba loại trên. Hoặc do hung trá: tức là tự mình đối gạt, làm việc tà hạnh. Hoặc do sức mạnh: tức là đối trước cha mẹ của kia, ngang nhiên dùng sức mạnh cưỡng bức. Hoặc do ẩn núp: tức là tương trộm

cước, không đối mặt với kia. Vui muốn hành hạnh tà dục: tức là hai bên cùng giao hội. Ở nơi việc đây, tâm dục không phải đạo lý mà hành tà hạnh: tức là ở nơi không phải đạo, không phải chỗ, không phải lúc, đối với thê thiếp của mình mà gây tội.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là lược hiển thị sở hành của kẻ kia, hoặc hành sai khác, hoặc ham muốn tà hạnh.

Lại nữa, *kẻ vọng ngữ* là câu chung. Hoặc vua: tức là nhà vua. Hoặc người thừa hành: tức là các nhà chức trách. Hoặc những người khác: tức là trưởng giả, cư sĩ. Hoặc nhiều người: tức là những người kia tụ tập. Hoặc tập trung đông đảo: tức là những người bốn phương tụ tập lại đông đảo. Hoặc đã biết: tức là lời nói theo những việc đã diễn ra trước kia. Hoặc đã thấy: tức là lời nói theo những việc diễn ra đã từng thấy. Hoặc do nhân của mình: tức là hoặc nhân sợ hãi, hoặc nhân đắm trước mùi vị. Như do nhân của mình, thì do nhân của người khác cũng vậy. Nhân sợ hãi: tức là do sợ bị giết, sợ bị trói, sợ bị trừng phạt, sợ bị cách chức, sợ bị đánh đập. Nhân đắm trước mùi vị: tức là bị mê đắm bởi tài vật trần bảo. Biết mà nói vọng ngữ:

tức là lời nói có ý che giấu.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là vì nương dựa, vì nói khác, vì nhân duyên, vì hoại tướng mà nói vọng ngữ.

Lại nữa, *kẻ nói lời ly gián* là câu chung. Hoặc vì phá hoại: tức là do ý vui muốn phá hoại. Nghe người kia nói rồi hướng đến người đây nói, nghe người đây nói rồi hướng đến người kia nói: tức là theo việc đã được nghe, phải nói thành trái, trái nói thành phải, dùng lời gây chia rẽ. Phá hoại sự hòa hợp: tức là hay vui muốn sanh khởi sự chia rẽ. Theo sự việc thích hợp mà gây chia rẽ: tức là năng khiến trái lìa, liền sanh vui vẻ. Vui thích hoại sự hòa hợp: tức là ở trong ý đã sanh vui thích gây ra sự chia rẽ, chuyển thành tâm nhiễm ô. Vui thích với sự chia rẽ: tức là đối với việc trái lìa chia rẽ liền sanh vui vẻ, chuyển thành tâm nhiễm ô. Hay nói lời ly gián: tức là hoặc không nghe, hoặc phương tiện khác.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là lược hiển thị ý vui ly gián, ly gián chưa hoại phương tiện, ly gián đã hoại phương tiện, ly gián tâm nhiễm ô và phương tiện khác.

Lại nữa, *kẻ nói lời thô ác* là câu chung. Trong

đây, lời nói nhiếp thuộc chi Thi-la, gọi là lời không nhiều động. Văn câu mượt mà, gọi là êm tai. Tăng thượng muốn hiểu, phát khởi không phải là giả ngụy, không phải là siểm mị, gọi là xứng tâm. Không nói thêm lên, nên lời tùy lúc khéo dẫn nghĩa lợi, gọi là khả ái. Hướng đến cung Niết-bàn, gọi là dẫn đầu. Văn câu tế nhị, gọi là mỹ diệu. Văn câu khéo giải thích, gọi là phân minh. Hiển nhiên nhưng có thú hướng, gọi là dễ có thể hiểu rõ. Nhiếp thọ chánh pháp, gọi là thí công sức. Lời nói phát khởi tâm lìa ái vị, gọi là không chỗ nương tựa. Không vượt quá độ lượng, gọi là không chán nghịch. Rộng lớn tương tục không ngừng, gọi là vô biên vô tận.

Lại, từ lời không nhiều động cho đến lời vô biên vô tận lược nhiếp làm 3 chủng lời nói: 1. Lời nói nhiếp thuộc Thi-la luật nghi, có 1 chủng; 2. Lời nói khiến tất cả hoan hỷ, bao gồm 3 chủng; 3. Lời nói thuyết pháp, bao gồm các lời còn lại. Lời nói thứ ba đây lại có 3 chủng: 1. Lời nói hướng đến sự viên mãn, đó là lời nói thứ nhất; 2. Lời nói văn từ viên mãn, đó là lời nói thứ hai; 3. Lời nói phương tiện viên mãn, đó là lời nói còn lại.

Lại ở đời vị lai có vui khả ái, gọi là lời nói khả

ái. Ở đời quá khứ có vui khả ái, gọi là lời nói khả lạc. Ở đời hiện tại lãnh thọ vui khả ái, gọi là lời nói khả hân và lời nói khả ý. Nên biết lời nói khiến tất cả hoan hỷ, gọi là lời nói khiến vô lượng chúng sanh khả ái, khả lạc, khả hân, khả ý. Lời nói thuyết pháp, gọi là lời nói tam-ma-hí-đa. Lời nói thuộc Thi-la, gọi là lời nói do vô hối, lần lượt năng dẫn đến tam-ma-địa. Trong đây, lời nói châm chích: tức là lời hủy nhục người khác, vì sân độc phát ra. Lời thô ác: tức là lời náo loạn người, vì phát sanh cảm xúc đau khổ. Các lời thô ác còn lại thì như trong phẩm bạch ở trước đã thuyết.

Lại nữa, *kẻ nói lời ý ngữ* là câu chung. Khi tà cử tội, có 5 chủng tà cử tội: 1. Vì cử tội không phải thời, gọi là lời nói phi thời; 2. Vì cử tội không thật, nên gọi là lời nói không thật; 3. Vì cử tội dẫn vô nghĩa, nên gọi là lời nói phi nghĩa; 4. Vì cử tội hung ác thô thiển, gọi là lời nói phi pháp; 5. Vì cử tội hợp với sân khúe, nên gọi là lời nói không tịch tĩnh.

Lại lúc tà thuyết pháp, không chánh tư duy sâu xa mà vọng tuyên thuyết, gọi lời nói không biết suy lường. Vì muốn vượt hơn người nghe mà tuyên thuyết, gọi là lời nói không tịch tịnh. Phi thời mà

thuyết, nghĩa thú trước sau không tương ứng với nhau, gọi là lời nói tạp loạn. Không đúng lý nhân mà tuyên thuyết, gọi là lời nói không có dạy dẫn. Dẫn lời không tương ứng với thí dụ so sánh, gọi là lời nói không có dụ. Hiển sự ướm nhiệm, gọi là lời nói không có pháp. Lại lúc ca múa, cười đùa và lúc xem múa hát, vui đùa, hát chèo... có dẫn lời nói vô nghĩa.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là hiển thị lời nói ý ngữ ở ba thời, như trước đã thuyết.

Lại nữa, *kẻ tham dục* là câu chung. Do lòng tham mãnh lợi: tức là đối với vật thuộc sở hữu của người, sanh lòng tham tăng thượng muốn vật kia là sở hữu của mình, phát khởi quyết định giữ lấy. Tài vật: tức là các thứ tài sản vật chất của thế gian. Cửa cải: tức là những vật dụng để dùng. Hai chủng đây đều gọi chung là vật. Phạm vật sở hữu của kia nhất định sẽ thuộc về ta: tức đây hiển rõ hành tướng tham dục sanh khởi.

Sau đây lược nghĩa, đó là hiển thị tự tánh tham dục, sở duyên tham dục và hành tướng tham dục.

Lại nữa, *kẻ có tâm sân khuể* là câu chung. Ác ý phân biệt: tức là đối với hữu tình khác, do lực sân khuể tăng thượng nên muốn làm tổn hại, phát

khởi quyết định chấp giữ ý tưởng này. Phải giết: tức là muốn làm phương hại thân của kẻ kia. Phải hại: tức là muốn tổn hại thân của kia. Phải làm suy tổn: tức là muốn khiến tài vật kia bị hao tổn. Kẻ kia phải tự chuốc lấy chủng chủng ưu não: tức là muốn khiến kia tự hao mất tài vật.

Sau đây lược nghĩa, đó là hiển thị tự tánh sân khuể, sở duyên sân khuể và hành tướng sân khuể.

Lại nữa, *kẻ tà kiến* là câu chung. Khởi kiến như vậy: tức là hiển nghĩa tự tâm của người kia vui thích nói lên điều muốn nói. Lập luận như vậy: tức đây hiển nghĩa sắp truyền trao cho người điều muốn nói. Không có thí cho, không có ái dưỡng, không có tế tự: phát khởi 3 chủng đây là do lỗi bác bỏ 3 chủng ý vui bố thí: 1. Ý vui tài vật; 2. Ý vui thanh tịnh; 3. Ý vui thờ cúng chư thiên. Cho việc cúng dường lửa cho chư thiên gọi là tế tự.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ việc tu giới sanh thiên và hiển lỗi bác bỏ việc bố thí phát sanh thiện, nói lời như vậy: Không có diệu hành, không có ác hành.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ 3 chủng quả năng trị, sở trị, sở đắc, nói lời như vậy: Không có hai nghiệp quả diệu hạnh, ác hạnh và dị thực.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ duyên y xứ lưu chuyển, nói lời như vậy: Không có đời này, không có đời khác.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ duyên y xứ của kia và lỗi bác bỏ duyên chủng tử của kia, nói lời như vậy: Không có mẹ, không có cha.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ lưu chuyển sĩ phu, nói lời như vậy: Không có hữu tình hóa sanh.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ lưu chuyển đối trị hoàn diệt, nói lời như vậy: Thế gian không có chân thật A-la-hán... cho đến nói rộng.

Đã hướng đến tịch tĩnh phiền não, gọi là chánh chí. Đối với các hữu tình xa lìa tà hạnh, hành hạnh không điên đảo, gọi là chánh hạnh. Lúc ở nhân, gọi là thế gian đây. Khi ở quả, gọi là thế gian kia. Tự lực của sĩ phu làm ra, gọi là tự nhiên thông huệ: tức là thức thứ sáu. Đã chứng: tức là vì kiến đạo. Cụ túc: tức là vì tu đạo. Hiển thị: tức là đối với điều mình đã biết, vì người khác tuyên thuyết. Ta sanh đã tận... nên biết còn lại như điều đã phân biệt.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là hiển thị báng nhân báng quả, phỉ báng công dụng, phỉ báng sự chân thật. Công dụng: tức là công dụng gieo trồng,

công dụng gìn giữ, công dụng đến đi, hoặc công dụng nghiệp cảm sanh.

Lại có sự lược nghĩa khác, đó là hiển thị sự phỉ báng hoặc nhân, hoặc quả, hoặc duyên lưu chuyển, hoặc sī phu lưu chuyển và phỉ báng lưu chuyển đối trị hoàn diệt. Lại nên biết phỉ báng lưu chuyển tức là phỉ báng nhân, không phỉ báng tự tướng. Phỉ báng hoàn diệt nên biết tức là phỉ báng công đức kia, không phỉ báng bổ-đặc-già-la.

Lại nữa, ở trước đã thuyết tất cả phẩm bạch, nên biết Ta nay sẽ thuyết loại phẩm bạch khác:

- Phần Dục tà hạnh: *Các bậc phạm hạnh* là câu chung. Nên biết đây do 3 chủng thanh tịnh mà được thanh tịnh: 1. Thời phần thanh tịnh; 2. Niềm tin thanh tịnh; 3. Chánh hạnh thanh tịnh.

Hành đến khi tận hết thọ mạng: hành lâu dài, tức đây hiển thị thời phần thanh tịnh.

Dứt sạch sự tranh cãi nên gọi là thanh, không trái vượt nên gọi là tịnh. Hai đây chung hiển thị niềm tin thanh tịnh.

Vì không dùng thân ái nhiễm chạm vào người nữ, gọi là xa lìa sanh xú ố. Không làm chuyện xấu xa, hai bên cùng giao hội, gọi là xa lìa dâm dục.

Không lấy tay hay phương tiện khác xúc chạm để xuất bất tịnh, gọi là không phải ái thấp hèn. Nguyên thọ trì phạm hạnh, gọi là xa lìa pháp tàn tệ. Như vậy gọi là đầy đủ chánh hạnh thanh tịnh.

Nên biết những điều đã nói ở trên chỉ là tóm lược nghĩa.

- Phần Vọng ngữ: Khả tín: tức là có thể giao phó. Có thể giao phó: tức là có thể phó thác gửi gắm. Nên có thể kiến lập: tức là ở trong các sự việc kia, xa lìa đấu tranh, cho nên có thể kiến lập là người làm chứng chân chánh. Không có hư dối: tức là ở trong sự ủy thác giao phó cũng không hư dối, không lường gạt.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là hiển thị 3 chủng nhiếp thọ: 1. Dục giải nhiếp thọ; 2. Bảo hộ giữ gìn nhiếp thọ; 3. Tác dụng nhiếp thọ.

b. Do tướng pháp sai khác:

Sao gọi là sát sanh? Tức là đối với chúng sanh khác, khởi vui muốn giết hại, phát khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với kẻ kia khởi phương tiện sát giết, cùng hành chuyển thân nghiệp sát giết rõ ràng.

Sao gọi là chẳng cho mà lấy? Tức là đối với vật thuộc sở hữu người khác mà khởi vui muốn lấy, khởi

tâm nhiễm ô. Hoặc đối với vật kia khởi phương tiện trộm, cùng hành chuyển thân nghiệp trộm rất ráo.

Sao gọi là dục tà hạnh? Tức là đối với những điều không nên làm, đó là không phải đạo, không phải chỗ, không phải thời, mà khởi thói quen gần gũi vui muốn, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người kia, phương tiện khởi dục tà hạnh, cùng hành chuyển thân nghiệp dục tà hạnh rất ráo.

Sao gọi là vọng ngữ? Đối với hữu tình khác khởi vui thích nói lời đậy che, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người kia khởi phương tiện ngụy chứng và hành chuyển ngữ nghiệp ngụy chứng rất ráo.

Sao gọi là ly gián ngữ? Tức là đối với hữu tình khác khởi vui muốn phá hoại, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc tức đối với người kia khởi phương tiện phá hoại, cùng hành chuyển ngữ nghiệp phá hoại rất ráo.

Sao gọi là thô ác ngữ? Tức là đối với hữu tình khác khởi vui muốn nói lời thô, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người kia, phương tiện khởi lời nói thô cùng hành chuyển ngữ nghiệp thô ngữ rất ráo.

Sao gọi là ỷ ngữ? Tức là khởi vui muốn nói thêu dệt, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc tức đối người kia khởi lời nói phương tiện không tương ứng và hành

chuyển ngữ nghiệp không tương ưng rất ráo.

Sao gọi là tham dục? Tức là đối với các sở hữu thuộc người khác, vui muốn chiếm lấy, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với sở hữu của người, khởi vui muốn quyết định phương tiện lấy làm của mình cùng hành chuyển ý nghiệp rất ráo.

Sao gọi là sân khuể? Tức là đối với người khởi vui muốn làm hại, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người khởi vui muốn hại, phương tiện quyết định cùng hành chuyển ý nghiệp rất ráo.

Sao gọi là tà kiến? Tức là vui muốn khởi phỉ báng, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người kia vui muốn quyết định phương tiện cùng hành chuyển ý nghiệp rất ráo.

Sao gọi là lìa sát sanh? Tức là đối với việc sát sanh, khởi dục giải quá hoạn và khởi tâm thiện thù thắng. Hoặc đối với người kia khởi dứt bỏ phương tiện và dứt bỏ rất ráo thân nghiệp hành chuyển sát sanh.

Như lìa sát sanh, thì lìa chẳng cho mà lấy cho đến lìa tà kiến nên biết cũng vậy. Trong đây có sự sai khác, đó là đối với việc chẳng cho mà lấy khởi dục giải quá hoạn, cho đến đối với tà kiến khởi dục

giải quá hoạn, khởi tâm thiện thù thắng. Hoặc đối với người kia khởi dứt bỏ phương tiện và dứt bỏ rốt ráo ý nghiệp hành chuyển tà kiến.

Như vậy 10 nghiệp đạo tóm lược thành 3 chủng, đó là thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp. Nếu mở rộng 3 chủng đây sẽ thành 10 chủng.

3. Nhân nghiệp:

Nên biết có 12 chủng tướng: 1. Tham; 2. Sân; 3. Si; 4. Do tự mình; 5. Do người khác; 6. Tùy chuyển theo người; 7. Vị yêu thích; 8. Hãi sợ; 9. Làm tổn hại; 10. Vui đùa; 11. Pháp tướng; 12. Tà kiến.

4. Vị nghiệp:

Nên biết lược thuyết có 5 chủng tướng: **a.** Vị hạ; **b.** Vị trung; **c.** Vị thượng; **d.** Vị sanh; **e.** Vị tập khí.

a. Do nghiệp bất thiện ở vị hạ, nên sanh trong bàng sanh. Những gì gọi là nghiệp bất thiện ở vị hạ? Tức là lấy tham, sân, si phẩm hạ làm nhân duyên.

Do nghiệp thiện ở vị hạ, nên sanh trong cõi người. Những gì gọi là nghiệp thiện ở vị hạ? Tức là lấy không tham, không sân, không si phẩm hạ làm nhân duyên.

b. Do nghiệp bất thiện ở vị trung, nên sanh trong ngạ quỷ. Những gì gọi là nghiệp bất thiện vị trung? Tức là lấy tham, sân, si phẩm trung làm nhân duyên.

Do nghiệp thiện ở vị trung, nên sanh trong cõi trời Dục giới. Những gì gọi là nghiệp thiện ở vị trung? Tức là lấy không tham, không sân, không si phẩm trung làm nhân duyên.

c. Do nghiệp bất thiện ở vị thượng, nên sanh trong địa ngục. Những gì gọi là nghiệp bất thiện vị thượng? Tức là lấy tham, sân, si phẩm thượng làm nhân duyên.

Do nghiệp thiện ở vị thượng, nên sanh trong cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới. Những gì gọi là nghiệp thiện ở vị thượng? Tức là lấy không tham, không sân, không si phẩm thượng làm nhân duyên.

d. Những gì là nghiệp ở vị sanh? Tức là nghiệp đã sanh, chưa diệt, đang hiện tại tiền.

e. Những gì là nghiệp ở vị tập khí? Tức là nghiệp đã sanh, đã diệt, không hiện tiền.

Quyển 9

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐÌA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐÌA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐÌA

Phần 6

5. Môn nghiệp:

Đây lược có 2 chủng: **a.** Môn cho quả; **b.** Môn tổn hại, lợi ích.

a. Môn cho quả có 5 chủng: 1. Cho quả dị thực; 2. Cho quả đẳng lưu; 3. Cho quả tăng thượng; 4. Cho quả ở hiện pháp; 5. Cho quả tăng thượng khác.

1. Cho quả dị thực: vì gần gũi tập quen, tập quen nhiều việc sát sanh, nên thọ quả dị thực trong na-lạc-ca. Như đối với việc sát sanh, thì đối với nghiệp đạo bất thiện khác cũng vậy. Đây gọi là cho quả dị thực.

2. Cho quả đẳng lưu: nếu kia được ra khỏi địa ngục rồi, sanh trở lại trong chúng đồng phạm nhân gian, nhưng thọ mạng ngắn ngủi, tiền của thiếu thốn, vợ không trinh lương, chịu nhiều sự phỉ báng, bạn bè chia lìa, nghe những lời trái ý, lời nói không

uy nghiêm, tham tăng trưởng mãnh lợi, sân tăng trưởng mãnh lợi, si tăng trưởng mãnh lợi. Đây gọi là cho quả đẳng lưu.

3. Cho quả tăng thượng: vì gần gũi tập quen, lực tập quen nhiều nghiệp bất thiện tăng thượng, nên phần ngoài chiêu cảm sắc quang mờ nhạt, yếu kém. Quả không thật đầy đủ, quả nhiều mục nát, quả nhiều biến đổi, quả nhiều rơi rụng, quả không ngon ngọt, quả không thường hằng, quả không sung túc, quả không tiện nghi, không có quả thật. Nên biết nghiệp thiện thì trái với tướng trên.

4. Cho quả hiện pháp: do 2 nhân duyên tạo nghiệp thiện và bất thiện cho quả ở hiện pháp: 1. Do dục giải; 2. Do sự việc.

- Do dục giải lại có 8 chủng: 1. Dục giải có luyện tiếc; 2. Dục giải không luyện tiếc; 3. Dục giải tổn não; 4. Dục giải từ bi; 5. Dục giải ghét hại; 6. Dục giải tịnh tín; 7. Dục giải không biết ân; 8. Dục giải biết ân.

Sao gọi là dục giải có luyện tiếc tạo nghiệp bất thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người vì dục giải lực tăng thượng, đái luyện thân này, đái luyện tài vật, đái luyện các hữu, tạo nghiệp bất thiện.

Sao gọi là dục giải không luyến tiếc tạo nghiệp thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người vì dục giải tăng thượng, không đoái luyến thân này, không đoái luyến tài vật, không đoái luyến các hữu, tạo tác nghiệp thiện.

Sao gọi là dục giải tổn não tạo nghiệp bất thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với hữu tình bổ đặc-già-la khác dùng dục giải tổn não phẩm tăng thượng, tạo tác nghiệp bất thiện.

Sao gọi là dục giải từ bi tạo nghiệp thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với hữu tình bổ đặc-già-la khác, dụng dục giải từ bi phẩm tăng thượng, tạo tác nghiệp thiện.

Sao gọi là dục giải ghét hại tạo nghiệp bất thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với Phật Pháp Tăng, hoặc đối với một việc, một xứ đáng tôn trọng khác, lại dụng dục giải ghét hại phẩm tăng thượng, tạo tác nghiệp bất thiện.

Sao gọi là dục giải tịnh tín tạo nghiệp thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với Phật Pháp Tăng... dùng dục giải tịnh tín phẩm tăng thượng tạo tác thiện nghiệp.

Sao gọi là dục giải quên ân tạo nghiệp bất

thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với cha mẹ, hoặc đối với một việc, một nơi có ân, mà lại dùng dục giải bội ân, dục giải khi đối, dục giải bạo ác phẩm tăng thượng tạo nghiệp bất thiện.

Sao gọi là dục giải biết ân tạo nghiệp thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có một người đối với cha mẹ... dụng dục giải biết ân, dục giải báo ân phẩm tăng thượng tạo tác nghiệp thiện.

- Do sự việc: tức là nếu tạo làm nghiệp bất thiện thuộc năm vô gián và các nghiệp đồng phạm năm vô gián cũng thọ quả ở hiện pháp.

Năm nghiệp vô gián: 1. Giết hại mẹ; 2. Giết hại cha; 3. Giết hại A-la-hán; 4. Phá Tăng; 5. Có ác tâm làm thân Phật ra máu.

Các nghiệp đồng phạm vô gián: như có người đối với A-la-hán ni và đối với mẹ mà hành hạnh ược nhiệm. Hoặc đánh thân tối hậu của Bồ-tát. Hoặc đối với thiên miếu ở ngã tư đường, bày ra các việc giết tế lưu hành không dứt. Hoặc đối với việc thân hữu xưa rất tín nhiệm gởi gắm phó thác, mà khi đối tổn hại. Hoặc đối với người đang gặp khổ bần cùng thiếu thốn, không có chỗ nương tựa, vì kia làm chỗ nương tựa, đã thí cho được vô úy rồi, sau

bội phản gia hại. Hoặc làm việc bức não, hoặc cướp đoạt Sa-môn, hoặc phá hoại linh miếu... Tất cả nghiệp như vậy gọi là đồng phạm vô gián.

Hoặc các nghiệp thiện do sự tôn trọng, thọ quả trong hiện pháp. Như có người, mẹ không chánh tín, kia liền khuyến tấn khai hóa dẫn dắt an đặt mẹ ở nơi đầy đủ chánh tín.

Như đối với mẹ không chánh tín, an đặt trong đầy đủ lòng tín, thì đối với người phạm giới, an đặt trong đầy đủ giới; đối với người keo lẩn, an đặt trong đầy đủ xả; đối với người ác tuệ, an đặt trong đầy đủ tuệ, nên biết cũng vậy. Như đối với mẹ, thì đối với cha cũng vậy.

Hoặc đối với người từ định Từ khởi, nên cúng dường thừa sự. Như đối với người từ định Từ khởi, thì đối với người từ Vô tránh định, Diệt tận định, quả Dự lưu, quả A-la-hán... nên cúng dường thừa sự cũng vậy.

Lại tự mình đối với chỗ Phật phải cúng dường thừa sự. Như đối với chỗ Phật, thì đối với chỗ Tăng hữu học, vô học nên biết cũng vậy.

Nếu đối với các sự việc tôn trọng trên mà làm ngược lại, đó là nhân duyên tổn hại, phát khởi nghiệp bất thiện thọ quả trong hiện pháp.

5. Cho quả tăng thượng khác: tức là cũng do nghiệp thọ quả ở hiện pháp, nên những vương đô thành ấp mà Như Lai cư trú, không bị bệnh tật tai họa giáng xuống. Nhờ thần lực Phật nên vô lượng chúng sanh cũng không bị bệnh tật, không có tai hoạn, an vui sinh sống. Thần lực của Thế Tôn như vậy, thì Chuyển luân thánh vương và Bồ-tát trụ định Từ nên biết cũng vậy. Nếu các Bồ Tát dùng tâm đại bi, quán sát tất cả chúng sanh ở trong nghiệp đạo bị bần cùng khốn khổ bức não, nên dùng thức uống ăn, tài bảo, kho tàng để cấp thí khiến họ đều sung túc. Do nhân duyên đây, các chúng sanh kia được an vui sinh sống. Hết thấy loại như vậy là nghiệp thọ quả ở hiện pháp, do lực tăng thượng của người khác sanh ra.

b. Môn tổn hại, lợi ích: tức là các hữu tình tạo làm mười nghiệp đạo bất thiện, y cứ vào đây kiến lập 8 môn tổn hại. Những gì là tám? 1. Tổn hại chúng sanh; 2. Tổn hại tài vật; 3. Tổn hại thể thiết; 4. Tổn hại do chúng cứ hư ngụy; 5. Tổn hại trợ bạn; 6. Tổn hại do nói rõ quá thất; 7. Tổn hại do dẫn phát phóng dật; 8. Tổn hại do dẫn phát sợ hãi.

Trái với tướng đây tức là các hữu tình tạo làm

mười nghiệp đạo thiện, y cứ vào đây kiến lập 8 môn lợi ích.

6. Phẩm tăng thượng của nghiệp:

Đó là nghiệp mãnh lợi cực nặng. Nên biết do 6 chủng tướng khiến thành nghiệp đây: 1. Do gia hạnh; 2. Do xuyên xuyên tập quen; 3. Do tự tánh; 4. Do sự việc; 5. Do một loại sở trị; 6. Do sự tổn hại sở trị.

Do gia hạnh: như có người do tham, sân, si triển rất mãnh lợi và không tham, không sân, không si rất mãnh lợi làm gia hạnh phát khởi các nghiệp.

Do xuyên xuyên tập quen: như có người ở trong đêm dài sanh tử gần gũi tập quen, nhiều tập quen nghiệp thiện, hoặc bất thiện.

Do tự tánh: tức là ở trong ý ngữ, thì lời nói thô ác là đại trọng tội. Ở trong lời nói thô ác, thì lời nói ly gián là đại trọng tội. Ở trong lời nói ly gián, thì vọng ngữ là đại trọng tội. Ở trong dục tà hạnh, thì chẳng cho mà lấy là đại trọng tội. Ở trong chẳng cho mà lấy, thì sát sanh là đại trọng tội. Ở trong tham dục, thì sân khuể là đại trọng tội. Ở trong sân khuể, thì tà kiến là đại trọng tội. Lại ở trong tánh thí, thì tánh giới vô tội là thù thắng hơn cả. Ở trong

tánh giới, thì tánh tu vô tội là thù thắng hơn cả. Ở trong tánh văn, thì tánh tư vô tội là thù thắng hơn cả... Hết thấy như vậy gọi là do tự tánh.

Do sự việc: như có người đối với Phật Pháp Tăng, hoặc đối với một việc, một nơi đáng tôn trọng, làm tổn hại hay làm lợi ích. Đây gọi là nghiệp tôn trọng xử sự.

Do một loại sở tri: như có người một hướng thọ hành các nghiệp bất thiện, cho đến thọ mạng tận dứt cũng không một lúc hành thiện.

Do tổn hại sở tri: như có người hành đối trị đoạn các nghiệp bất thiện, hành các nghiệp thiện ly dục thanh tịnh.

7. Diên đảo của nghiệp:

Nên biết đây có 3 chủng: **a.** Tác dụng diên đảo; **b.** Chấp thọ diên đảo; **c.** Hỷ lạc diên đảo.

a. Tác dụng diên đảo: như có người đối với chúng sanh tìm cách muốn sát hại, nhưng lại giết lầm một người khác. Nên biết trong đây tuy có sự sát sanh mà không tội sát sanh, nhưng có tội sanh khởi thuộc chủng loại sát sanh, tương tự đồng phạm sát sanh. Hoặc không giết lầm chúng sanh khác, nhưng đối với

các vật vô tình, dùng thêm dao gậy cho là “ta sát sanh”. Nên biết trong đây không có sát sanh, không tội sát sanh, nhưng có tội sanh khởi thuộc chủng loại sát sanh, tương tự đồng phạm sát sanh.

Như nghiệp đạo sát sanh, thì tất cả nghiệp đạo khác như chẳng cho mà lấy... tùy chỗ thích hợp nên biết cũng có tác dụng điên đảo.

b. Chấp thọ điên đảo: như có người khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không thí, không thọ... nói rộng cho đến tất cả tà kiến”. Kẻ kia khởi kế chấp đây: “Rốt ráo không có người giết và vật bị giết... cho đến không có kẻ ý ngữ. Cũng không thí cho, thọ trì trai giới, thọ giới tu phước. Do nhân duyên đây, không có tội cũng không có phước”.

Lại như có người khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có chúng sanh ghét phạm, ghét chư thiên, ghét Bà-la-môn, hoặc ghét kẻ ác, chỉ thích giết hại. Nhân duyên sát hại kia chỉ có phước chứ không có tội”.

Lại có kẻ chẳng cho mà lấy cho đến ý ngữ cũng khởi kiến: “Duy chỉ thu được phước đức, không có phi phước”.

c. Hỷ lạc điên đảo: như có người hiện tiền

hành nghiệp đạo bất thiện, theo thói chơi đùa, lấy làm vui thích vô cùng.

8. Sai biệt của nghiệp:

Đó là có nghiệp tạo tác, có nghiệp không tạo tác. Có nghiệp tăng trưởng, có nghiệp không tăng trưởng. Có nghiệp tư duy, có nghiệp không tư duy. Có nghiệp thuận định thọ, nghiệp thuận bất định thọ. Nghiệp dị thực đã chín, nghiệp dị thực chưa chín. Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký. Nghiệp nhiếp thuộc luật nghi, nghiệp nhiếp thuộc bất luật nghi, nghiệp nhiếp thuộc phi luật nghi phi bất luật nghi. Nghiệp tánh thí, nghiệp tánh giới, nghiệp tánh tu. Nghiệp phước, nghiệp phi phước, nghiệp bất động. Nghiệp thuận thọ lạc, nghiệp thuận thọ khổ, nghiệp thuận thọ không khổ không lạc. Nghiệp thuận thọ hiện pháp, nghiệp thuận thọ sanh, nghiệp thuận thọ về sau. Nghiệp quá khứ, nghiệp vị lai, nghiệp hiện tại. Nghiệp hệ thuộc Dục, nghiệp hệ thuộc Sắc, nghiệp hệ thuộc Vô sắc. Nghiệp học, nghiệp vô học, nghiệp phi học phi vô học. Nghiệp kiến sở đoạn, nghiệp tu sở đoạn, nghiệp không đoạn. Nghiệp hắc dị thực hắc,

nghiệp bạch dị thực bạch, nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch. Nghiệp không có dị thực, không phải hắc, không phải bạch, năng tận các nghiệp. Nghiệp quanh co, nghiệp uest, nghiệp trực, nghiệp thanh tịnh, nghiệp tịch tĩnh.

Nghiệp tạo tác: tức là hoặc nghiệp tư duy, hoặc đã tư duy rồi mới khởi chuyển thân nghiệp ngữ nghiệp.

Nghiệp không tạo tác: tức là hoặc nghiệp không do tư duy, hoặc đã không tư duy không khởi chuyển thân nghiệp ngữ nghiệp.

Nghiệp tăng trưởng: tức là trừ ra 10 chủng nghiệp sau. Những gì là mười? 1. Nghiệp do làm trong mộng寐; 2. Nghiệp do vô tri mà làm; 3. Nghiệp do không cố ý tư duy mà làm; 4. Nghiệp do không có lợi, không cân nhắc mà làm; 5. Nghiệp do cuồng loạn mà làm; 6. Nghiệp do thất niệm mà làm; 7. Nghiệp do không vui muốn mà làm; 8. Nghiệp do tự tánh vô ký mà làm; 9. Nghiệp do hối tiếc sự việc đã gây ra tổn hại; 10. Nghiệp đối trị sự tổn hại.

Trừ mười chủng nghiệp đây, thì các nghiệp còn lại đều gọi là nghiệp tăng trưởng.

Nghiệp không tăng trưởng: tức là mười chủng

nghiệp đã nói ở trên.

Nghiệp do cố tư duy: tức là nghiệp sau khi đã cố ý suy nghĩ rồi, hoặc tạo tác nghiệp, hoặc tăng trưởng.

Nghiệp không cố ý tư duy: tức là nghiệp không do cố ý suy nghĩ mà làm.

Nghiệp thuận định thọ: tức là nghiệp đã cố ý suy nghĩ rồi, hoặc làm, hoặc khiến tăng trưởng.

Nghiệp thuận bất định thọ: tức là nghiệp đã cố ý suy nghĩ rồi, tuy tạo tác mà không khiến tăng trưởng.

Nghiệp dị thực đã chín: tức là nghiệp đã cho quả.

Nghiệp dị thực chưa chín: tức là nghiệp chưa cho quả.

Nghiệp thiện: tức là nghiệp do không tham, không sân, không si làm nhân duyên.

Nghiệp bất thiện: tức là nghiệp do tham, sân, si làm nhân duyên.

Nghiệp vô ký: tức là nghiệp chẳng phải do không tham không sân không si làm nhân duyên, cũng chẳng phải do tham sân si làm nhân duyên.

Nghiệp nhiếp thuộc luật nghi: tức là nghiệp

niếp thuộc Biệt giải thoát luật nghi, hoặc nghiệp nhiếp thuộc tĩnh lự đấng chí quả đoạn luật nghi, hoặc nghiệp nhiếp thuộc vô lậu luật nghi.

Nghiệp nhiếp thuộc bất luật nghi: tức là các nghiệp nhiếp thuộc 12 chủng loại bất luật nghi. Những gì là 12 loại bất luật nghi? 1. Giết dê; 2. Mua bán gà; 3. Mua bán heo; 4. Bắt chim; 5. Giăng lưới bắt thỏ; 6. Trộm cướp; 7. Bắt nghêu sò, làm chả; 8. Cai ngục; 9. Gièm pha; 10. Xét xử án; 11. Huấn luyện voi; 12. Trù yếm rồng.

Nghiệp nhiếp thuộc phi luật nghi phi bất luật nghi: tức là trừ ra 3 chủng nghiệp luật nghi và nghiệp thuộc 12 chủng loại bất luật nghi. Tất cả nghiệp thiện, bất thiện và vô ký còn lại.

Nghiệp tánh thí: tức là hoặc nhân duyên, hoặc đấng khởi, hoặc y xứ, hoặc tự tánh.

- Nhân duyên: tức là lấy không tham, không sân, không si làm nhân duyên.

- Đấng khởi: tức là không tham, không sân, không si đồng hành. Năng xả vật được thí. Năng tư duy khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp.

- Y xứ: tức là lấy vật đem thí và người thọ thí làm chỗ nương tựa.

- Tự tánh: tức là thân nghiệp ngữ nghiệp đã phát khởi tư duy, năng xả bỏ vật thí.

Nghiệp tánh giới: như nghiệp tánh thí.

- Nhân duyên và đẳng khởi của nghiệp tánh giới cũng như trước.

- Tự tánh: tức là thân nghiệp, ngữ nghiệp nhiếp thuộc luật nghi.

- Y xứ: tức là vật loại hữu tình, phi hữu tình.

Nghiệp tánh tu: như nghiệp tánh thí.

- Nhân duyên: tức là nhân duyên tam-ma-địa, đó là không tham, không sân, không si.

- Đẳng khởi: tức là tam-ma-địa kia câu hành dẫn phát định Tư.

- Tự tánh: tức là tam-ma-địa.

- Y xứ: tức là mười phương hữu tình giới không khổ không vui... Lại người tu đầy đủ thí giới, sở hữu tương mạo như đã nói ở các xứ khác.

Nghiệp phước: tức là nghiệp dị thực năng cảm thiện thú và nghiệp thuận thọ thiện ở trong năm thú.

Nghiệp phi phước: tức là nghiệp dị thực năng cảm ác thú và nghiệp thuận thọ bất thiện ở trong năm thú.

Nghiệp bất động: tức là nghiệp dị thực cảm Sắc giới, Vô sắc giới, và nghiệp thuận thọ thiện ở Sắc giới, Vô sắc giới.

Nghiệp thuận thọ lạc: tức là nghiệp phước và nghiệp bất động thuận thọ ba tinh lự.

Nghiệp thuận thọ khổ: tức là nghiệp phi phước.

Nghiệp thuận thọ không khổ không lạc: tức là nghiệp dị thực A-lại-da thức, năng cảm tất cả xứ và nghiệp bất động Đệ tứ tinh lự trở lên.

Nghiệp thuận thọ hiện pháp: tức là nghiệp năng cảm quả ở hiện pháp.

Nghiệp thuận thọ sanh: tức là nghiệp năng cảm quả sanh không gián đoạn.

Nghiệp thuận thọ về sau: tức là nghiệp năng cảm quả sanh về sau.

Nghiệp quá khứ: tức là nghiệp trụ ở vị tập khí, hoặc đã cho quả, hoặc chưa cho quả.

Nghiệp vị lai: tức là nghiệp chưa sanh chưa diệt.

Nghiệp hiện tại: tức là nghiệp đã tạo tác đã tư duy nhưng chưa diệt.

Nghiệp hệ thuộc Dục: tức là nghiệp năng cảm dị thực Dục giới, đọa vào Dục giới.

Nghiệp hệ thuộc Sắc: tức là nghiệp năng cảm dị thực Sắc giới, đọa vào Sắc giới.

Nghiệp hệ thuộc Vô sắc: tức là nghiệp năng cảm dị thực Vô sắc giới, đọa vào Vô sắc giới.

Nghiệp học: tức là chỗ có các nghiệp thiện, hoặc dị sanh, hoặc không phải dị sanh tương tục tiếp nối học.

Nghiệp vô học: tức là chỗ có các nghiệp thiện tương tục tiếp nối trong vô học.

Nghiệp phi học phi vô học: tức là trừ ra hai chủng học và vô học ở trước, chỗ có nghiệp tương tục tiếp nối trong bất thiện vô ký còn lại.

Nghiệp kiến sở đoạn: tức là nghiệp bất thiện thọ ác thú.

Nghiệp tu sở đoạn: tức là nghiệp thiện, bất thiện, vô ký thọ thiện thú.

Nghiệp không đoạn: tức là các nghiệp vô lậu thế, xuất thế.

Nghiệp hắc dị thực hắc: tức là nghiệp phi phước.

Nghiệp bạch dị thực bạch: tức là nghiệp bất động.

Nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch: tức là nghiệp phước, có nghiệp bất thiện làm oán đối. Do

lúc sở hữu nghiệp phước mà chưa đoạn trừ nghiệp phi phước, nên kiến lập nghiệp đây.

Nghiệp không có dị thực, không phải hắc, không phải bạch, năng tận các nghiệp: tức là các nghiệp vô lậu xuất thế gian. Nghiệp đây đối trị đoạn ba nghiệp trên.

Nghiệp quanh co: tức là nghiệp thiện, bất thiện của các ngoại đạo.

Nghiệp uest: cũng tức là nghiệp quanh co, cũng gọi là nghiệp xấu. Lại có nghiệp uest tức là pháp dị sanh ở trong thánh giáo, như: kẻ kiến chấp điên đảo, kẻ trụ kiến thủ của mình, kẻ tà quyết định, kẻ hiểu biết do dự, kẻ sở hữu nghiệp thiện bất thiện.

Nghiệp trước: tức là nghiệp quanh co và nghiệp uest, cũng gọi là nghiệp dơ bẩn. Lại có nghiệp trước là pháp dị sanh ở trong thánh giáo, như: kẻ không quyết định, kẻ hiểu biết do dự, kẻ có sở hữu nghiệp thiện bất thiện.

Lại có sự sai khác, tức là chỉ ở trong pháp ngoại đạo mới có ba nghiệp sau: do nghĩa hành tà giải, cho nên gọi là nghiệp quanh co. Do nghĩa lấy đây làm chỗ nương tựa, nên chướng ngại các công đức phát khởi, gọi là nghiệp uest. Do nghĩa năng

chương ngại trong việc thông đạt chân như, cho nên gọi là nghiệp trước.

Nghiệp thanh tịnh: tức là pháp dị sanh ở trong thánh giáo, như: người chánh quyết định, người hiểu biết không do dự, người sở hữu nghiệp thiện.

Nghiệp tịch tĩnh: tức là những bậc trụ pháp đây không phải dị sanh, sở hữu nghiệp học, vô học của tất cả thánh giả.

9. Quá hoạn của nghiệp:

Lược thuyết thì mỗi một nghiệp có 7 quá hoạn: 1. Năng tự hại mình; 2. Năng làm hại người; 3. Năng làm hại cả mình và người; 4. Sanh tội ở hiện pháp; 5. Sanh tội ở hậu pháp; 6. Sanh tội ở hậu pháp và hiện pháp; 7. Thân tâm kia thọ sanh ưu khổ.

Như lấy ví dụ kẻ sát sanh, do sát sanh làm nhân:

Sao gọi là năng tự hại mình? Là phát khởi phương tiện làm hại sanh mạng, nhưng việc kia chẳng năng tổn hại người khác. Do nhân duyên đây bèn tự mình bị hại: hoặc bị trói buộc, hoặc gặp sự thối thất, hoặc bị chê trách.

Sao gọi là năng làm hại người? Là do kẻ kia phát khởi phương tiện năng tổn hại mạng người. Do nhân duyên đây, tự mình chẳng bị hại cho đến chẳng bị chê trách.

Sao gọi là năng làm hại cả mình và người? Là do kẻ kia khởi phương tiện năng tổn hại người. Do nhân duyên đây, trở lại bị người hại, hoặc bị trói buộc, cho đến bị chê trách.

Sao gọi là sanh tội ở hiện pháp? Như năng tự làm hại mình.

Sao gọi là sanh tội ở hậu pháp? Như năng làm hại người.

Sao gọi là sanh tội ở hiện pháp và ở hậu pháp? Như năng làm hại cả mình và người.

Sao gọi là thân tâm kia thọ sanh ưu khổ? Tức là phát khởi phương tiện làm hại sanh mạng, mà không thể thành 6 chủng quá thất. Lại cũng không thể trọn thành rốt ráo việc muốn sát giết. Bởi kia không gặp được nhân duyên thuận lợi để thực hiện ý muốn, nên thân tâm thọ sanh ưu khổ.

Lại có 10 chủng quá hoạn y cứ vào phạm Thi-la, nên biết như kinh đã rộng thuyết. Lại có 4 chủng nghiệp đạo bất thiện và lấy việc uống các

loại rượu làm nghiệp đạo thứ năm. Y cứ vào sự hủy phạm 5 học xứ của thiện nam tử, Đức Bạc-Già-Phạm đã nói nhiều quá hoạn, như *Kinh Xiển-Địa-Ca* đã nói rộng.

E₃. Sao gọi là sanh tạp nhiễm:

Do 4 chủng tướng: **1.** Do sai biệt; **2.** Do gian khổ; **3.** Do bất định; **4.** Do lưu chuyển.

1. Do sai biệt:

Đây lại có 5 chủng: 1. Giới sai biệt; 2. Cõi thú sai biệt; 3. Xứ sở sai biệt; 4. Thắng sanh sai biệt; 5. Tự thân thể gian sai biệt.

Giới sai biệt: tức là sự sanh ở Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới sai biệt.

Thú sai biệt: tức là 4 cách sanh ở 5 thú sai biệt.

Xứ sai biệt: tức là trong cõi Dục có 36 xứ sanh sai biệt. Ở trong cõi Sắc có 18 xứ sanh sai biệt. Trong cõi Vô sắc có 4 xứ sanh sai biệt. Như vậy tổng cộng có 58 cõi sanh.

Thắng sanh sai biệt: tức là người ở trong Dục giới có 3 chủng thắng sanh:

- Thắng sanh sanh hắc: như có người sanh

vào nhà đồ tể, hoặc nhà xem tướng, hoặc nhà làm xe, hoặc nhà làm tre trúc, hoặc sanh vào nhà bần cùng hạ tiện, hoặc sanh vào nhà thiếu thốn tài vật ăn uống... Như vậy gọi là kẻ thiếu phước đức trong loài người.

- Thắng sanh sanh bạch: như có người sanh vào nhà phú quý giàu sang dòng Sát-đế-lợi, hoặc sanh vào nhà phú quý giàu sang dòng Bà-la-môn, hoặc sanh vào nhà phú quý giàu sang đại trưởng giả, hoặc sanh vào các nhà hào tộc đại phú quý khác, nhà có rất nhiều tài vật kho báu... Như vậy gọi là kẻ có phước đức thù thắng trong loài người.

- Thắng sanh sanh không phải hắc không phải bạch: như có người sanh vào nhà không thuộc trong hai nhà trước.

Lại trong cõi trời Dục cũng có 3 chủng thắng sanh: 1. Sanh phi thiên; 2. Nương phần đất mà sanh; 3. Nương cung điện trong hư không mà sanh.

Lại trong cõi Sắc có 3 chủng thắng sanh: 1. Sanh của trời Vô tướng; 2. Sanh của trời Hữu tướng; 3. Sanh của trời Tịnh cư.

Lại trong cõi Vô sắc có 3 thắng sanh: 1. Sanh của cõi trời Vô lượng tướng; 2. Sanh của cõi trời Vô sở hữu

tưởng; 3. Sanh của cõi trời Phi tướng phi phi tướng.

Tự thân thế gian sai biệt: tức là ở trong mười phương vô lượng thế giới, có vô lượng hữu tình, nên cũng có vô lượng sự sanh sai biệt.

2. Do gian khổ:

Như Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Các ông trường thời rong ruổi trong sanh tử, máu trong thân chảy ra nhiều hơn nước bốn biển lớn. Vì sao? Các ông trong đêm dài sanh tử, hoặc sanh đồng phận trong loài voi, ngựa, lừa, trâu, dê, gà, hươu... Ở trong các loài kia, thân thể các ông đã từng bị bầm chặt chất chồng, máu các ông chảy tràn. Như trong chúng đồng phận với voi... thì sanh trong người cũng vậy. Lại nữa, các ông trong đêm dài sanh tử từng tan hoại vô lượng cha mẹ, anh em, chị em, thân tộc, lại thêm tan hoại chủng chủng tài bảo, các vật nuôi thân, nên nước mắt nước mũi các ông tuôn chảy cũng nhiều như máu. Như số lượng máu, nước mắt, nước mũi nhiều vô kể, nên biết sữa các ông uống lượng cũng như vậy”. Hết thấy loại như vậy, nên biết sự vất vả cay đắng khốn khổ của sanh có vô lượng sai biệt.

3. Do bất định:

Như Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Giả sử lấy tất cả gốc thân cành lá cỏ cây có ở đại địa, chẻ ra thành nhiều thẻ lượng bằng bốn ngón tay, để tính đếm số cha mẹ mà các ông trong đêm dài sanh tử triển chuyển trải qua. Chúng sanh như vậy từng làm mẹ ta, trong dòng sanh tử ta cũng từng làm mẹ họ. Chúng sanh như vậy từng làm cha ta, trong dòng sanh tử ta cũng từng làm cha họ. Tính đếm như vậy, các thẻ chóng có thể tận hết, mà không thể nói hết hạn lượng cha mẹ triển chuyển qua lại trong sanh tử”.

Lại thuyết rằng: “Hữu tình các ông tự quán sát đêm dài sanh tử xoay vần, thành tựu ưu khổ nặng nề bậc nhất, nay được cứu cánh. Các ông nên biết, Ta cũng đã từng thống khổ như vậy. Như khổ thì vui cũng vậy”.

Lại thuyết rằng: “Ta xem khắp đại địa, chưa xứ sở nào mà các ông trong đêm dài sanh tử chưa đến, chưa từng trải qua hết thọ lượng sanh tử ở các xứ sở đây”.

Lại thuyết rằng: “Ta xem thấy hữu tình thế gian chẳng dễ tránh được đêm dài sanh tử lưu

chuyển, hoặc làm cha, hoặc làm mẹ, hoặc làm anh em, chị em, hoặc Quý phạm sư, hoặc Thân giáo sư, hoặc các bậc tôn trọng khác”.

Lại thuyết rằng: “Giả sử có người gom gọn xương cốt cùng những chi phần không bị hoại nát của thân thọ lãnh trong một kiếp của một bồ-đặc-già-la, thì số lượng tích tụ này cao hơn thành Vương Xá, rộng lớn như một quả núi”.

4. Do lưu chuyển:

Sở hữu duyên khởi của tự thân gọi là lưu chuyển. Sao gọi là duyên khởi?

Ốt-Đà-Nam nói :

*Thế, môn, nghĩa sai biệt,
Thứ lớp, khó giải thích,
Tánh duyên, phân biệt duyên,
Nhiếp các kinh là sau.*

a. Vì thế; **b.** Vì môn; **c.** Vì nghĩa; **d.** Vì sai biệt; **e.** Vì thứ lớp; **f.** Vì khó giải thích; **g.** Vì tánh duyên; **h.** Vì phân biệt duyên; **i.** Vì các kinh nhiếp, nên rõ biết duyên khởi.

a. Sao gọi là thế duyên khởi? Nếu lược thuyết

thì do 3 chủng tướng kiến lập: 1. Từ tiền tế, trung tế sanh; 2. Từ trung tế, hậu tế sanh; 3. Từ trung tế sanh rồi, hoặc thú hướng lưu chuyển, hoặc thú hướng đến cứu cánh thanh tịnh.

Sao gọi là từ tiền tế, trung tế sanh; trung tế sanh rồi lại thú hướng lưu chuyển? Như có người không rõ được tiền tế, bị vô minh nhiếp lấy. Do vô minh làm duyên, nên nghiệp thân ngũ ý tạo tác, hoặc tăng trưởng tùy theo phước, hoặc phi phước, hoặc bất động. Do đây đến lúc mạng chung, nghiệp tùy theo thức đã tạo lưu chuyển không dứt năng làm hậu hữu, nên nhân thức tương tục tiếp nối. Khi thức đây sắp sanh quả, lại được kết hợp bởi tham ái trong ngoài chánh hiện tại tiền. Lấy tham ái đây làm trợ bạn, nên từ tiền tế kia xả mạng rồi, ở đời hiện tại tự thể được sanh. Ở trong thai mẹ, lấy nhân thức làm duyên, do đây trước sau thứ lớp quả thức tương tục tiếp nối mà sanh, cho đến thành các vị yết-la-lam... sai khác mà chuyển. Ở trong thai mẹ, quả thức tương tục tiếp nối cùng với danh sắc cho đến lão tử dần dần tăng trưởng. Bấy giờ chiêu cảm sự sanh, thọ nghiệp danh sắc cùng với quả dị thực. Lại dị thực thức đây, tức nương nơi

danh sắc mà chuyển. Vì phải nương giá sáu y xứ mà chuyển, cho nên kinh nói “danh sắc duyên thức”. Câu hữu y căn gọi là sắc, đẳng vô gián diệt y căn gọi là danh. Tùy theo chỗ thích hợp, danh sắc làm sở y sáu thức. Vì nương tựa danh sắc kia cho đến mạng chung, các thức lưu chuyển. Lại năm sắc căn, hoặc căn sở y đại chủng, hoặc căn xứ sở, hoặc căn năng sanh đại chủng, gọi là sắc. Còn lại gọi là danh. Do thức chấp thọ các căn rơi vào pháp tương tục mới có được lưu chuyển, cho nên hai chủng đây nương vào thức tương tục không đoạn dứt. Do đạo lý đây, ở đời hiện tại thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức giống như đám cỏ lau, cho đến mạng chung nương tựa nối nhau mà chuyển. Như vậy gọi là từ tiền tế, các hành duyên khởi trung tế sanh, trung tế sanh rồi lưu chuyển không dứt.

Nên biết, trong đây nương loài thai sanh nên nói thứ lớp lưu chuyển. Hoặc loài noãn sanh, thấp sanh, thì trừ ở thai mẹ, còn lại như trước đã thuyết. Hoặc hữu tình ở trong tụ Hữu sắc có sự sai khác so với trước, tức là hữu tình thọ hóa sanh ở Dục giới, Sắc giới, các căn quyết định viên mãn mà sanh. Hoặc ở Vô sắc giới có sự sai khác so với loài trước,

tức lấy danh làm chỗ nương và chủng tử sắc làm chỗ nương mà thức được sanh khởi. Lấy thức làm chỗ nương, nên danh và chủng tử sắc chuyển. Theo đây, chủng tử sắc tuy đã đoạn dứt, nhưng về sau lại được sanh. Lại do nghiệp phước nên sanh trong người, trời Dục giới, do nghiệp phi phước sanh vào đường ác thú, do nghiệp bất động nên sanh hoặc Sắc giới, hoặc Vô sắc giới.

Sao gọi là bất sanh? Do bất sanh nên thú hưởng cứu cánh thanh tịnh.

Sao gọi là từ trung tế, các hành duyên khởi hậu tế sanh? Trung tế bổ-đặc-già-la đã sanh, trước thọ 2 chủng quả nghiệp là: thọ quả dị thực bên trong và thọ quả tăng thượng do cảnh giới sanh ra.

Bổ-đặc-già-la đây vì nghe pháp bất chánh, hoặc vì trước đã thường xuyên tập, nên ngu si đối với hai quả trên. Do ngu si đối với quả dị thực bên trong, nên không như thật biết sự sanh khổ hậu hữu. Do mê hậu hữu, hậu tế vô minh lực tăng thượng, nên như trước ở nơi các hành hoặc tạo tác, hoặc tăng trưởng. Do đây tạo tác nghiệp mới, nên thức đây gọi là thức tùy theo nghiệp. Tức ở trong hiện pháp, vô minh làm duyên sanh hành, hành làm duyên sanh

thức. Thức đây ở trong hiện pháp gọi là nhân thức. Về sau năng nhiếp thọ sanh quả thức.

Lại tổng y tất cả thức gọi là sáu thức thân. Lại tức thức đây là chỗ triển chuyển theo đuổi của chủng tử danh sắc hậu hữu. Chủng tử danh sắc đây là chỗ triển chuyển theo đuổi của chủng tử sáu xứ hậu hữu. Chủng tử sáu xứ đây là chỗ triển chuyển theo đuổi của chủng tử xúc hậu hữu. Chủng tử xúc đây là chỗ triển chuyển theo đuổi của chủng tử thọ hậu hữu.

Như vậy gọi chung là ở trung tế dẫn nhân hậu hữu. Do đây năng dẫn thức cho đến thọ một thân mới.

Kể kia do trước đã ngu si đối với quả dị thực dẫn hậu hữu rồi, lại do ngu si thứ hai đối với quả cảnh giới sanh thọ, cho nên duyên cảnh giới thọ phát khởi ái. Do ái đây hoặc phát cầu dục, hoặc phát cầu hữu, hoặc chấp dục thủ, hoặc chấp kiến thủ, giới thủ và ngã ngữ thủ. Do ái thủ đây hòa hợp tươi nhuận, khiến dẫn nhân trước chuyển, gọi là hữu. Tức là nhiếp thuộc nhân sanh hậu hữu. Từ đây không gián đoạn cho đến mạng chung rồi, tùy theo trước dẫn nhân dẫn dắt thức... thọ là rốt sau,

nên các hành đây sanh, hoặc từ từ, hoặc tức thời.

Như vậy ở trong hiện pháp vô minh xúc sanh thọ, thọ làm duyên sanh ái, ái làm duyên sanh thủ, thủ làm duyên sanh hữu, hữu làm duyên sanh sanh, sanh làm duyên sanh các khổ lão bệnh tử... sai biệt. Hoặc ở nơi thứ lớp sanh xứ đã hiển bày ở trước, hoặc sự triển chuyển theo đuổi của chủng tử, nên ở trung tế vô minh duyên hành... thọ duyên ái... làm nhân duyên, nên hậu tế các hành sanh.

Lại có người trước đã tích tập tư lương, tức là ở trong hiện pháp từ lời người mà được nghe chánh pháp, nên đối với hai quả của các hành, hoặc đối với nhân kia, diệt kia, thú đến diệt hành kia, như lý tác ý. Do như lý tác ý đây làm duyên nên chánh kiến sanh. Từ đây thứ lớp đắc trí kiến thanh tịnh học, vô học. Do trí kiến đây, nên vô minh và ái vĩnh viễn đoạn không sót thừa. Do đoạn đây, nên không như thật biết sở duyên kia, vô minh xúc sanh ra thọ cũng lại vĩnh viễn đoạn. Do đoạn đây, nên vĩnh viễn lìa vô minh, ở trong hiện pháp chứng tuệ giải thoát. Nếu ở nơi vô minh xúc sở sanh thọ có tâm sanh khởi tương ưng tham ái, tức nơi tâm kia năng lìa trói buộc, cho nên tham ái vĩnh viễn

diệt, ở trong hiện pháp chứng tâm giải thoát. Nếu vô minh kia không vĩnh viễn đoạn, tức nương thức... cuối cùng là thọ, hậu tế các hành sẽ được sanh khởi. Do vô minh diệt, nên không sanh khởi trở lại, chứng đắc pháp vô sanh. Cho nên thuyết rằng: Vô minh diệt nên hành diệt, thứ lớp cho đến dị thực sanh xúc diệt, đây diệt nên dị thực sanh thọ diệt. Ở trong hiện pháp vô minh diệt nên vô minh xúc diệt, vô minh xúc diệt nên vô minh xúc sanh thọ diệt, vô minh xúc sanh thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên như trước đắc pháp vô sanh. Do đây nên thuyết các hành thủ... cho đến cuối cùng là lão vĩnh viễn diệt.

Như vậy, ở trong hiện pháp các hành không chuyển. Do không chuyển, nên ở trong hiện pháp, ở trong Hữu dư y giới chứng đắc hiện pháp Niết-bàn. Lúc bấy giờ kia duy chỉ còn thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức thanh tịnh. Cho đến thân có thức thường thọ lãnh lìa sự trói buộc của thọ, không chịu sự trói buộc của thọ. Thân có thức đây cho đến do nghiệp trước dẫn dắt thọ lượng, hằng trụ tương tục tiếp nối. Nếu thọ lượng tận, bèn xả thức chấp trì nơi thân. Mạng căn đây diệt rồi, cho đến về sau cũng vĩnh viễn diệt không sót thừa,

trộn không thành thực trở lại. Lại nữa, thức đây và tất cả thọ nhậm vận diệt. Nhân duyên còn lại trước đã diệt, nên không tương tục trở lại, vĩnh viễn diệt không sót thừa. Đây gọi là Vô dư y Niết-bàn giới, xứ cứu cánh tịch tĩnh, cũng gọi là người cầu hướng đến Niết-bàn, ở chỗ Thế Tôn ở, phạm hạnh đã lập, cứu cánh Niết-bàn.

Như vậy đã thuyết do 3 chủng tướng kiến lập duyên khởi, đó là: từ tiền tế, trung tế sanh; từ trung tế, hậu tế sanh; lại ở trung tế hoặc lưu chuyển, hoặc thanh tịnh. Đây gọi là thể tánh duyên khởi.

b. Sao gọi là môn duyên khởi? Nương 8 môn khiến duyên khởi lưu chuyển: 1. Môn nội thức sanh; 2. Môn lúa bên ngoài thành thực; 3. Môn sanh tử của hữu tình thế gian; 4. Môn khí thế gian thành hoại; 5. Môn thức ăn giữ gìn; 6. Môn tự mình tạo làm nghiệp thế lực tăng thượng, quả ái phi ái sở đắc theo nghiệp thọ dụng; 7. Môn uy thế; 8. Môn thanh tịnh.

c. Sao gọi là nghĩa duyên khởi? Nghĩa hữu tình chia lìa là nghĩa duyên khởi. Ở nơi hữu tình chia lìa, lại nghĩa vô thường là nghĩa duyên khởi. Ở nơi vô thường, lại nghĩa tạm trụ là nghĩa duyên khởi. Ở nơi tạm trụ, lại nghĩa nương người khác là

nghĩa duyên khởi. Ở nơi nương người khác, nghĩa tác dụng chia lìa là nghĩa duyên khởi. Ở nơi tác dụng chia lìa, lại nghĩa nhân quả tương tục tiếp nối không đoạn diệt là nghĩa duyên khởi. Ở nơi nhân quả tương tục tiếp nối không đoạn diệt, lại nghĩa nhân quả chuyển tương tự là nghĩa duyên khởi. Ở nơi nhân quả chuyển tương tự, lại nghĩa tự mình tạo làm nghiệp là nghĩa duyên khởi.

Hỏi: Vì hiển nghĩa nào mà kiến lập duyên khởi?

Đáp: Vì hiển rõ nghĩa nhân duyên nhiếp lấy thanh tịnh và nhiễm ô.

d. Sao gọi là sai biệt của duyên khởi? Tức là không hiểu biết đối với tiền tế... như kinh đã nói rộng.

Sao gọi là không hiểu biết đối với tiền tế? Đối với các hành quá khứ, phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Ta ở quá khứ là từng có chăng? Là từng không chăng? Đã từng có thể tánh nào, từng thuộc chủng loại nào?”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với hậu tế? Đối với các hành vị lai, phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Ta ở vị lai là sẽ có ư?

Là sẽ không ư? Sẽ có thể tánh nào? Sẽ thuộc chủng loại nào?”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với tiền hậu tế? Ở bên trong khởi do dự không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Những gì là ta? Ta là những gì? Nay hữu tình đây từ đâu đến đây? Ở đây chết rồi sẽ đi đến đâu?”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với bên trong? Đối với các hành riêng biệt phát khởi không như lý tác ý, chỗ không hiểu biết như: “Kia là ta”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với bên ngoài? Đối với các hành bên ngoài phi hữu tình số, phát khởi không như lý tác ý, chỗ không hiểu biết như: “Là vật của ta”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với trong ngoài? Đối với các hành tương tục khác, phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Đây là người oán, là người thân, là người giữa oán và thân”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với nghiệp? Đối với các nghiệp phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Đây có tác giả”. Đây

thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với dị thực? Đối với quả dị thực nhiếp lấy các hành, phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Đây có thọ giả”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với nghiệp dị thực? Đối với nghiệp và quả, phát khởi phân biệt không như lý, cũng thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với Phật? Đối với Phật Bồ-đề, chỗ không hiểu biết do không tư duy, hoặc do tà tư duy, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi hoặc, hoặc do hủy báng.

Sao gọi là không hiểu biết đối với Pháp? Đối với chánh pháp tánh thiện thuyết, chỗ không hiểu biết do không tư duy, hoặc do tà tư duy, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi hoặc, hoặc do phỉ báng.

Sao gọi là không hiểu biết đối với Tăng? Đối với chánh hạnh của Tăng, chỗ không hiểu biết do không tư duy, hoặc do tà tư duy, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi hoặc, hoặc do phỉ báng.

Sao gọi là không hiểu biết đối với khổ? Đối với khổ là tánh khổ, chỗ không hiểu biết do không tư duy, hoặc do tà tư duy, hoặc do phóng dật, hoặc

do nghi hoặc, hoặc do hủy báng.

Như không hiểu biết đối với khổ, thì không hiểu biết đối với tập, diệt, đạo cũng vậy.

Sao gọi là không hiểu biết đối với nhân? Tức là phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết hoặc do kế chấp vô nhân, hoặc do kế chấp Tự tại thiên, Phạm thế, tánh sĩ phu, trung gian... nhân không bình đẳng.

Như không hiểu biết đối với nhân, thì không hiểu biết đối với nhân sanh các hành cũng vậy.

Lại kia vô tội nên gọi là thiện. Có tội nên gọi là bất thiện. Có lợi ích nên gọi là nên tu tập. Không lợi ích nên gọi là không nên tu tập. Hắc nên gọi là có tội. Bạch nên gọi là vô tội. Tạp nên gọi là có phân chia.

Sao gọi là không hiểu biết đối với như thật thông đạt sáu xúc xứ? Tức là chỗ không hiểu biết của kẻ tăng thượng mạn, vì đối với những điều đã chứng tư duy điên đảo.

Như vậy đã lược thuyết 19 chủng không hiểu biết.

Lại có 7 chủng không hiểu biết khác: 1. Ngu thế; 2. Ngu sự; 3. Ngu di chuyển; 4. Ngu tối thắng;

5. Ngu chân thật; 6. Ngu nhiễm tịnh; 7. Ngu tăng thượng mạn.

Sao nói là 19 chủng trước và 7 chủng sau có sự tương quan lẫn nhau?

- Ba không hiểu biết đầu tiên nhiếp không hiểu biết thứ nhất.

- Ba không hiểu biết kế tiếp nhiếp không hiểu biết thứ hai.

- Ba không hiểu biết kế tiếp nhiếp không hiểu biết thứ ba.

- Ba không hiểu biết tiếp theo nhiếp không hiểu biết thứ tư.

- Bốn không hiểu biết kế tiếp nhiếp không hiểu biết thứ năm.

- Hai không hiểu biết tiếp theo nhiếp không hiểu biết thứ sáu.

- Không hiểu biết rốt sau nhiếp không hiểu biết thứ bảy.

Lại có 5 chủng ngu: 1. Ngu nghĩa; 2. Ngu kiến; 3. Ngu phóng dật; 4. Ngu chân thật nghĩa; 5. Ngu tăng thượng mạn.

Sao gọi là 19 chủng trước và 5 chủng ngu sau có sự tương quan nhiếp lẫn nhau?

- Sáu chủng không hiểu biết đầu tiên, hai chủng không hiểu biết đối với nhân, nhân sanh các hành, nhiếp thuộc ngu kiến.

- Ba chủng không hiểu biết đối với nghiệp, dị thực, nghiệp dị thực nhiếp thuộc ngu phóng dật.

- Bảy chủng không hiểu biết đối với Phật... cho đến không hiểu biết đối với đạo đế, nhiếp ngu chân thật nghĩa.

- Một chủng không hiểu biết sau cùng nhiếp thuộc ngu tăng thượng mạn.

- Tất cả không hiểu biết đều nhiếp thuộc ngu nghĩa.

- Vô minh:

Có 6 chủng sai biệt là: vô tri, vô kiến, không có hiện quán, hắc ám, ngu si và vô minh ám, thứ tự đi theo 7 chủng không hiểu biết đã nói ở trước. Đối với 2 chủng không hiểu biết cuối hợp chung làm một. Một sau cùng đây khởi vô minh hắc ám. Lại có sự sai khác, tức là sở tri văn, tư, tu chỗ thành tựu ba tuệ sai biệt. Tức sở tri đây có phẩm hạ, trung, thượng sai biệt, nên nói 3 chủng sau. Như vậy vì sở tri sai biệt và vì tự tánh sai biệt, nên kiến lập 6 chủng sai biệt.

-Hành:

Sao gọi là thân hành? Là thân nghiệp hoặc ở Dục giới, hoặc ở Sắc giới. Nếu ở cõi dưới, gọi là nghiệp phước, nghiệp phi phước. Nếu ở cõi trên, gọi là nghiệp bất động.

Sao gọi là ngữ hành? Là ngữ nghiệp hoặc ở Dục giới, hoặc ở Sắc giới. Nếu ở cõi dưới, gọi là nghiệp phước, nghiệp phi phước. Nếu ở cõi trên, gọi là nghiệp bất động.

Sao gọi là ý hành? Là ý nghiệp nếu ở tại Dục giới, gọi là nghiệp phước, nghiệp phi phước. Ở tại Sắc giới và Vô sắc giới chỉ gọi là nghiệp bất động.

-Thức:

Sao gọi là nhãn thức? Thức ở đương lai nương vào căn mắt, nhận biết rõ cảnh sắc. Là chủng tử thức mà các hành nghiệp phước, phi phước và bất động huân tập và phát triển. Chủng tử kia lại tiếp tục sanh quả thức.

Như nhãn thức, nhĩ thức cho đến ý thức nên biết cũng thế. Do sở y và cảnh giới, chỗ khởi liễu biệt có sự sai khác. Thức đây ở Dục giới thì đầy đủ 6 chủng, ở Sắc giới chỉ có 4 chủng, ở Vô sắc giới chỉ có 1 chủng.

-Uẩn:

Sao gọi là thọ uẩn? Tất cả chủng loại lãnh nạp.

Sao gọi là tướng uẩn? Tất cả chủng loại liễu biệt cảnh tượng.

Sao gọi là hành uẩn? Tất cả chủng loại nghiệp tác ý do tâm tạo.

Sao gọi là thức uẩn? Tất cả chủng loại liễu biệt.

Các uẩn như vậy đều thông cả ba cõi.

-Giới:

Sao gọi là 4 đại chủng? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Bốn đại chủng đây đều thông cả hai cõi Dục và Sắc.

Sao gọi là 4 đại chủng tạo sắc? Đó là 10 sắc xứ và pháp xứ nhiếp lấy sắc. Dục giới đầy đủ 10 sắc xứ và pháp giới nhiếp lấy giả sắc. Sắc giới có 8 sắc xứ và pháp xứ nhiếp lấy sắc, nhưng chẳng phải tất cả. Đây cũng có 2 chủng, tức là: chủng tử thức nhiếp thọ lấy chủng tử danh sắc và chủng tử thức kia sanh quả danh sắc.

-Xứ:

Sao gọi là nhân xứ? Tức là nhân thức sở y tịnh sắc. Do đây đối với sắc hoặc đã thấy, hoặc hiện thấy, hoặc sẽ thấy.

Như nhãn xứ, nhĩ xứ cho đến ý xứ tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng thế. Đối với tất cả xứ nên nói nghiệp dụng của ba thời sai biệt. Đây cũng có 2 chủng, đó là: chủng tử danh sắc nhiếp thọ lấy chủng tử của 6 xứ và chủng tử danh sắc sanh quả 6 xứ.

Năm xứ ở tại Dục giới, Sắc giới. Xứ thứ sáu thông cả ba giới.

-Xúc:

Sao gọi là nhãn xúc? Tức là nghĩa ba yếu tố căn, cảnh và thức hòa hợp sanh, năng thủ cảnh giới tịnh diệu.

Như vậy, các xúc còn lại tùy theo cảnh riêng mà biết được tướng ấy. Đây lại có 2 chủng, đó là: chủng tử 6 xứ nhiếp thọ lấy chủng tử xúc và chủng tử 6 xứ kia sanh quả xúc.

Dục giới có đầy đủ 6 chủng xúc. Sắc giới có 4 chủng xúc. Vô sắc giới có 1 chủng xúc.

-Thọ:

Sao gọi là thọ lạc? Các căn thuận cảnh giới lạc làm duyên, nên sanh thọ vui vẻ hoan duyệt, do thọ nhiếp lấy.

Sao gọi là thọ khổ? Các căn thuận cảnh giới

khổ làm duyên, nên sanh thọ không vui vẻ hoan duyệt, do thọ nhiếp lấy.

Sao gọi là thọ không khổ không lạc? Các căn thuận cảnh giới không khổ không lạc làm duyên, nên sanh thọ không phải vui vẻ hoan duyệt, không phải không vui vẻ hoan duyệt, do thọ nhiếp lấy.

Dục giới có cả 3 thọ. Sắc giới có 2 thọ. Từ Đệ tứ tinh lự trở lên cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ chỉ có thọ thứ ba là không khổ không lạc. Đây cũng có 2 chủng, đó là: chủng tử xúc nhiếp thọ chủng tử thọ và chủng tử xúc kia sanh quả thọ.



Quyển 10

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

Phần 7

-Ái:

Sao gọi là Dục ái? Tức là do các hành Dục giới làm duyên sanh ra. Đối với hành Dục giới, nhiệm ô và mong cầu. Do đây năng sanh quả khổ ở Dục giới.

Sao gọi là Sắc ái? Tức là do các hành Sắc giới làm duyên sanh ra. Đối với các hành Sắc giới, nhiệm ô và mong cầu. Do đây năng sanh quả khổ ở Sắc giới.

Sao gọi là Vô sắc ái? Tức là các hành Vô sắc giới làm duyên sanh ra. Đối với hành Vô sắc giới, nhiệm ô và mong cầu. Do đây năng sanh quả khổ Vô sắc giới.

-Thủ:

Sao gọi là dục thủ? Sở hữu dục tham ở trong các dục.

Sao gọi là kiến thủ? Sở hữu dục tham ở trong

các kiến, trừ tát-ca-da kiến.

Sao gọi là giới cấm thủ? Sở hữu dục tham do tà nguyện, phát khởi giới cấm.

Sao gọi là ngã ngữ thủ? Sở hữu dục tham ở trong tát-ca-da kiến.

Một thủ đầu năng sanh quả khổ Dục giới. Các thủ còn lại sanh quả khổ thông cả ba giới.

-Hữu:

Sao gọi là Dục hữu? Gốc hữu, nghiệp hữu, tử hữu, trung hữu, sanh hữu, na-lạc-ca hữu, bàng sanh hữu, ngã quý hữu, người hữu, trời Dục giới hữu, gọi chung là Dục hữu. Đây trước do sự tạo tác của các hành phiền não nhiếp thọ, huân ướp phát khởi.

Sao gọi là Sắc hữu? Trừ na-lạc-ca hữu, bàng sanh hữu, ngã quý hữu, người hữu, còn lại là Sắc hữu.

Sao gọi là Vô sắc hữu? Lại trừ trung hữu, còn lại là Vô sắc hữu.

Hỏi: Nương vào nghĩa nào mà kiến lập 7 hữu, đó là: na-lạc-ca hữu, bàng sanh hữu, ngã quý hữu, người hữu, trời hữu, nghiệp hữu, trung hữu?

Đáp: Vì nương 3 chủng sở tác: 1. Năng dẫn hữu, có một; 2. Hướng đến hữu, có một; 3. Thọ dụng quả hữu, có năm.

-Sanh:

Sao gọi là sanh? Lúc mới thác sanh ở 2 loại là thai sanh và noãn sanh.

Sao gọi là đẳng sanh? Tức nường nơi bào thai kia, thân phần viên mãn, nhưng chưa đến lúc ra ngoài.

Sao gọi là thú? Từ kia được sanh ra ngoài.

Sao gọi là khởi? Đã được sanh ra ngoài rồi, tiếp tục tăng trưởng.

Sao gọi là xuất hiện? Đối với 2 dạng sanh là thấp sanh và hóa sanh, thân phần tăng trưởng mau chóng.

Sao gọi là uẩn đắc? Tức ở trong các vị sanh kia, nắm thủ uẩn chuyển.

Sao gọi là giới đắc? Tức là tánh mà nhân duyên các uẩn kia nhiếp lấy.

Sao gọi là xứ đắc? Tức là tánh mà duyên khác các uẩn kia nhiếp lấy.

Sao gọi là các uẩn sanh khởi? Các uẩn kia ngày ngày được thức uống ăn nuôi dưỡng lớn lên.

Sao gọi là mạng căn xuất hiện? Các uẩn kia vì thọ lực khác nên được trụ tương tục.

Sau đây lược nghĩa sanh, đó là: hoặc tự tánh

sanh, hoặc vị sanh xứ, hoặc sự sanh, hoặc nhân duyên nhiếp lấy, hoặc nhậm trì dẫn dắt, hoặc nương tựa giữ gìn câu sanh. Đây gọi là lược nghĩa của sanh.

-Lão:

Sao gọi là suy? Nương vào sự suy yếu nên thân kia run rẩy.

Sao gọi là lão? Màu tóc suy giảm biến đổi.

Sao gọi là nhiếp? Lớp da thân thể dần dần nhăn nheo.

Sao gọi là thực? Nhiệt huyết suy giảm, không còn sức lực để thọ dụng dục trần.

Sao gọi là khí lực bị tổn hoại? Tánh nhiều tật bệnh, không có đủ sức lực để làm các sự nghiệp.

Sao gọi là thân có đốm đen? Dung sắc bị tổn giảm, vết nám xuất hiện.

Sao gọi là lưng còng, hơi thở hỗn hển gấp gáp? Đây là biểu hiện oai nghi khi đi đứng của thân hình. Do lưng còng nên hơi thở hỗn hển nặng nề, ho sù sụ.

Sao gọi là hình mạo cúi ra phía trước? Đây là biểu hiện oai nghi khi ngồi của thân hình, thân cong đầu cúi thấp.

Sao gọi là nương tựa vào gậy? Đây là biểu hiện

oai nghi khi đứng của thân hình, phải nương dựa vào sức cây gậy.

Sao gọi là hôn muội? Đây là biểu hiện oai nghi khi nằm của thân hình, ngủ nghỉ hay bị mê.

Sao gọi là gầy yếu? Tức là do cách nằm đây, nên không đủ sức bật dậy nhanh chóng.

Sao gọi là tổn giảm? Trí nhớ, sự minh mẫn bị giảm sút.

Sao gọi là suy thoái? Trí tuệ nhớ nghĩ suy kém, cho đến không thể thực hành thiện pháp.

Sao gọi là các căn già? Tức thân thể yếu kém.

Sao gọi là công dụng bị phá hoại? Người kia ở nơi cảnh không còn sáng suốt tinh anh.

Sao gọi là các hành mục nát? Kia lúc sắp chết.

Sao gọi là thân hình hư hoại mục nát? Thọ mạng sắp tận, thân hình sắp hoại, đối với các sự nghiệp không còn khả năng thực hiện.

Sau đây lược nghĩa lão, đó là: nương vào sự biến hoại, râu tóc biến hoại, đầy đủ vui thích biến hoại, nhiệt huyết biến hoại, không bệnh biến hoại, sắc tướng biến hoại, oai nghi biến hoại, các căn không sắc biến hoại, các căn có sắc biến hoại, thời khắc đã qua, thọ mạng sắp tận.

-Tử:

Sao gọi là những hữu tình? Hữu tình na-lạc-ca...

Sao gọi là chủng loại? Tất cả hữu tình kia.

Sao gọi là chung? Các hữu tình xả chi phần thân thể mà chết.

Sao gọi là tận? Các hữu tình thân phần phân rã mà chết.

Sao gọi là hoại? Thức lìa thân.

Sao gọi là một? Các sắc căn diệt.

Sao gọi là xả thọ? Hơi thở sắp tận.

Sao gọi là xả hơi ấm? Ở giai đoạn không còn động đập, xả bỏ các uẩn.

Sao gọi là mạng căn tàn diệt? Vào lúc chết.

Sao gọi là chết? Gặp duyên tai họa, không đúng lúc mà chết.

Sao gọi là thời vận tận hết? Mới chết chưa lâu. Lại nghiệp tử ma cũng gọi là thời vận tận hết.

Sau đây lược nghĩa tử, đó là: hoặc chết, hoặc pháp chết, hoặc chết sai biệt, hoặc giai đoạn sau khi chết.

Như vậy gọi là sai biệt của duyên khởi.

e. Sao gọi là thứ lớp duyên khởi?

Hỏi: Nhân duyên nào các chi hữu vô minh...

được nói thứ lớp như vậy?

Đáp: Các kẻ ngu si, trước ngu si ở nơi nhận biết các sự việc. Kế đến, ở nơi các sự việc kia mà phát khởi tà hạnh. Do tà hạnh đây, khiến tâm điên đảo. Do tâm điên đảo, nên kiết sanh tương tục. Do kiết sanh tương tục, nên các căn đầy đủ. Do các căn đầy đủ, nên có hai sự thọ dụng cảnh: hoặc đắm trước, hoặc mong cầu. Do mong cầu, nên lúc mới tìm kiếm, phiền não nảy sinh. Do phiền não nảy sinh, nên phát khởi nghiệp hậu hữu ái và hậu hữu phi ái. Do nghiệp lực sanh khởi và phát triển ở trong năm thú sanh tử, nên có quả sanh khổ. Có quả sanh khổ rồi, nên có hết thủy lão, tử khổ. Tức là nội thân biến đổi dẫn dắt lão tử khổ, cùng với cảnh giới biến đổi dẫn dắt ưu thán khổ, nhiệt não khổ. Cho nên Thế Tôn đã nói thứ lớp 12 chi như vậy.

Lại có thứ lớp 12 chi khác, đó là nương 2 chủng duyên kiến lập thứ lớp duyên khởi: 1. Duyên nội thân; 2. Duyên cảnh giới thọ dụng.

Duyên nội thân nhiếp thuộc sáu chi trước. Duyên cảnh giới thọ dụng nhiếp thuộc sáu chi sau.

Trước đối với nội thân khởi ngu chấp ngã... Do không thể liễu các nghiệp dẫn dắt quả khổ dị thực

đây, phát khởi các nghiệp. Nghiệp đã phát khởi, tức theo nghiệp kia khởi nhiều tâm tư. Do nghiệp được thức làm trợ bạn, năng cảm 3 chủng quả khổ đương lai: 1. Quả khổ nhiếp thuộc căn khởi; 2. Quả khổ nhiếp thuộc căn viên mãn; 3. Quả khổ nhiếp thuộc cảnh giới thọ dụng. Trong đây đầu tiên là danh sắc, sau cùng là xúc.

Nếu ở trong hiện pháp, nương xúc làm duyên cho thọ phát khởi ái, lại vì duyên cảnh giới thọ dụng, nên rộng khởi truy cầu. Hoặc do môn sự nghiệp, hoặc do môn lợi dưỡng, hoặc do môn giới cấm, hoặc do môn giải thoát mà phát khởi cầu dục, cầu nội thân, cầu tà giải thoát. Do cầu như vậy, khiến sự sanh khởi phiền não cùng nghiệp trước kia dẫn dắt quả sanh trong năm thú sanh tử. Đã được sanh rồi, lại bị lão tử triển chuyển theo đuổi.

Lại có thứ lớp 12 chi khác, đó là do 3 chủng tụ hữu tình: 1. Tụ hữu tình vui xuất thế thanh tịnh; 2. Tụ hữu tình vui thế gian; 3. Tụ hữu tình vui đắm cảnh giới.

- Tụ hữu tình ban đầu diệt các duyên khởi, tăng thêm phẩm bạch tịnh.

- Tụ hữu tình thứ hai không như thật biết đạo

lý các đế. Hoặc trụ chánh niệm, hoặc tạo tác nghiệp phước, hoặc tạo tác tu hữu lậu, dẫn dắt nghiệp bất động. Hoặc không trụ chánh niệm phát khởi nghiệp phi phước, hoặc tâm tương tục hồi hận dẫn dắt, hoặc tâm không tương tục hồi hận dẫn dắt, lại thêm hoan hỷ. Kia như trước đối với thứ lớp sanh xứ thượng, trung, hạ năng cảm ba chủng quả khổ đương lai, đầu tiên là danh sắc, sau cùng là xúc.

- Tu hữu tình thứ ba nương cảnh thọ dụng hiện tại mà sanh thọ. Ở trong hiện pháp, thứ lớp khởi 6 chi sau, đầu tiên là thọ, sau cùng là lão tử.

Hỏi: Nhân duyên nào trong thứ lớp nghịch duyên khởi, lão tử ở vị trí đầu tiên của các duyên khởi?

Đáp: Nương vào đạo lý đế để tuyên thuyết, lấy sanh và lão tử để hiển khổ đế. Như Thế Tôn nói: “Danh sắc mới diệt là pháp đứng đầu”.

Hỏi: Cớ sao không nói các vô minh diệt là pháp đứng đầu?

Đáp: Nương vào tâm giải thoát mà thi thiết kiến lập. Do kia chủng tử khổ ở trong hiện pháp và quả khổ ở đương lai không sanh mà chỉ có diệt, nên nói danh sắc làm tiền dẫn, thọ là rốt sau, được

diệt rất ráo.

Lại ở trong hiện pháp, lúc lãnh thọ các thọ, ái và tùy miên vĩnh viễn được nhổ tận gốc không còn sanh khởi, nên gọi là diệt. Do ái và tùy miên diệt làm tiền dẫn, nên các chi khác cũng diệt.

Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là tuyên thuyết thứ lớp duyên khởi.

f. Giải thích tên duyên khởi?

Hỏi: Cố sao duyên khởi lại được gọi là duyên khởi?

Đáp: Do phiền não hệ phược ở trong các cõi luân luân sanh khởi, cho nên gọi là duyên khởi. Đây chỉ nương chữ mà giải thích tên.

Lại nương vào nghĩa các duyên nhanh chóng tàn diệt lại nối tiếp hòa hợp sanh, nên gọi là duyên khởi. Đây nương vào nghĩa sát-na để giải thích.

Lại không lìa bỏ các duyên quá khứ, nương vào sự tương tục của chính các duyên mà được sanh khởi, nên được gọi là duyên khởi. Như thuyết: “Đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh, chẳng phải khác”. Do nương vào nghĩa đây mà giải thích tên.

Lại lớp lớp duyên tàn diệt, lại tương tục sanh khởi, nên gọi là duyên khởi. Đây nương vào nghĩa

luôn luôn hoại và luôn luôn diệt mà giải thích tên.

Lại ở đời quá khứ giác tánh duyên tương tục khởi, nên gọi là duyên khởi. Như Thế Tôn nói: “Ta đã giác ngộ nên chánh khởi tuyên thuyết”. Tức tên gọi đây được triển chuyển truyền nói lại cho nhau, nên gọi là duyên khởi.

g. Sao gọi là tánh duyên của duyên khởi?

Hỏi: Vô minh đối với hành làm chủng duyên gì?

Đáp: Đối với các hành sắc làm tăng thượng duyên. Đối với các hành vô sắc làm 3 duyên, đó là: đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên.

Như vậy các duyên khác, tùy theo chỗ thích hợp làm duyên nhiều ít sai khác nên biết. Tức là chi hữu sắc đối với chi hữu sắc làm một duyên là tăng thượng duyên, chi hữu sắc đối với chi vô sắc làm 2 duyên, đó là: sở duyên duyên và tăng thượng duyên.

Hoặc chi vô sắc đối với chi hữu sắc chỉ làm một duyên, nhưng đối với chi vô sắc làm 3 duyên, đó là: đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên.

Hỏi: Cớ sao các chi tương vọng lẫn nhau mà không có nhân duyên ư?

Đáp: Bởi nhân duyên tức là chỗ hiển duyên chúng tử tự thể.

Hỏi: Nếu các chi tương vọng mà không có nhân duyên, cố sao nói rằng: “Nương thể tánh nhân quả mà kiến lập duyên khởi”?

Đáp: Nương vào tăng thượng duyên nhiếp lấy nhân dẫn phát, nhân dẫn dắt và nhân sanh khởi, nên gọi là nhân.

Hỏi: Bao nhiêu chi nhiếp thuộc nhân dẫn dắt?

Đáp: Từ vô minh cho đến thọ.

Hỏi: Bao nhiêu chi nhiếp thuộc nhân sanh khởi?

Đáp: Từ ái cho đến hữu.

Hỏi: Bao nhiêu chi nhiếp thuộc quả của nhân sanh khởi và quả của nhân dẫn dắt?

Đáp: Thức... cho đến thọ ở trong hiện pháp và hậu pháp, các chi nhiếp thuộc vị sanh lão tử.

Hỏi: Nếu nói vô minh lấy không như lý tác ý làm nhân, vậy nhân duyên nào ở trong giáo lý duyên khởi không được nói đến đầu tiên?

Đáp: Bởi không như lý tác ý kia chỉ là nhân không gián đoạn, không phải nhân tạp nhiễm. Vì sao? Chỉ có kẻ ngu mới khởi không như lý tác ý. Nhưng trong đây chỉ nương nhân tạp nhiễm mà

nói giáo lý duyên khởi. Tự tánh vô minh là nhiễm ô, còn tự tánh của không như lý tác ý không phải là nhiễm ô. Cho nên kia không thể làm nhiễm ô vô minh, mà ngược lại chỉ do lực vô minh làm cho nhiễm ô. Lại nghiệp sanh tạp nhiễm do lực phiền não huân tập phát triển. Đây là nhân đầu tiên của nghiệp này, gọi là duyên khởi đầu tiên. Cho nên không thuyết không như lý tác ý là đầu tiên.

Hỏi: Có sao không nói: “Tự thể làm duyên của tự thể”?

Đáp: Do tự thể kia, nếu không có được duyên khác thì đối với tự thể tạp nhiễm không thể tăng trưởng, cũng không bị tổn giảm, cho nên không nói.

Hỏi: Do nhân duyên nào hành phước, hành bất động là do công lực của chánh tư duy chọn lựa mà khởi, nhưng sao lại nói: “Dụng vô minh làm duyên”?

Đáp: Do không liễu đạt nhân khổ thế tục làm duyên, nên sanh khởi hành phi phước. Do không liễu đạt nhân khổ thắng nghĩa làm duyên, nên sanh hành phước và hành bất động. Cho nên cũng nói: “Kia lấy vô minh làm duyên”.

Hỏi: Như trong kinh thuyết: “Các nghiệp lấy tham sân si làm duyên”, có sao trong đây chỉ nói

lấy si làm duyên?

Đáp: Trong đây thông cả duyên nghiệp phước, nghiệp phi phước và nghiệp bất động, còn duyên tham sân si chỉ sanh khởi nghiệp phi phước.

Hỏi: Thân nghiệp và ngũ nghiệp do tư mà được phát khởi, vậy thì hành cũng làm duyên hành, có sao chỉ nói: “Vô minh duyên hành”?

Đáp: Đây chỉ nương vào duyên phát khởi tất cả hành mà thuyết, và nương duyên tư duy sanh thiện, nhiễm ô mà nói.

Hỏi: Thức cũng lấy danh sắc làm duyên, có sao trong đây chỉ nói: “Hành làm duyên”?

Đáp: Hành là duyên của thức tạp nhiễm, năng dẫn, năng sanh quả hậu hữu; không phải như danh sắc, chỉ là duyên sở y, sở duyên sanh khởi.

Hỏi: Danh sắc cũng do đại chủng tạo ra và do xúc sanh ra, có sao chỉ nói: “Thức làm duyên”?

Đáp: Thức năng làm nhân thì kia mới được sanh. Kia đã sanh rồi, nếu lúc đang sanh, đại chủng và xúc có thể cùng kia làm nhân kiến lập.

Hỏi: Như trong kinh thuyết: “Sáu giới làm duyên được nhập thai mẹ”, có sao trong đây chỉ nói: “Thức giới làm duyên”?

Đáp: Nếu có thức giới thì quyết định ở trong thai mẹ, tinh huyết đại chủng, bụng, căn môn không bị khiếm khuyết. Lại thức giới trội hơn, lại nương tất cả sanh, tất cả thời có sanh mà nói.

Hỏi: Sáu xứ cũng lấy thức ăn uống làm duyên, có sao trong đây chỉ nói: “Danh sắc làm duyên”?

Đáp: Trong đây nói danh sắc, bởi lẽ đây làm nhân khiến kia sanh. Kia đã sanh rồi, cũng lấy thức ăn uống làm nhân giữ gìn.

Hỏi: Xúc lấy ba hòa hợp làm duyên, có sao trong đây chỉ nói: “Sáu xứ làm duyên”?

Đáp: Nếu có sáu xứ thì nhất định có hai duyên còn lại, không thể thiếu được. Lại sáu xứ thù thắng hơn vì nhiếp lấy cả hai chủng.

Hỏi: Hoặc tự mình bức bách, hoặc bị người khác bức bách, hoặc thời gian biến đổi, hoặc nghiệp trước dẫn dắt, đều khiến thọ được sanh, có sao trong đây chỉ hiển “Xúc làm duyên của thọ”?

Đáp: Bởi vì xúc là nhân gần thọ nhất. Do xúc dẫn dắt duyên khác mà sanh ra thọ, cũng từ xúc mà được sanh, nên không thể lìa xúc. Cho nên chỉ thuyết nghiêng về xúc.

Hỏi: Trong kinh cũng thuyết: “Vô minh làm

duyên sanh ái, thuận cảnh giới ái cũng được làm duyên”, cơ sao trong đây chỉ nói: “Thọ làm duyên”?

Đáp: Do lực của thọ, nên đối với cảnh tương tự hoặc cầu hòa hợp, hoặc cầu xa lìa. Do lực ngu si, nên ở nơi các tướng thọ khởi rồi diệt tận mà không như thật biết. Do đây không thể chế ngự được tâm.

Hỏi: Do tùy miên chưa đoạn, thuận các pháp kia, thủ được sanh, cơ sao trong đây chỉ nói: “Ái làm duyên của thủ”?

Đáp: Do hy vọng sanh nên trong lúc truy cầu năng phát khởi tùy miên và năng dẫn phát pháp thuận theo kia.

Hỏi: Trước đã nói: “Vô minh làm duyên khiến phát khởi nghiệp hữu”, cơ sao nay nói: “Thủ làm duyên hữu”?

Đáp: Do lực của thủ nên khiến nghiệp kia, ở sanh xứ kia, năng dẫn quả thức, danh sắc...

Hỏi: Sanh cũng lấy tinh huyết... làm duyên, cơ sao trong đây chỉ nói: “Hữu làm duyên sanh”?

Đáp: Do có hữu thì nhất định có duyên khác, không thể thiếu. Lại hữu vượt trội hơn nên chỉ thuyết hữu làm duyên.

Hỏi: Lão tử cũng do hành xa, không bỏ các

việc không quân bình, bị người bức bách... làm duyên, cơ sao trong đây chỉ nói: “Sanh làm duyên lão tử”?

Đáp: Do các duyên kia đều lấy sanh làm căn bản. Cho dù thiếu các duyên kia, nhưng chỉ cần có sanh làm duyên, nhất định có lão tử.

Hỏi: Mười hai chi đây, bao nhiêu là đạo phiền não, bao nhiêu là đạo nghiệp, bao nhiêu là đạo khổ?

Đáp: Ba là đạo phiền não, hai là đạo nghiệp, còn lại là đạo khổ.

Hỏi: Bao nhiêu chi là nhân? Bao nhiêu chi là quả? Bao nhiêu thông cả nhân và quả?

Đáp: Chi đầu tiên là nhân, chi sau cùng là quả, các chi còn lại thông cả nhân và quả. Có cách trả lời khác, đó là ba chi chỉ là nhân, hai chi chỉ là quả, nên biết các chi còn lại cũng là nhân, cũng là quả.

Hỏi: Bao nhiêu chi là tướng riêng? Bao nhiêu chi là tướng tạp?

Đáp: Ba chi là tướng riêng, hành... là tướng tạp.

Hỏi: Cơ sao hành có tướng tạp?

Đáp: Do 2 chủng nên nói như vậy, tức là: năng dẫn quả ái, phi ái và năng sanh vào các cõi sai khác.

Hỏi: Cơ sao thức và danh sắc, sáu xứ có một phần tướng tạp?

Đáp: Do 3 chủng nên nói như vậy, đó là: nương lúc tạp nhiễm, nương lúc thấm nhuần và nương lúc chuyển.

Hỏi: Cớ sao thức cho đến thọ và lão tử có tướng tạp?

Đáp: Do 2 chủng mà nói như vậy, tức là: riêng hiển tướng khổ và hiển dẫn sanh sai biệt.

h. Sao gọi là phân biệt duyên của duyên khởi?

Ở trong duyên khởi, sao gọi là nghĩa luôn thoảng qua? –Nghĩa liền sanh chẳng trụ.

Sao gọi là nghĩa hòa hợp? –Nghĩa các duyên tụ tập.

Sao gọi là nghĩa khởi? –Nghĩa các duyên hòa hợp dẫn nhiếp cái mới mới sanh.

Sao gọi là duyên khởi? Sao gọi là duyên sanh? –Pháp tánh các hành sanh khởi, gọi là duyên khởi. Tức lúc kia sanh rồi, gọi là duyên sanh.

Hỏi: Bao nhiêu chi nhiếp thuộc khổ đế và hiện pháp là khổ?

Đáp: Hai chi, đó là sanh và lão tử.

Hỏi: Bao nhiêu chi nhiếp thuộc khổ đế và đương lai là khổ?

Đáp: Tánh chủng tử của thức cho đến thọ.

Hỏi: Bao nhiêu chi nhiếp thuộc tập đế?

Đáp: Các chi còn lại.

Hỏi: Vô minh và hành làm duyên câu hữu, làm duyên không gián đoạn diệt, hay làm duyên lâu dài diệt?

Đáp: Nên biết làm đủ cả 3 duyên. Đó là: do không hiểu biết nên ở trong các pháp thuận theo các hành là duyên câu hữu chướng che, làm các việc khác nhau khiến phát khởi các hành. Lại do ác kiến phóng dật đồng hành với không hiểu biết là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt phát khởi các hành. Lại do không hiểu biết làm duyên dẫn phát lâu dài diệt. Do đây kiến lập thuận theo kia sẽ sanh tương tục ở đương lai.

Hỏi: Sao gọi là các hành đối với thức làm 3 chủng duyên?

Đáp: Do năng huân ướp phát triển chủng tử kia là duyên câu hữu. Kế đến nhờ thế lực kia mà chuyển là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt. Do kia nên đương lai quả được sanh là duyên dẫn phát lâu dài diệt.

Như hành đối với thức làm thành ba duyên như vậy, thì thức vọng đối với danh sắc, danh sắc

vọng đối với sáu xứ, sáu xứ vọng đối với xúc, xúc vọng đối với thọ nên biết cũng vậy.

Hỏi: Sao gọi là thọ đối với ái làm 3 chủng duyên?

Đáp: Nên biết do thọ kia nên phát khởi vui đắm là duyên câu hữu. Từ đây không gián đoạn, do thế lực của thọ nên khởi truy cầu... tác dụng hành chuyển là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt. Do đây kiến lập ở đương lai khó thể vượt khỏi sự tương tục tiếp nối của kia là duyên dẫn phát lâu dài diệt.

Hỏi: Sao gọi là ái đối với thủ làm 3 chủng duyên?

Đáp: Do đồng hành với dục tham nên ở trong các pháp thuận theo thủ. An lập vui muốn là duyên câu hữu. Do nương thế lực của ái mà chuyển là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt. Do đây kiến lập ở đương lai khó thể giải thoát vượt khỏi sự tương tục tiếp nối của kia, là duyên dẫn phát lâu dài diệt.

Hỏi: Sao gọi là thủ đối với hữu làm 3 chủng duyên?

Đáp: Do cùng có với kia tạo thành nghiệp năng chiêu cảm quả hưởng đến các thú là duyên câu hữu. Lại do thế lực của thủ nên năng dẫn

thức... sanh ở xứ kia kia là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt. Lại công năng dẫn phát của cội kia là duyên dẫn phát lâu dài diệt.

Hỏi: Sao gọi là hữu đối với sanh làm 3 chủng duyên?

Đáp: Do huân ướp phát triển chủng tử kia là duyên cội hữu. Do nương thế lực của hữu tùy chuyển không gián đoạn là duyên sanh khởi. Tuy lâu dài diệt mà quả chuyển là duyên dẫn phát.

Như hữu đối với sanh, thì sanh làm duyên của lão tử cũng vậy.

Lại nữa, kiến lập chi hữu có 2 chủng: 1. Kiến lập phần trội hơn, đó là thủ nghiệp lấy thọ nghiệp, như trước đã thuyết; 2. Kiến lập toàn phần, đó là chỗ có chủng tử nghiệp và thức cho đến thọ. Thủ nghiệp lấy thọ kiến lập là hữu.

Hỏi: Các chi hữu đây chỉ theo thứ lớp làm duyên với hành cho đến lão tử, hay lại có nghiệp chủng khác?

Đáp: Tức nghiệp dụng đây và chỗ có nghiệp dụng ở trong cảnh sở hành riêng biệt tùy chỗ thích hợp của từng chi. Nên biết đây gọi là nghiệp dụng thứ hai.

Hỏi: Vô minh chỉ cùng với hành làm duyên, hay cũng cùng với chi khác làm duyên?

Đáp: Vô minh cho đến cùng với lão tử làm duyên. Trước đã nói vô minh chỉ cùng với hành làm duyên, tức chỉ thuyết nghĩa duyên cận sát. Như vậy cùng với cái khác làm duyên đều nên biết tường tận.

Lại nữa, chi sau không phải là duyên của chi trước. Vì có sao? Như muốn đoạn chi sau, cần tác dụng công đoạn chi trước, thì chi sau cũng theo đó mà đoạn. Chẳng phải vì đoạn chi trước, mà tác dụng công đoạn chi sau. Cho nên nên biết chỉ có chi trước làm duyên của chi sau.

Hỏi: Sao gọi là “đây có nên kia có”?

Đáp: Do nghĩa duyên chưa đoạn, cái khác liên sanh.

Hỏi: Sao gọi là “đây sanh nên kia sanh”?

Đáp: Do nghĩa duyên vô thường, nên cái khác được sanh.

Hỏi: Có sao nói: “Có sanh nên có lão tử, cần yếu phải do sanh làm duyên mới có lão tử. Như vậy cho đến vô minh đối với hành”?

Đáp: Do đạo lý lời dạy đây hiển rõ nghĩa duyên tác dụng không thật, nên cái khác được sanh.

Hỏi: Cớ sao nói: “Có sanh nên có lão tử, không phải lìa sanh làm duyên mà có lão tử. Như vậy cho đến vô minh đối với hành” ?

Đáp: Do đạo lý lời dạy đây hiển rõ nghĩa từ duyên tương tục của chính mình, tức từ tương tục đây mà cái khác được sanh.

Hỏi: Nếu vô minh làm duyên cho pháp, pháp kia là hành ư? Giả sử đó là hành, thì vô minh kia làm duyên ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc hành mà không phải vô minh làm duyên, đó là thân ngũ ý hành vô lậu, vô phú và vô ký. Hoặc pháp vô minh là duyên mà không phải là hành, đó là trừ hành nhiếp lấy chi hữu. Các chi hữu còn lại hoặc có pháp cũng vô minh làm duyên cũng là hành, đó là thân ngũ ý hành phước, phi phước và bất động. Trừ các tướng như vậy là câu thứ tư.

Hỏi: Nếu hành làm duyên thì kia cũng có thức ư? Giả sử đó là thức thì hành làm duyên ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc hành làm duyên mà không phải thức, đó là trừ thức, những chi hữu còn lại. Hoặc có là thức không phải hành làm duyên, đó là thức vô lậu, thức vô phú và thức vô ký,

trừ dị thực sanh. Hoặc hành cũng là thức cũng là duyên, đó là chủng tử thức và quả thức hậu hữu. Trừ các tướng như vậy là câu thứ tư.

Nương đạo lý đây, cho đến xúc duyên thọ tùy theo chỗ thích hợp đều tác bốn câu.

Hỏi: Nếu thọ làm duyên, tức đều là ái ư? Giả sử là ái, tức đều có thọ làm duyên ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có ái không phải do thọ làm duyên, đó là ái mong cầu thắng giải thoát và nương thiện mà xả ái khác. Hoặc có thọ làm duyên mà không phải là ái, đó là trừ vô minh xúc sanh ra thọ làm duyên, pháp sanh chi hữu còn lại. Hoặc có thọ làm duyên cũng là ái, đó là vô minh xúc sanh ra thọ làm duyên, sanh ái nhiễm ô. Trừ các tướng như vậy là câu thứ tư.

Hỏi: Nếu ái làm duyên đều là thủ ư? Giả sử là thủ đều có ái làm duyên ư?

Đáp: Nên biết trong đây là thuận câu sau, tức là sở hữu thủ đều có ái làm duyên. Hoặc ái làm duyên mà không phải là thủ, đó là trừ thủ, chi hữu còn lại và duyên thiện ái sanh các thiện pháp như siêng tinh tấn...

Hỏi: Nếu thủ làm duyên thì đều là hữu ư? Giả

sử là hữu, thì đều có thủ làm duyên ư?

Đáp: Cũng nên tác thuận với câu sau, đó là chỗ có hữu đều do thủ làm duyên. Hoặc thủ làm duyên mà không phải là hữu, đó là trừ hữu, các chi hữu còn lại.

Hỏi: Nếu hữu làm duyên, đều là sanh ư? Giả sử là sanh, thì đều có hữu làm duyên ư?

Đáp: Các sở hữu sanh đều do hữu làm duyên. Hoặc hữu làm duyên mà không phải là sanh, đó là trừ sanh, chi hữu còn lại, cuối cùng là lão tử.

Hỏi: Nếu sanh làm duyên, đều là lão tử ư? Giả sử là lão tử đều do sanh làm duyên ư?

Đáp: Các sở hữu lão tử đều do sanh làm duyên. Hoặc sanh làm duyên mà không phải là lão tử, đó là tật bệnh, oán ghét mà gặp nhau, yêu thương mà phải chia lìa, cầu mà không được và sự phát khởi chủng nghiệp não sâu thân ưu khổ.

Hỏi: Các chi hữu đây, bao nhiêu chi làm chướng ngại hơn cả đối với chánh kiến nhiếp thuộc đạo chi?

Đáp: Vô minh và do kia phát khởi ý hành, có một phần năng làm chướng ngại hơn cả. Như đối với chánh kiến, thì đối với chánh tư duy và chánh

ting tấn nên biết cũng vậy. Nếu chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thì lấy thân hành, ngữ hành và một phần hữu là chướng ngại hơn cả. Nếu chánh niệm, chánh định thì lấy chi hữu còn lại làm chướng ngại hơn cả.

Hỏi: Các chi hữu đây, bao nhiêu chỉ nhiếp phẩm tạp nhiễm, bao nhiêu thông cả phẩm tạp nhiễm và thanh tịnh?

Đáp: Có 4 chi nhiếp phẩm tạp nhiễm. Các chi còn lại thông cả phẩm tạp nhiễm và thanh tịnh.

Hỏi: Sao nói là chi sanh thông cả hai phẩm?

Đáp: Nếu sanh xứ ác thú và xứ có nạn, chỉ toàn phẩm tạp nhiễm. Nếu sanh trong loài người hay cõi trời, hay ở các xứ không có nạn, thì thông cả hai phẩm nhiễm tịnh. Nên biết chi còn lại tùy theo chỗ thích hợp đều thông cả hai phẩm.

Hỏi: Những gì do vô minh không có nên hành cũng không có? Những gì do vô minh diệt nên hành diệt?

Đáp: Có 3 chủng vô minh là phát khởi, triền và tùy miên, do vô minh này diệt, nên vô minh kia diệt. Do vô minh kia diệt, nên hành cũng diệt theo.

Hỏi: Những gì do hành không có, nên thức

cũng không có? Những gì do hành diệt, nên thức cũng diệt?

Đáp: Tức là các hành ở trong tương tục của chính các hành, đã tạo tác, đã diệt và chưa khởi đối trị. Lại do có ý hành nên khởi thân ngữ hành. Do đây có nên kia có, do kia không nên thức duyên kia cũng không. Đây nếu diệt hoàn toàn, nên biết thức cũng diệt theo.

Hỏi: Những thức nào không có, nên danh sắc cũng không có? Những thức nào diệt, nên danh sắc cũng diệt?

Đáp: Chủng tử thức không có, nên quả thức không có. Đây đều diệt nên danh sắc đều diệt. Như đạo lý thức đối với danh sắc, thì các chi còn lại cho đến thọ, tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Như đạo lý vô minh duyên hành, thì đạo lý ái duyên thủ, thủ duyên hữu nên biết cũng vậy.

Như đạo lý hành duyên thức, thì đạo lý hữu duyên sanh nên biết cũng vậy. Như đạo lý thức duyên danh sắc, thì đạo lý sanh duyên lão tử nên biết cũng vậy.

Hỏi: Những thọ nào không có nên ái cũng không có? Những thọ nào diệt nên ái cũng diệt?

Đáp: Như đạo lý hành duyên thức, nên biết ở đây cũng vậy.

Hỏi: Như trước đã thuyết 8 môn duyên khởi, bao nhiêu môn được hiển bởi 12 chi duyên khởi? Bao nhiêu môn không được hiển?

Đáp: Ba môn được hiển bởi 12 chi. Trong đó 2 môn được hiển một phần và 1 môn được hiển toàn phần. Các môn còn lại không được hiển.

Những gì là 2 môn được hiển một phần? Đó là môn nội thức sanh và môn tự nghiệp tạo ra.

Những gì là một môn được hiển toàn phần? Đó là môn hữu tình thế gian chuyển.

Hỏi: Nếu không như thật biết đạo lý duyên khởi, có bao nhiêu chủng quá hoạn?

Đáp: Có 5 chủng quá hoạn. Đó là: khởi ngã kiến và năng phát khởi kiến câu hành tiền tế. Như kiến câu hành tiền tế, thì kiến câu hành hậu tế và kiến câu hành tiền hậu tế cũng vậy. Lại ở nơi kiến kia chấp kiên cố, chấp mãnh lợi, có thủ, có mong cầu, có sợ hãi, nên ở trong hiện pháp không Bát-niết-bàn. Đây gọi là 5 quá hoạn.

Hỏi: Nếu như thật biết đạo lý duyên khởi, có bao nhiêu chủng thắng lợi?

Đáp: Ngược lại với 5 quá thất trước, nên biết thắng lợi cũng có 5 chủng.

Lại nữa, trong 12 chi duyên khởi, bao nhiêu chi là thật có? – Bao gồm 9 chi.

Bao nhiêu chi không thật có? – Là các chi còn lại.

Bao nhiêu chi có 1 sự làm tự tánh? – Bao gồm 5 chi.

Bao nhiêu không phải một sự làm tự tánh? – Là các chi còn lại.

Bao nhiêu là nhân sở tri chướng? – Là một.

Bao nhiêu năng sanh khổ? – Bao gồm 5.

Bao nhiêu khổ trong thai tạng? – Bao gồm 5.

Bao nhiêu chi là khổ? – Bao gồm 2.

Bao nhiêu là phần nhân? – Sáu chi trước là vô minh cho đến xúc, cùng với ái, thủ, hữu là phần nhân.

Bao nhiêu là phần quả? – Hai chi sau là phần quả.

Bao nhiêu là phần tạp lẫn nhân quả? – Các chi còn lại. Vì sao? Bởi có 2 chủng thọ gọi là phần tạp: 1. Hậu pháp, lấy xúc làm duyên cho nhân thọ; 2. Ở hiện pháp cùng với ái làm duyên cho quả thọ. Hai tạp đây gọi là xúc duyên thọ.

Lại nữa, bao nhiêu chi năng sanh cảnh giới ái, phi ái? Bao nhiêu chi năng sanh quả tự thể? – Sáu chi trước năng sanh quả cảnh giới ái, phi ái. Ba chi sau năng sanh quả tự thể. Một chi đồng sanh hai quả.

Lại nữa, bao nhiêu chi đồng hành thọ lạc? – Trừ 2 chi, các chi còn lại.

Bao nhiêu chi đồng hành thọ khổ? – Tức kia và một trong số 2 chi đã trừ ra.

Bao nhiêu chi đồng hành thọ không khổ không lạc? – Như đạo lý thọ lạc.

Bao nhiêu không đồng hành với thọ? – Một trong số hai chi đã trừ ra.

Lại nữa, bao nhiêu chi nhiếp thuộc hoại khổ? – Chi đồng hành với thọ lạc.

Bao nhiêu chi nhiếp thuộc khổ khổ? – Chi đồng hành với thọ khổ và một phần chi không đồng hành với thọ.

Bao nhiêu chi nhiếp thuộc hành khổ? – Sở hữu chi khổ khổ và hoại khổ, cũng là chi hành khổ. Hoặc có chi nhiếp thuộc hành khổ, không phải với hai khổ còn lại, đó là chi đồng hành với thọ không khổ không lạc và một chi không đồng

hành với thọ.

Hỏi: Ở nơi tất cả sanh xứ và trong Tam-ma-bát-đê, tất cả chi đều được hiện hành ư?

Đáp: Không thể được. Tức trong cõi trời Vô tướng và Diệt tận định. Trong Vô tướng định chi sắc khá được, không phải chi vô sắc. Nếu sanh ở Vô sắc giới, thì chi vô sắc khá được, không phải chi hữu sắc.

Hỏi: Có sự việc nương chi được lìa chi không?

Đáp: Có. Tức là nương chi của địa trên, lìa chi địa dưới. Đây chỉ được một phần, không phải hoàn toàn, chỉ là tạm thời, không phải rốt ráo.

Hỏi: Bao nhiêu chi nhiễm ô? Bao nhiêu chi không nhiễm ô?

Đáp: Ba chi nhiễm ô, còn lại thông cả hai chủng. Nếu phân biệt riêng thiện không nhiễm ô, vô phú và vô ký, phải phân làm hai chủng.

Hỏi: Bao nhiêu chi thuộc hệ thuộc Dục giới?

Đáp: Tất cả chi vì hòa hợp nên khởi hết thấy.

Hỏi: Bao nhiêu chi thuộc hệ thuộc Sắc giới?

Đáp: Một phần của tất cả.

Hỏi: Sao gọi là nên biết kia có lão?

Đáp: Các hành kia có tánh khổ hoại hư bại.

Như hệ thuộc Sắc giới, nên biết hệ thuộc Vô sắc giới cũng vậy.

Hỏi: Bao nhiêu chi là học?

Đáp: Không có.

Hỏi: Bao nhiêu chi là vô học?

Đáp: Cũng không có.

Hỏi: Bao nhiêu chi là phi học, phi vô học?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Sở hữu chi thiện hữu lậu, cố sao chi kia không phải là học?

Đáp: Vì rơi vào lưu chuyển. Nếu học thuộc sở hữu pháp thiện hữu lậu, thì học kia ắt trái với lưu chuyển và dụng minh làm duyên, nên không phải chi.

Hỏi: Quả Dự lưu đã đoạn bao nhiêu chi?

Đáp: Một phần của tất cả, không đoạn hoàn toàn. Như quả Dự lưu, thì quả Nhất lai cũng vậy.

Hỏi: Quả Bất hoàn đã đoạn bao nhiêu chi?

Đáp: Tất cả chi thuộc Dục giới. Chi Sắc giới và Vô sắc giới thì không nhất định.

Hỏi: A-la-hán đã đoạn bao nhiêu chi?

Đáp: Tất cả chi thuộc ba cõi.

h. Sao gọi là các kinh nhiếp duyên khởi?

Ở trong các kinh khác nhau, do bao nhiêu

chúng đạo lý ngôn thuyết nói về duyên khởi? Lược thuyết do 6 chủng đạo lý ngôn thuyết: 1. Do thuyết thuận thứ lớp; 2. Do thuyết nghịch thứ lớp; 3. Do thuyết một phần chi; 4. Do thuyết toàn phần chi; 5. Do thuyết phẩm hắc; 6. Do thuyết phẩm bạch.

Hỏi: Như Thế Tôn nói “duyen khởi thẳm sâu”, nghĩa thẳm sâu đây như thế nào?

Đáp: Do 10 chủng tướng nên biết nghĩa duyên khởi rất thẳm sâu. Đó là nương vào nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã mà nói.

Nương nghĩa vô thường, tức là từ tự chủng tử mà sanh, cũng chờ đợi duyên khác. Lại từ tự chủng tử và từ duyên khác sanh, nhưng tự chủng tử và duyên khác đối với sự sanh đây không tác, không dụng, cũng không chuyển vận. Lại tánh của hai công năng đây không phải là không thật có. Lại các chi hữu, tuy từ vô thủy đến nay tướng các chi thành tựu, nhưng sát-na sát-na tướng mới mới chuyển. Lại chi duyên khởi sát-na sát-na chóng diệt, nhưng hiển hiện như dừng đứng sự vận động.

Nương nghĩa khổ, tức là chi duyên khởi chỉ có một vị tướng khổ, mà hiển hiện gần như ba chủng tướng.

Nương nghĩa không, tức là chi duyên khởi tuy là hữu tình, tác giả, thọ giả, nhưng hiển hiện tự như không là.

Nương nghĩa vô ngã, tức là chi duyên khởi tuy không tự tại, thật tướng không, vô ngã, nhưng hiển hiện tướng tự như có ngã.

Nương thắng nghĩa đế, tức là tự tánh các pháp không thể thuyết, nhưng lại khả thuyết tự tánh các pháp.

Hỏi: Dụng bao nhiêu trí để biết duyên khởi?

Đáp: Dụng 2 trí, đó là: trí pháp trụ và trí chân thật.

Sao gọi là dụng trí pháp trụ? Như Phật đã thi thiết khai thị, nên hiểu biết không điên đảo.

Sao gọi là trí chân thật? Như người học kiến tích quán nghĩa thâm sâu.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: “Các duyên khởi đây, không phải ta làm ra, cũng không phải người khác làm ra. Vì sao? Hoặc Phật xuất thế hoặc không xuất thế, pháp tánh, pháp trụ, pháp giới an trụ”. Sao gọi là pháp tánh? Sao gọi là pháp trụ? Sao gọi là pháp giới?

Đáp: Tức là các duyên khởi từ đời vô thủy đến

nay, lý tánh đã thành tựu, đây gọi là pháp tánh. Tánh thành tựu, dùng văn câu không diên đảo để an lập, đây gọi pháp trụ. Do pháp trụ đây lấy pháp tánh kia làm nhân, cho nên gọi là pháp giới.

Hỏi: Như kinh nói: “Sanh nếu không, không xứ không vị, sanh có thể là có”. Nếu tất cả chủng, sanh không phải là có, thì sanh duyên lão tử cũng nên không có. Cớ sao trong đây thuyết tự tánh kia duyên tự tánh?

Đáp: Vì ở nơi tự chủng tử mà quả được sanh nên nói như vậy. Nghĩa là chi thức cho đến chi thọ, vì đây là chủng tử sanh, nên theo nghĩa nói là sanh. Do đây có, nên ở thời sau tức có chi quả, gọi là có duyên sanh. Như vậy chi còn lại tùy theo chỗ thích hợp như kinh đã thuyết.

Hỏi: Như trên đã nói tất cả chi không thể xoay ngược trở lại làm duyên cho nhau, cớ sao kiến lập danh sắc và thức xoay vần làm duyên lẫn nhau?

Đáp: Tức ở trong hiện pháp dụng danh sắc làm duyên. Danh sắc ở trong hậu pháp trở lại dụng thức làm duyên. Vì sao? Lấy giai đoạn tương tục ở trong thai mẹ để nói làm duyên lẫn nhau. Do thức làm duyên, nên ở trong bụng mẹ, các tinh huyết

sắc gọi là nhiếp lấy thọ, hòa hợp cộng thành tánh yết-la-lam. Tức danh sắc đây làm duyên, trở lại khiến thức kia được trụ trong thai người mẹ.

Hỏi: Cớ sao khi Bồ-tát quán phẩm hắc chỉ đến chi thức, chuyển ý trở lại. Sao không đến các chi khác?

Đáp: Do hai chi đây xoay vần làm duyên lẫn nhau. Như thức duyên danh sắc, và danh sắc cũng duyên thức. Cho nên quán tâm đến thức thì hoàn chuyển trở lại. Ở trong các chi khác không có đạo lý hoàn chuyển như vậy. Chỉ có ở đây mới hiển thị đạo lý xoay vần làm duyên lẫn nhau, cho nên gọi là hoàn chuyển. Ở trong phẩm hoàn diệt, danh sắc không phải là nhân hoàn diệt của hậu hữu thức. Do nhân duyên đây nên quán sát trở lại.

Hỏi: Nhân duyên nào nói chi duyên khởi không phải tự tác, không phải tha tác, không phải tự tha tác, cũng không phải không nhân mà sanh?

Đáp: Vì người sanh chẳng phải có, vì không duyên tác dụng, vì lực của duyên sanh ra.

Hỏi: Ở trong duyên khởi, những gì là mầm khổ? Những gì thủ giữ nuôi dưỡng mầm khổ? Những gì là cây khổ?

Đáp: Vô minh, hành duyên dẫn dắt thức cho đến thọ, đây là mầm khổ. Thọ duyên dẫn dắt ái cho đến hữu, đây là nhân tố thủ giữ nuôi dưỡng mầm khổ. Sanh và lão tử là cây khổ.

Hỏi: Bao nhiêu chi duyên khởi nên biết như than nóng?

Đáp: Thức cho đến thọ.

Hỏi: Bao nhiêu chi nhuần thấm?

Đáp: Vô minh, hành, ái, thủ, hữu.

Hỏi: Bao nhiêu chi như ngọn lửa?

Đáp: Sanh, lão, tử.

Hỏi: Nhân duyên nào ở trong giáo lý duyên khởi, phẩm hắc được gọi là tăng ích?

Đáp: Vì tất cả chi hữu thuận là đại khổ tụ tập, làm duyên sanh quả sau. Lại vì các chi hữu, chi trước trước làm duyên, chi sau sau thuận theo đó khởi.

Hỏi: Nhân duyên nào ở trong giáo lý duyên khởi, phẩm bạch được gọi là tổn giảm?

Đáp: Do tất cả chi trước trước vĩnh viễn đoạn trừ, nên chi sau sau cũng diệt theo. Lại là nhân tổn giảm của tụ thuận đại khổ.

Hỏi: Bao nhiêu chi duyên khởi, gọi là nhân pháp hữu?

Đáp: Bao gồm 7 chi trước.

Hỏi: Bao nhiêu chi duyên khởi, gọi là nhân khổ hữu?

Đáp: Năm chi còn lại.

Hỏi: Bao nhiêu chi đoạn diệt là chỗ hiển lậu tận?

Đáp: Ba chi.

Hỏi: Bao nhiêu chi đoạn diệt là chỗ hiển duyên tận?

Đáp: Tức 3 đây, vì là duyên của chi khác.

Hỏi: Bao nhiêu chi đoạn diệt là chỗ hiển thọ tận?

Đáp: Một chi, tức là do phiền não đã đoạn, khi sở y diệt, tất cả thọ đều vĩnh viễn diệt.

Hỏi: Nhân duyên nào nương duyên khởi kiến lập 77 trí?

Đáp: Vì hiển bày có nhân trí tạp nhiễm. Lại vì hiển ở nơi tự tương tục tiếp nối đã tự tạo tác trí tạp nhiễm. Lại vì hiển các chi tiền tế từ thời vô thủy. Lại vì hiển các chi hậu tế, bao gồm nghĩa tạp nhiễm, hoàn diệt. Lại vì hiển nghĩa biết khắp. Các tuệ hữu lậu không nhiếp thuộc chi. Ở mỗi một chi đều tạo 7 trí. Tất cả nên biết tổng có 77 trí.

Hỏi: Nhân duyên nào ở trong duyên khởi kiến lập 44 trí?

Đáp: Vì hiển bày ở mỗi một chi, nương bốn thánh đế mà quán sát đạo lý, cho nên tổng có 44 trí. Lại nếu sanh ở Dục giới, nương thân Dục giới, hoặc mắt hoặc tai dẫn phát địa trên. Do đây thấy sắc, nghe thanh của tự địa địa dưới. Lại nương thân đây khởi ý ba cõi và ý không hệ buộc hiện tại tiền. Nếu sanh ở Sắc giới, Vô sắc giới, trừ địa dưới thì tất cả hiện bày như ở Dục giới.

Lại nữa, 3 chủng tạp nhiễm đây bao gồm: phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sanh tạp nhiễm. Nếu muốn đoạn trừ cần phải tu 6 chủng hiện quán. Những gì là sáu? Đó là: tư hiện quán, tín hiện quán, giới hiện quán, hiện quán trí để hiện quán, hiện quán biên trí để hiện quán và cứu cánh hiện quán.



Quyển 11

Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết ba địa Có tâm có tứ địa,
Không tâm chỉ có tứ địa, Không tâm không tứ địa.
Nay sẽ thuyết về Tam-ma-hí-đa địa.

Sao gọi là *Tam-ma-hí-đa địa*? Ớt-Đà-Nam nói:

Nêu chung, cùng an lập,

Tác ý, tướng, sai biệt,

Nhiếp tông yếu các kinh

Các nghĩa tạp sau rốt.

Nếu lược thuyết Tam-ma-hí-đa địa, nên biết:

A. Vì nêu chung; **B.** Vì an lập; **C.** Vì tác ý sai biệt; **D.** Vì tướng sai biệt; **E.** Vì lược nhiếp tông yếu các kinh... kiến lập nên địa này.

A. Nêu chung:

Trong địa đây lược có 4 chủng: **1.** Tĩnh lự; **2.** Giải thoát; **3.** Đăng trì; **4.** Đăng chí.

1. Tĩnh lực: đó là bốn tĩnh lực: 1. Từ ly sanh Có tâm có tứ tĩnh lực; 2. Từ định sanh Không tâm không tứ tĩnh lực; 3. Ly hỷ tĩnh lực; 4. Xả niệm thanh tịnh tĩnh lực.

2. Giải thoát: đó là tám giải thoát: 1. Hữu sắc, quán các sắc giải thoát; 2. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại các sắc giải thoát; 3. Tịnh giải thoát, thân tác chứng trụ đầy đủ giải thoát; 4. Không vô biên xứ giải thoát; 5. Thức vô biên xứ giải thoát; 6. Vô sở hữu xứ giải thoát; 7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát; 8. Diệt thọ tưởng, thân tác chứng trụ đầy đủ giải thoát.

3. Đăng trì: đó là ba tam-ma-địa: 1. Không tam-ma-địa; 2. Vô nguyện tam-ma-địa; 3. Vô tướng tam-ma-địa.

Lại có 3 chủng: 1. Có tâm có tứ tam-ma-địa; 2. Không tâm chỉ có tứ tam-ma-địa; 3. Không tâm không tứ tam-ma-địa.

Lại có 3 chủng: 1. Đại tam-ma-địa; 2. Tiểu tam-ma-địa; 3. Vô lượng tam-ma-địa.

Lại có 2 chủng: 1. Tu một phần tam-ma-địa; 2.

Tu đầy đủ phần tam-ma-địa.

Lại có 3 chủng: 1. Hỷ câu hành tam-ma-địa; 2. Lạc câu hành tam-ma-địa; 3. Xả câu hành tam-ma-địa.

Lại có 4 chủng: bốn tu vô lượng định.

Lại có 5 chủng: năm thánh trí tam-ma-địa.

Lại có 5 chủng: năm chi thánh tam-ma-địa.

Lại có nhân, có đầy đủ, chánh tam-ma-địa của bậc Thánh.

Lại có Kim cương dụ tam-ma-địa.

Lại có hữu học, vô học, phi hữu học, phi vô học tam-ma-địa.

4. Đăng chí: đó là năm Hiện kiến tam-ma-bát-đề, tám Thắng xứ tam-ma-bát-đề, mười Biến xứ tam-ma-bát-đề, bốn Vô sắc tam-ma-bát-đề, Vô tướng tam-ma-bát-đề, Diệt tận định tam-ma-bát-đề.

B. An lập:

Tức là chỉ hết thấy đây gọi là Đăng dẫn địa, chẳng phải tâm tánh nhất cảnh ở Dục giới. Do hết thấy định đây được dẫn bởi vô hối, hoan hỷ và an lạc, còn Dục giới thì chẳng vậy. Trong các cõi không

phải Dục giới, ở nơi pháp hoàn toàn không chánh quán sát sâu xa.

Lại nữa, ở trong Sơ tinh lự nói là ly sanh hỷ. Do chúng trụ đây, đoạn trừ 5 pháp, đó là: dục dẫn hỷ, dục dẫn ưu, bất thiện dẫn hỷ, bất thiện dẫn ưu, bất thiện dẫn xả. Lại tu tập viên mãn 5 pháp, đó là: hoan, hỷ, an, lạc, và tam-ma-địa.

Dục dẫn hỷ: Đối với năm diệu dục, hoặc lúc mới được, hoặc lúc đã được đang thọ dụng, hoặc thấy hoặc nghe, hoặc đã từng lãnh thọ; do các duyên đây nhớ nghĩ lại nên sanh hoan hỷ.

Dục dẫn ưu: Đối với năm diệu dục, hoặc mong cầu mà không toại lòng, hoặc đã thọ dụng mà sau đó không được lại nữa, hoặc được rồi liền mất; do các duyên đây sanh nhiều ưu não.

Bất thiện dẫn hỷ: như có người vui thích với hành nghiệp sát sanh cho đến tà kiến.

Bất thiện dẫn ưu: Như có người ưu khổ với hành nghiệp sát sanh cho đến tà kiến.

Bất thiện dẫn xả: Như có người là vua hoặc đồng bậc với vua, hoặc tể quan hoặc đồng bậc với quan... tự không vui thích làm các ác nghiệp như sát giết... Nhưng thuộc hạ làm các ác nghiệp mà họ

không ngăn cấm, cũng không an trụ trong Tỳ-nại-da. Do phóng xả đây nên theo đuổi tạo các ác nghiệp. Kia ở nơi các nghiệp đây, hiện tiền lãnh thọ hiểu biết, không phải không hiện tiền, lại ở nơi buông xả, xem soi tìm cầu phương tiện làm ác. Lại ở nơi các ác đấm trước không đoạn dứt, dẫn phát buông xả. Lại lúc bất thiện hiện tiền phát sanh triển chuyển, thì phát khởi thọ trung dung, tức là không phải khổ không phải vui.

Hoan: từ bản lai hạnh thanh tịnh, tu quán hành thanh tịnh làm tư lương địa, vô hối làm tiền dẫn, ý an ổn thích duyệt, tâm tánh hân hoan dững mãnh.

Hỷ: chánh tu tập, phương tiện làm tiền dẫn, thích duyệt vui mừng sâu, tâm tánh hân hoan dững mãnh.

An: lìa thô trọng, tánh thân tâm nhẹ nhàng vui thích.

Lạc: do tâm nhẹ nhàng vui thích như vậy, nên thân tâm được vui không tổn hại và vui giải thoát. Vì dụng tánh lìa phẩm thô trọng của các phiền não, nên ở nơi các phiền não được giải thoát.

Tam-ma-địa: ở nơi sở duyên chánh quán sát

sâu, tâm tánh nhất cảnh.

Đức Thế Tôn ở nơi phương tiện vô lậu, trước thuyết về tam-ma-địa, sau thuyết về giải thoát. Tức là do khéo thành tựu tròn đầy lực tam-ma-địa, ở nơi các phiền não tâm vĩnh viễn giải thoát.

Hoặc ở nơi phương tiện hữu lậu, trước thuyết về giải thoát, sau thuyết về tam-ma-địa. Tức là do chứng quả tác ý phương tiện cứu cánh, nên đoạn phiền não rồi, mới đắc căn bản tam-ma-địa.

Hoặc đồng thời thuyết tam-ma-địa cùng với giải thoát. Tức là ở nơi tác ý phương tiện cứu cánh đây cùng với đạo không gián đoạn khác trong tam-ma-địa. Vì tam-ma-địa và giải thoát đồng thời có.

Lại nữa, lược có 5 cái là chướng ngại của các tĩnh lự và đẳng chí. Đó là khi sắp chứng được cảnh giới kia, có 5 cái năng làm chướng ngại. Những gì là năm? **1.** Tham dục cái; **2.** Sân khuể cái; **3.** Hôn trầm, thù miên cái; **4.** Trạo cử, ác tác cái; **5.** Nghi cái.

1. Tham dục cái: Tức đối với năm diệu dục, theo đuổi tướng diệu hảo, muốn thấy muốn nghe cho đến muốn xúc chạm. Hoặc tùy nhớ nghĩ đến

các tướng diệu hảo đã lãnh thọ trước kia, nhớ nghĩ truy cầu luyện tiến.

Hỏi: Tham dục cái đây lấy gì làm thức ăn?

Đáp: Có tướng diệu hảo và nơi tướng diệu hảo kia tư duy bất chánh, nhiều tập quen; lấy đây làm thức ăn.

Tướng diệu hảo, tức là tướng vi diệu thù thắng bậc nhất của các dục. Nếu ở nơi dục đây năng xa lìa tâm nhiễm, thì ở nơi các sự hạ liệt khác cũng được lìa nhiễm, như chế phục được sức mạnh thì sức yếu còn lại cũng tự bị khuất phục. Hiển rõ việc ấy thế nào? Đó là trên thân người nữ có 8 chỗ nhiếp lấy tướng diệu hảo khả ái, do 8 chỗ này khiến người nam bị người nữ trói cột. Đó là: ca, múa, cười, liếc mắt, dung mạo đẹp đẽ, tới lui, xúc chạm êm dịu, tiết lễ. Do nhân duyên đây, sở hữu tham dục chưa sanh khiến sanh, sanh rồi khiến tăng trưởng; cho nên gọi là thức ăn. Vì ở nơi tướng kia tư duy bất chánh, nên tham dục chưa sanh khiến sanh, lại vì nhiều tập quen khiến tham dục tăng trưởng bội phần.

Hỏi: Cái gì không phải là thức ăn của tham dục cái?

Đáp: Có tướng bất tịnh và ở nơi tướng kia như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải thức ăn. Hiển rõ việc ấy thế nào? Đó là quán thân đây có chủng chủng bất tịnh, đầy rẫy tạp uế, gọi là quán tướng bất tịnh của nội thân. Lại quán bên ngoài thân chủng chủng bất tịnh, tức là quán tướng xanh, trương phình... gọi là quán tướng bất tịnh của ngoại thân. Do quán hai tướng bất tịnh đây, tham dục chưa sanh khiến không sanh, sanh rồi năng đoạn. Cho nên nói đây không phải là thức ăn. Vì ở nơi tướng kia như lý tác ý, nên tham dục được ngăn chặn khiến không sanh khởi, lại vì nhiều tu tập, khiến tham dục sanh rồi cũng năng đoạn.

2. Sân khuể cái: Hoặc nhân đồng phạm hạnh nêu những lỗi phạm, hoặc nhân nhớ đến những việc làm không lợi ích trước kia, hiện tướng nóng giận, tâm sanh giận dữ tức tối. Hoặc muốn gây tạo những việc không nhiều ích, đối với hành vi sẽ làm kia hiện tướng nóng giận, nhiều suy nghĩ quán sát, tâm sanh giận dữ tức tối.

Hỏi: Sân khuể cái lấy gì làm thức ăn?

Đáp: Có tánh sân khuể, có tướng sân khuể, và

ở nơi tướng kia tư duy bất chánh, nhiều tập quen; lấy đây làm thức ăn. Nương vào các việc không nhiều ích nên tâm sanh não hại, gọi là tánh sân khuể. Việc không nhiều ích gọi là tướng sân khuể. Ở nơi 9 việc não hại mà tác ý bất chánh, gọi là tư duy bất chánh. Hết thấy việc như vậy, đều gọi là thức ăn của sân khuể.

Hỏi: Cái gì không phải là thức ăn của sân khuể cái?

Đáp: Có nhân từ, hiền thiện và ở nơi tướng kia như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải là thức ăn. Lại từ thiện đây là tướng hằng muốn làm an lạc cho người, nhiếp thuộc lực tu. Do lực tư trạch nhiếp lấy tác ý, điều phục 9 việc não hại khiến năng đoạn trừ sân khuể cái, nên trong kinh nói đây không phải là thức ăn.

3. Hôn trầm cái: Hoặc nhân hủy hoại tịnh giới... cho đến không thực hành ngay cả một hạnh thiện. Không giữ gìn căn môn, ăn không biết lượng. Không siêng tinh tấn, không giảm bớt hôn trầm mê muội... Không trụ chánh biết mà tạo tác các việc. Ở nơi pháp tu đoạn cũng không siêng gia

hạnh. Tùy thuận sanh khởi tất cả phiền não. Thân tâm hôn muội, tánh không có khả năng nhẫn chịu.

Thùy miên cái: Tâm rất mê muội, yếu kém. Lại thuận theo đó sanh khởi phiền não, hủy hoại gia hạnh đoạn, là tánh hôn trầm. Tâm rất mê muội yếu kém là tánh thùy miên. Cho nên hai tánh đây hợp chung thành một cái. Lại tánh hôn muội, không có khả năng kham nhẫn gọi là hôn trầm. Tâm tánh rất yếu kém, gọi là thùy miên. Do hôn trầm đây, lúc các phiền não và tùy phiền não sanh, không sót lại cận duyên nào khác. Còn như thùy miên, các phiền não và tùy phiền não khác hoặc gặp có thể sanh, hoặc gặp không sanh. Nếu sanh hôn muội thì nhất định thùy miên cũng khởi.

Hỏi: Hôn trầm thùy miên cái lấy gì làm thức ăn?

Đáp: Có tướng hắc ám và ở nơi tướng kia tư duy bất chánh, nhiều tập quen; lấy đây làm thức ăn.

Hỏi: Cái gì không phải là thức ăn của hôn trầm thùy miên cái?

Đáp: Có tướng quang minh và ở nơi tướng kia

như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải là thức ăn.

Quang minh có 3 chủng: 1. Quang minh trị bóng tối; 2. Quang minh pháp; 3. Quang minh nương thân.

Quang minh trị bóng tối, có 3 chủng: 1. Vào ban đêm, như ánh sáng của trăng sao...; 2. Vào ban ngày, như ánh sáng mặt trời; 3. Cả ngày và đêm, như ánh sáng của lửa, châu báu...

Quang minh pháp: như có người tùy theo sự lãnh thọ, sự tư duy, sự xúc chạm mà quán sát các pháp, hoặc lại tu tập niệm Phật...

Quang minh nương thân: tức là như có hữu tình thân tự nhiên phát ánh sáng.

Nên biết quang minh ban đầu đối trị 3 chủng bóng tối: 1. Đối trị bóng tối ban đêm; 2. Đối trị bóng tối của mây; 3. Đối trị bóng tối do ngăn che, như hang động, nhà cửa...

Quang minh pháp năng trị 3 chủng hắc ám, đó là: không như thật biết các pháp; ở quá khứ, vị lai, hiện tại sanh nhiều nghi hoặc; đối với Phật, Pháp, Tăng... cũng lại như vậy. Trong đây vô minh và nghi đều gọi là hắc ám. Lại chứng quán sát

năng trị hắc ám hôn trầm, thù miên, dụng đây có thể hiển rõ tánh các pháp.

4. Trạo cử cái: Do nhân tâm tư thân thuộc, tâm tư đất nước, tâm tư bất tử... hoặc tùy nhớ nghĩ đến các hành động đã trải qua, cười đùa, vui vẻ... nên tâm sanh tháo động tánh nhảy nhót.

Ác tác cái: Vì nhân tâm tư thân thuộc... sanh tâm hối tiếc. Như tâm tư: “Duyên nào ta lìa xa thân thuộc? Duyên nào ta không đến nơi ấy? Duyên nào đi khỏi chốn như vậy mà đến nơi đây, ăn thức ăn như vậy, uống thức uống như vậy, áo quần giường nằm chỉ được như vậy, cho đến thuốc trị bệnh và các vật nuôi thân chỉ được như vậy? Do duyên nào xưa ta xuất gia khi còn niên thiếu trẻ khỏe, sao không đợi đến lúc già yếu?”. Hoặc vì nhân nhớ nghĩ các việc cười đùa, vui vẻ, hành động đã từng trải qua trong quá khứ, sanh tâm hối tiếc. Như tâm tư: “Ta lẽ ra nên thọ dụng những việc vui chơi ca hát, tụ tập bạn bè giao du... vì duyên nào mà lại cương quyết xuất gia, chia lìa thân quyến bè bạn, khiến người thân khóc lóc buồn thương?”. Do chúng

chúng nhân duyên như vậy thấy, nên sanh tâm ưu buồn luyến tiếc. Đây là ác tác hối tiếc thứ nhất.

Trạo cử trước và ác tác đây hợp chung thành một cái.

Lại đối với việc nên làm, không nên làm, tùy theo chỗ thích hợp, hoặc đã từng làm, hoặc chưa từng làm, do đây tâm sanh hối tiếc. Như “Trước kia đáng lẽ ta nên làm như vậy mà không làm; không nên làm như vậy mà lại làm”. Tuy loại trừ ác tác trước do hối tiếc sanh, vẫn chưa thể xả bỏ sự trói buộc của ác tác sau. Đây là ác tác hối tiếc thứ hai.

Về sau tâm buồn não luyến tiếc trở lại sanh, tương tục chẳng dứt. Đây cũng là ác tác hối tiếc, nhưng lại là một chủng loại khác thuộc ác tác.

Thứ tự hai chủng ác tác phi xứ sanh khởi trước và ác tác sau, tuy cùng với trạo cử không giống nhau, nhưng tương tháo động nhẩy nhót của trạo cử được xếp ngang với tương ưu buồn luyến tiếc của ác tác. Cho nên trạo cử và ác tác được thuyết chung làm một cái.

Hỏi: Trạo cử, ác tác cái lấy gì làm thức ăn?

Đáp: Ở nơi tâm tư thân thuộc cho đến ở nơi các việc cười đùa, vui vẻ, hành động đã trải qua, tư

duy bất chánh, nhiều tập quen tương như vậy; lấy đây làm thức ăn.

Tâm tư thân thuộc: nhân thân thuộc hoặc hưng thịnh, hoặc suy giảm, hoặc ly tán, hoặc hòa hợp, phát khởi tâm vui mừng, lo âu, sanh tính toán nghi ngại...

Tâm tư đất nước: nhân tướng đất nước hoặc thịnh, hoặc suy... như trước đã thuyết.

Tâm tư bất tử: nhân giai đoạn thiếu niên và già suy tạo làm các việc, hoặc làm việc lợi người, nên phát khởi vui sướng, buồn bã, tâm sanh tính toán nghi ngại...

Cười: có người hoặc nhân lúc mở đầu cuộc nói chuyện, nhân lúc tóm lại cuộc nói chuyện mà cười lộ răng, tụ họp vui vẻ nói chuyện bi bô.

Chơi: các trò chơi như song lục, súc sắc...; hoặc có các trò vui chơi hoan lạc khác như thọ dụng qua lại, thọ dụng cảnh giới, thọ các khoái lạc; hoặc do cùng một chỗ, hoặc nhân hý luận, trụ vui vẻ.

Hành động: là tướng cầm nắm tay, nắm tóc... hoặc xúc chạm một thân phần, hoặc ôm, hoặc hôn, hoặc quay liếc nhìn nhau, hoặc làm các việc khác.

Hỏi: Cái gì không phải là thức ăn của trạo cử,

ác tác cái?

Đáp: Có Xa-ma-tha và ở nơi tướng kia như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải là thức ăn.

Xa-ma-tha: là 9 chủng trụ tâm và các pháp nhiếp thuộc phẩm Xa-ma-tha. Ở nơi pháp đáng nhằm chán họa hoạn hoặc suy, hoặc thịnh, của mình, của người, tâm sanh nhằm chán xa lìa, sợ hãi chán ghét, an trụ tịch tĩnh.

5. Nghi cái: Ở nơi thầy, ở nơi pháp, ở nơi học, ở nơi sự dạy bảo và ở nơi chúng đắc, sanh nghi ngờ. Do ôm tâm nghi hoặc như vậy, chẳng thể dũng mãnh phương tiện chánh đoạn, thú nhập tịch tĩnh. Lại ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại và khổ đế... sanh sanh nghi hoặc, tâm ôm hai phần, mê mờ không hiểu rõ, nghi ngờ do dự.

Hỏi: Nghi cái lấy gì làm thức ăn?

Đáp: Có quá khứ, vị lai, hiện tại và ở nơi tướng kia tư duy bất chánh, nhiều tập quen; lấy đây làm thức ăn. Như tác tư duy sau: “Ta ở quá khứ là có hay là không...”, nói rộng như trên.

Tư duy bất chánh: tức là tư duy những điều không thể tư duy. Những điều không thể tư duy:

tức là tư duy ngã, tư duy hữu tình, tư duy thế gian.

Nếu ở nơi tự thân mình, nương đời sai khác mà tư duy tướng ngã, gọi là tư duy ngã. Nếu ở nơi người khác, thì gọi là tư duy hữu tình.

Nếu ở nơi hữu tình thế gian và khí thế gian mà tư duy, thì gọi là tư duy thế gian. Như tư duy thế gian là thường, hoặc thế gian là vô thường, hoặc thế gian cũng thường cũng vô thường, hoặc thế gian không phải thường không phải vô thường.

Hỏi: Cái gì không phải là thức ăn của nghi cái?

Đáp: Có duyên duyên khởi và ở nơi tướng kia như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải là thức ăn. Vì quán thấy kia chỉ có pháp và chỉ có nhân pháp, chỉ có khổ và chỉ có nhân khổ, lại thấy tất cả sở hữu tư duy bất chánh đều là duyên vô minh, nên ở nơi cảnh ba đời chưa sanh khiến chẳng sanh, đã sanh khiến đoạn. Nếu điều không như lý mà tác ý mạnh mẽ, nếu điều như lý mà không tác ý, đều gọi là tư duy bất chánh. Nếu chỗ đây xứng hợp đạo lý, nên biết chỗ đây gọi là như lý. Như ở trong bóng tối tác tướng quang minh, nương phương tiện đây tức là như lý tác ý, không phải không như

lý. Ở nơi chỗ khác, sẽ có như lý tác ý khác.

Lại nữa, ở Sơ tinh lự có đầy đủ 5 chi: 1. Tâm; 2. Tứ; 3. Hỷ; 4. Lạc; 5. Tâm tánh nhất cảnh.

Đệ nhị tinh lự có 4 chi: 1. Nội tịnh; 2. Hỷ; 3. Lạc; 4. Tâm tánh nhất cảnh.

Đệ tam tinh lự có 5 chi: 1. Xả; 2. Niệm; 3. Chánh tri; 4. Lạc; 5. Tâm tánh nhất cảnh.

Đệ tứ tinh lự có 4 chi: 1. Xả thanh tịnh; 2. Niệm thanh tịnh; 3. Thọ không khổ không lạc; 4. Tâm tánh nhất cảnh.

Ở trong Sơ tinh lự, tâm tứ là sở duyên của thủ. Tam-ma-địa là sở y của thủ. Hỷ là cảnh giới của thọ. Lạc là diệt trừ thô trọng.

Ở trong Đệ nhị tinh lự, nội tịnh là sở duyên của thủ. Tam-ma-địa là sở y của kia. Còn lại như trước đã thuyết.

Ở trong Đệ tam tinh lự, xả, niệm, chánh tri là sở duyên của thủ. Tam-ma-địa là sở y của thủ. Còn lại như trước đã thuyết.

Ở trong Đệ tứ tinh lự, xả tịnh, niệm tịnh là sở duyên của thủ. Tam-ma-địa là sở y của thủ. Còn lại như trước đã thuyết.

Trong các tinh lự tuy có pháp khác, nhưng vì

các pháp nêu trên trội hơn, lại vì người tu định ân trọng, nên lập làm chi riêng.

Hỏi: Vì nhân duyên nào trong sơ tĩnh lự có tâm có tứ?

Đáp: Do kia năng nhàm chán họa hoạn Dục giới, bèn nhập Sơ tĩnh lự. Ở Sơ tĩnh lự chưa thể quán lỗi tâm tứ. Ở Đệ nhị tĩnh lự năng quán lỗi tâm tứ, cho nên nói là tâm tứ tịch tĩnh.

Như ở Đệ nhị tĩnh lự, vì thấy lỗi tâm tứ nên gọi là tâm tứ tịch tĩnh, thì ở Đệ tam tĩnh lự, vì thấy lỗi của hỷ nên gọi là hỷ tịch tĩnh và ở Đệ tứ tĩnh lự, vì thấy lỗi của lạc nên gọi là lạc tịch tĩnh, xả niệm thanh tịnh. Đây là sự khác biệt.

Lại nữa, các tĩnh lự đây có các tên gọi sai khác. Hoặc có tên là Tăng thượng tâm, vì tâm thanh tịnh lực tăng thượng chánh thẩm lự.

Hoặc có tên là Lạc trú, vì trong đây cực thọ lạc. Vì cố sao? Bởi lẽ nương các tĩnh lự nên lãnh thọ hỷ lạc, an lạc, xả lạc, thân tâm lạc. Lại vì người đắc định, trong các tĩnh lự lớp lớp nhập và xuất luôn lãnh thọ trụ an lạc trong hiện pháp. Vì ở trong định đây, hiện tiền lãnh thọ lạc trú hiện pháp, từ đây khởi rồi nói lời như vậy: “Ta đã lãnh

thọ lạc trú như thế như thế...”. Ở định Vô sắc không thọ như vậy, cho nên không nói Vô sắc định kia là lạc trú, nhưng từ định đây khởi rồi cũng phải chân chánh tuyên nói như vậy. Vì cố sao? Nếu có Bí-sô a-lan-nhã tìm đến vị kia và hỏi, nếu vị kia không trả lời sẽ bị người hỏi chê trách: “Bí-sô a-lan-nhã đây làm sao được gọi là a-lan-nhã? Nay ta hỏi ông ấy đã vượt qua Sắc, Vô sắc tịch tĩnh giải thoát chưa, mà ông ta không thể nhớ”. Cho nên nói nhập Vô sắc định kia không phải là lạc trú.

Hoặc lại có tên là Niết-bàn từng phần, cũng có tên là Niết-bàn sai khác. Vì chỉ đoạn một phần các phiền não, vì không phải nhất định, nên tên là Niết-bàn từng phần. Vì không phải rốt ráo Niết-bàn, nên tên là Niết-bàn sai khác.

Lại bốn tĩnh lự đây cũng được đặt tên là Ra khỏi các thọ. Đó là ở Sơ tĩnh lự xuất ly căn ưu, ở Đệ nhị tĩnh lự xuất ly căn khổ, ở Đệ tam tĩnh lự xuất ly căn hỷ, ở Đệ tứ tĩnh lự xuất ly căn lạc, ở trong Vô tướng xuất ly căn xả.

Như Đức Bạc-Già-Phạm trong *Kinh Vô Đạo* nói lời như vậy: “Này Bí-sô, căn ưu sanh rồi, phải như thật rõ biết nó đang sanh ở vị nào, tức ở nơi

vị dây dùng phương tiện đoạn. Nếu bị gốc ưu gián đoạn tâm tương tục, bấy giờ phải chân thật rõ biết.

Lại phải như thật biết nhân, duyên, chỗ nương, hoặc tướng, hoặc hành của nó. Sao gọi là biết nhân? Đó là rõ biết chủng tử dây tương tục. Sao gọi là biết duyên? Đó là rõ biết chủng tử dây không nhiếp lấy sở y và trợ bạn. Sao gọi là biết chỗ nương? Đó là biết gốc ưu nương gá sự việc dây mà được sanh, tức là năng phát sanh tướng của gốc ưu và chủng tử vô tri. Sao gọi là biết tướng? Đó là rõ biết dây là hành tướng buồn lo. Sao gọi là biết hành? Đó là rõ biết hành của sự năng phát dây tức là tư tương ưng với không như lý tác ý.

Đã biết như vậy rồi, ở trong xuất ly phải chế ngự giữ gìn tâm cẩn mật. Sao gọi là chế ngự giữ gìn? Tức là ở nơi hành nhiệm ô, ngăn chặn, thâm nhiếp tâm; ở nơi tư duy tu, giữ gìn an trụ bền vững.

Lại ở nơi sự việc dây, tận diệt không sót thừa cho đến rốt ráo. Tức là đối với việc tận diệt tùy miên và tận diệt các triền, tinh lực thế gian chỉ năng dần xả phẩm thô trọng của hai loại kia, mà chưa thể nhổ bật chủng tử của nó. Nếu khác với

điều này, tức chúng tử kia vĩnh viễn được nhổ sạch, về sau chẳng sanh trở lại. Vô lậu tinh lự thì hai chủng đều xả. Như vậy đối với các chủng khác tùy theo đó mà biết”.

Hỏi: Căn cứ những tướng nào để rõ biết căn ưu?

Đáp: Hoặc tướng nhiễm ô, hoặc dục xuất ly câu hành tướng thiện.

Căn khổ: hoặc do sức tăng thượng của tự thân, hoặc do sức tăng thượng của lao nhọc, hoặc do sức tăng thượng của lửa cháy, hoặc do sức tăng thượng của người bức bách... Các bậc ly dục vẫn còn sanh khởi.

Căn hỷ ở trong Đệ nhị tinh lự, tức nhiếp thuộc Đệ nhị tinh lự địa.

Căn lạc ở trong Đệ tam tinh lự, tức nhiếp thuộc Đệ tam tinh lự địa.

Hỏi: Cớ sao nói là ở Sơ tinh lự chưa đoạn căn khổ?

Đáp: Bởi phẩm thô trọng của kia vẫn còn chưa đoạn.

Hỏi: Duyên nào người sanh ở Sơ tinh lự, căn khổ chưa đoạn mà không hiện hành?

Đáp: Do trợ bạn và các khổ nhiếp thuộc căn ưu đã đoạn. Nếu như ở Sơ tinh lự đã đoạn căn khổ, vậy thì lúc hành giả nhập Sơ tinh lự và Đệ nhị tinh lự trụ sở tác thọ lẽ không có sự sai khác, bởi có cùng hỷ lạc. Nhưng trong kinh thuyết: “Do ra khỏi các thọ mà tinh lự có sự sai khác”. Lại đây lẽ không tâm tứ tịch tinh và sở tác đoạn diệt thô trọng có sự sai khác. Như vậy, các căn còn lại vì phẩm thô trọng đoạn thứ lớp, nên các tinh lự trên đoạn có sự sai khác. Lại vô tướng, trong kinh thuyết là tâm vô tướng định. Ở trong định đây, căn xả vĩnh viễn diệt, nhưng chỉ hại được tùy miên, vì phẩm thô trọng của kia đoạn không sót thừa, còn triển hiện tại không diệt. Vì cơ sao? Vì trụ ở Vô tướng định ắt có thọ. Ở trong định đây dung chứa ba thọ là hỷ, lạc và xả. Nơi các thọ kia không có tùy miên, chỉ vì phiền não đoạn nên gọi là đoạn. Phẩm thô trọng kia gọi là tùy miên. Lại gốc xả đây từ xứ nào cho đến xứ nào? Phải biết bắt đầu từ Đệ tứ tinh lự cho đến Hữu đẳng.

Lại nữa, nên biết xuất ly năm căn đây (từ Sơ tinh lự xuất ly căn ưu cho đến ở Vô tướng xuất ly căn xả) và năm chủng thuận xuất ly giới kia triển

chuyển nhiếp lẫn nhau.

Trong đây, do xuất ly dục, khuể, hại theo thứ lớp tức là nói ở Sơ tinh lự xuất ly căn ưu, ở Đệ nhị tinh lự xuất ly căn khổ, ở Đệ tam tinh lự xuất ly căn hỷ. Do xuất ly sắc, tức là nói ở Đệ tứ tinh lự xuất ly căn lạc. Do tát-ca-da diệt, tức là nói ở Vô sắc giới xuất ly tất cả căn xả.

Nói thuận xuất ly có những nghĩa gì? Tức là vì trụ đây có thể xuất ly, nên gọi là thuận xuất ly, không phải nói do đây xuất ly khỏi kia. Vì người ly dục nên nói giới đây.

Hỏi: Các dục, khuể, hại quyết định đoạn cùng một lúc, duyên nào kiến lập xuất ly riêng?

Đáp: Các xuất ly kia tuy đoạn cùng một lúc, nhưng vì tu đối trị có sự sai khác, nên thuyết ba chủng xuất ly có sự sai khác. Đối trị có sự sai khác đó là bất tịnh, từ, bi. Như thứ lớp ấy, hoặc có khi chỉ tu bất tịnh mà xuất ly tất cả; hoặc chỉ tu từ, xuất ly tất cả; hoặc chỉ tu bi, xuất ly tất cả. Cho nên thuyết riêng ba chủng xuất ly. Vượt trên đây chỉ có một loại đối trị, nên xuất ly sau không có sai khác.

Sao gọi là người thấy mãnh lợi... đều tùy niệm

dục? Tức là vì tác ý quán sát, tác ý ở nơi sự việc thù thắng, vì tác ý dụng công mãnh lợi. Sao gọi là tâm không thú nhập ở trong các dục? Vì ở nơi các dục kia không thấy công đức thù thắng. Sao gọi là không đẹp? Vì ở nơi các dục kia vui thích chẳng sanh. Sao gọi là không trụ? Vì ở nơi các dục kia, không thấy vui thọ dụng là vui sướng. Sao gọi là không có hiểu sâu? Vì ở nơi các dục kia không vui giữ lấy tướng không như lý. Sao gọi là ủ dột? Vì tuy phóng thả mà không thư thái. Sao gọi là tan hoại? Vì thủ lấy cảnh rồi tầm, rồi lại buông bỏ. Sao gọi là không thư thái? Vì ở nơi sở duyên, tuy cưỡng ép khiến trụ mà không vui thích. Sao gọi là thấy trụ nơi xả? Vì hành vị bình đẳng, ở trong các vị bình đẳng tâm rong ruổi quán sát. Những gì gọi là yếm? Do ở nơi dục kia thấy sâu quá hoạn, lấy quay lưng buông bỏ làm tánh. Đây lại có 3 chủng, đó là: vì vô thường, vì khổ, vì pháp biến hoại. Những gì là ghét? Do ở nơi dục kia, vừa mới thấy quá hoạn, liền quay lưng buông bỏ làm tánh. Những gì là nghịch? Do ở nơi dục kia, trong lúc thấy quá hoạn, quay lưng buông bỏ làm tánh. Những gì là quay lưng? Do ở nơi dục kia, về sau thấy quá hoạn, quay

lưng buông bỏ làm tánh.

Trái với tướng trên là tác ý thú nhập ly dục, vì thấy công đức thù thắng của ly dục. Sao gọi là đẹp? Vì ở nơi ly dục sanh tín thanh tịnh mà chứng thuận. Sao gọi là trụ? Vì ở nơi sở duyên không bị lưu tán. Sao gọi là hiểu sâu? Vì ở nơi ly dục, hành nhiệm ô không chuyển; ở nơi các phiền não được lìa hệ; ở nơi hành quay lưng buông bỏ (như yếm, ghét...) lúc đang lưu chuyển, tâm không bị ngăn ngại; lại ở nơi xả, không dụng công.

Sao gọi là tâm khéo thệ? Vì trụ phương tiện tác ý cứu cánh. Sao gọi là khéo tu? Vì khéo tu tập tác ý khác. Nên biết trong đây thuyết vị đoạn trừ và vị đạo phương tiện đoạn trừ. Giải, vì giải thoát khỏi các triền. Thoát, vì giải thoát khỏi tướng sở duyên. Lìa hệ, vì giải thoát khỏi tùy miên duyên theo các dục khiến sanh các lậu, tức là trừ dục tham, phiền não còn lại ở trong Dục giới. Tổn thiếu, tức là vì nhân cầm binh khí dao gậy... gây tạo ác hạnh sai khác, ở nơi các ác hạnh đây, hoặc gây tạo, hoặc tăng trưởng, nên sanh trong các ác thú. Thiêu đốt, vì nhân đây ăn uống, ái dục thiêu đốt thân tâm. Nã, vì nhân đây nếu sự việc biến hoại,

bền sanh sâu thán ưu khổ não. Ở nơi kia giải thoát, vượt khỏi, lìa hệ, tức là như thứ lớp trước đã nói, vì giải thoát khỏi các triền, sở duyên và tùy miên.

Sao gọi là trọn không lãnh nạp các thọ duyên kia? Tức là nơi tùy niệm cảnh giới các dục sắp được, đang được, các thọ nhiễm ô không hiện hành trở lại, sở y thân không trụ các hoặc nhiễm ô, như hoa sen hồng nước không thể bám.

Lại có 6 chủng thuận xuất ly giới. Như kinh đã rộng thuyết: “Ta đã tu từ, cho đến ta đã lìa các ngã mạn, nhưng ta vẫn còn bị tên độc nghi hoặc khiến tâm phiền muộn rối loạn”. Cho nên từ... đối với khuể, hại... không phải là chánh đối trị.

Nên biết vì xả tà chấp như vậy mà kiến lập giới đây. Trong đây vì ly dục đối trị khuể, hại, không vui, tham có sự sai khác, cho nên kiến lập bốn tướng đối trị dẫn đầu. Vì quán sát thánh trụ đặc đạo lý, kiến lập chủng thứ năm là vô tướng. Vì quán sát rốt ráo chánh đạo lý, kiến lập chủng thứ sáu.

Từ đối trị khuể, vì không tổn hành chuyển. Bi đối trị hại, vì trừ khổ của người nên vui thù thắng hành chuyển. Hỷ đối trị không vui, vì vui đối với

việc của người nên tùy hỷ hành chuyển. Xả đối trị cả tham và khuể, vì xả hành chuyển. Vô tướng đối trị tất cả các tướng, vì trái ngược tướng. Nếu là ngã mạn thì ở nơi giải thoát và chỗ chứng của tự thân, quyết định không có nghi hoặc, cho nên là ngã mạn đây là đối trị của nghi hoặc.

Các xuất ly đây vì nhất định có thể xuất ly tất cả pháp tu bất thiện như khuể... nên tất cả quá thất của khuể... làm sao có thể hiện hành!

Lại trong năm chủng thuận xuất ly giới trước, bốn chủng đầu nhiếp thuộc thiên trụ, chủng thứ năm nhiếp thuộc thánh trụ. Nay sáu chủng thuận xuất ly giới đây, bốn chủng trước nhiếp thuộc phạm trụ, hai chủng thứ năm và thứ sáu nhiếp thuộc thánh trụ.

Lại nữa, vì năng vượt qua các quá thất của khuể... nên gọi là xuất ly. Vào lúc xuất ly, có thể nương tựa cây nhờ, cho nên gọi là y. Thế Tôn thuyết lược có 4 chủng y: 1. Pháp là chỗ y, không phải số thủ thú; 2. Nghĩa là chỗ y, không phải văn; 3. Kinh liễu nghĩa là chỗ y, không phải bất liễu nghĩa; 4. Trí là chỗ y, không phải thức.

Nhân nào kiến lập 4 chủng y đây? Do có 4

chủng bồ-đặc-già-la sai khác:

1. Nhân bồ-đặc-già-la có sự siểm trá sai khác, nên kiến lập y thứ nhất.

2. Nhân bồ-đặc-già-la thuận thế gian sai khác, nên kiến lập y thứ hai.

3. Nhân bồ-đặc-già-la trụ tự kiến thủ sai khác, nên kiến lập y thứ ba.

4. Nhân bồ-đặc-già-la cho nghe là trên hết, nên kiến lập y thứ tư.

Nhân bồ-đặc-già-la siểm trá sai khác nên nói pháp là chỗ y, không phải số thủ thú. Cần yếu phải cùng bồ-đặc-già-la kia bàn luận phân biệt quyết trạch mới chứng chánh trí, không chỉ thấy kia hiện oai nghi mà thôi. Ở đây lại có sự sai khác, tức là Phật tuyên thuyết bồ-đặc-già-la và các pháp, duy pháp là chỗ y, không phải số thủ thú. Vì không nên chấp vào ngôn từ thế tục, nên pháp lại chia làm 2 chủng là văn và nghĩa, duy nghĩa là chỗ y, không phải văn. Vì cơ sao? Vì không chỉ ở nơi nghe mà cho là cứu cánh, cần yếu phải ở nơi nghĩa tư duy thọ lượng quán sát sâu xa nghĩa lý. Kinh Phật thuyết hoặc có liễu nghĩa, hoặc có bất liễu nghĩa, nên khi quán sát nghĩa thì kinh liễu nghĩa là chỗ

y, không phải bất liễu nghĩa. Bởi lẽ Thế Tôn hoặc có lúc tuyên thuyết nương thức hướng đến phước, bất động là đi đến thiện thú; hoặc có lúc tuyên thuyết trí bốn thánh đế là hướng đến Niết-bàn. Vào lúc tu tùy pháp hành pháp, duy trí là chỗ y, không phải thức.

Lược ở 4 thời có lỗi lầm, không lỗi lầm, mà kiến lập 4 loại bổ-đặc-già-la: 1. Thời được nghe pháp; 2. Thời nhậm trì; 3. Thời quán sát nghĩa; 4. Thời tu tùy pháp hành pháp. Vì nương bốn thời đây mà kiến lập bốn y.

C. Tác ý sai biệt:

Đã thuyết an lập, nên biết ở trong hết thủy tĩnh lự đây, tác ý và sở duyên là 2 chủng sai biệt.

Tác ý sai biệt: đó là 7 chủng tác ý căn bản và 40 tác ý khác.

Bảy chủng tác ý căn bản: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viễn ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý gia hạnh cứu cánh; 7. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh.

Bốn mươi tác ý khác: 1. Tác ý duyên pháp; 2. Tác ý duyên nghĩa; 3. Tác ý duyên thân; 4. Tác ý

duyên thọ; 5. Tác ý duyên tâm; 6. Tác ý duyên pháp; 7. Tác ý thắng giải; 8. Tác ý chân thật; 9. Tác ý hữu học; 10. Tác ý vô học; 11. Tác ý phi học phi vô học; 12. Tác ý biến tri; 13. Tác ý chánh đoạn; 14. Tác ý đã đoạn; 15. Tác ý sở duyên ảnh tượng có phân biệt; 16. Tác ý sở duyên ảnh tượng không phân biệt; 17. Tác ý sở duyên biên tế của sự; 18. Tác ý sở duyên việc làm thành xong; 19. Tác ý thắng giải tư trạch; 20. Tác ý tịch tĩnh; 21. Tác ý tu một phần; 22. Tác ý tu đầy đủ phần; 23. Tác ý không gián đoạn; 24. Tác ý ân trọng; 25. Tác ý tùy thuận; 26. Tác ý đối trị; 27. Tác ý thuận thanh tịnh; 28. Tác ý thuận quán sát; 29. Tác ý chuyển vận lực khích lệ; 30. Tác ý chuyển vận có gián đoạn; 31. Tác ý chuyển vận có dụng công; 32. Tác ý chuyển vận tự nhiên; 33. Tác ý tư trạch; 34. Tác ý nội nhiếp; 35. Tác ý tịnh chướng; 36. Tác ý y chỉ thành biện sở hành thanh tịnh; 37. Tác ý do người khác kiến lập; 38. Tác ý nội tăng thượng thủ; 39. Tác ý rộng lớn; 40. Tác ý biến hành.

Tác ý duyên pháp: là tác ý tương ưng tuệ do văn mà thành.

Tác ý duyên nghĩa: là tác ý tương ưng tuệ do tư

và tu mà thành.

Tác ý duyên thân, thọ, tâm, pháp: là tác ý của người tu niệm trụ, như lý tư duy thân, thọ, tâm, pháp.

Tác ý thắng giải: là tác ý của người tu tinh lự, tùy theo chỗ muốn tăng ích các sự tướng.

Tác ý chân thật: là dụng tự tướng, cộng tướng và tướng chân như, tác ý như lý tư duy các pháp.

Tác ý hữu học lược có 2 chủng: 1. Tự tánh; 2. Ở tương tục. Tự tánh là tác ý vô lậu của bậc hữu học. Ở tương tục là tác ý tất cả thiện của bậc hữu học.

Tác ý vô học: như tác ý hữu học.

Tác ý phi học phi vô học: là tác ý của tất cả thế gian.

Tác ý biến tri: tác ý đây biết khắp sở duyên mà không đoạn hoặc.

Tác ý chánh đoạn: tác ý đây đồng làm hai việc biết khắp và đoạn hoặc.

Tác ý đã đoạn: sở hữu tác ý sau khi đoạn phiền não.

Tác ý sở duyên ảnh tượng có phân biệt: tác ý đây tu duyên phân biệt thể cảnh Tỳ-bát-xá-na.

Tác ý sở duyên ảnh tượng không phân biệt: tác ý đây tu duyên phân biệt thể cảnh Xa-ma-tha.

Tác ý sở duyên biên tế của sự: tác ý đây rõ biết sở duyên biên tế của tất cả thân thọ tâm pháp, quá đây lại không có thân thọ tâm pháp.

Tác ý sở duyên việc làm thành xong: là tác ý “Ta tư duy như đây như đây, hoặc ta tư duy như thế như thế. Phải có như đây như đây, phải làm xong như thế như thế”; và tác ý sở duyên thanh tịnh.

Tác ý thắng giải tư trạch: tác ý đây hoặc đầu tiên tư trạch các pháp, hoặc lấy Xa-ma-tha làm dẫn đầu.

Tác ý tịch tĩnh: tác ý đây hoặc đầu tiên nội tâm an trú, hoặc lấy Tỳ-bát-xá-na làm dẫn đầu.

Tác ý tu một phần: tác ý đây tùy tu một phần hoặc Xa-ma-tha, hoặc Tỳ-bát-xá-na.

Tác ý tu đầy đủ phần: tác ý đây song tu cả hai phần.

Tác ý không gián đoạn: tác ý tương tục ở tất cả thời, không gián không đoạn mà chuyển.

Tác ý ân trọng: là phương tiện gia hạnh không trì trệ chậm chạp.

Trong đây, do tác ý thắng giải tư trạch, nên

tịnh tu trí kiến. Do tác ý tịch tĩnh, nên sanh trưởng khinh an. Do tác ý tu một phần, tu đủ phần, nên ở nơi các cái tâm đặc giải thoát. Do tác ý ân trọng, không gián đoạn, nên ở trong các kết tâm đặc giải thoát. Lại do tác ý không gián đoạn, nên xả thân mạng trọn không luống uổng. Do tác ý ân trọng, nên nhanh chóng chứng thông tuệ.

Tác ý tùy thuận: tác ý đây nhằm chán hủy hoại sở duyên, thuận đoạn phiền não.

Tác ý đối trị: tác ý đây chánh xả các hoặc, nắm giữ đoạn, khiến tương tục xa lìa các phiền não.

Tác ý thuận thanh tịnh: tác ý đây tu sáu tùy niệm, hoặc lại tư duy một sự việc tốt đẹp nào đó.

Tác ý thuận quán sát: tác ý đây quán sát các phiền não đã đoạn và chưa đoạn, hoặc lại quán sát các điều tự thân đã chứng và đạo lý các pháp trước kia đã quán.

Tác ý nỗ lực chuyển vận: sở hữu tác ý của người mới tu nghiệp mà chưa thu được tác ý.

Tác ý chuyển vận có gián đoạn: sở hữu tác ý của người tu nghiệp đã đắc tác ý, nhưng trì trệ chậm chạp đối với tu gia hạnh ở bậc cao hơn.

Tác ý chuyển vận có dụng công: sở hữu tác ý của người đã đồng mãnh tinh tấn, tu gia hạnh không trì hoãn chậm chạp.

Tác ý chuyển vận tự nhiên: là tác ý quyết định ở 4 thời: 1. Thời đắc tác ý; 2. Thời chánh nhập, đã nhập định căn bản; 3. Thời tu quán sát; 4. Thời chánh đắc, đã đắc A-la-hán.

Tác ý tư trạch: tác ý phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Tác ý nội nhiếp: tác ý phẩm Xa-ma-tha.

Tác ý tịnh chướng: tác ý đây buông xả các lậu, vĩnh viễn khử bỏ thô trọng.

Tác ý nương chánh thành biện sở hành thanh tịnh: tác ý đây nương lìa tất cả thô trọng của thân, tuy hành theo tất cả cảnh giới sở duyên, mà các phiền não chẳng hiện hành trở lại.

Tác ý do người khác kiến lập: sở hữu tác ý của các Thanh văn, vì chủ yếu được nghe âm thanh từ người khác, cho đến bên trong như lý tác ý.

Tác ý nội tăng thượng thủ: sở hữu tác ý của các Độc giác và chư Bồ-tát, vì không phải từ thầy mà được giác ngộ.

Tác ý rộng lớn: sở hữu tác ý của các Bồ-tát, vì khéo biết rõ lỗi lầm của sanh tử, nên phương tiện

xuất ly, phát hoàng thệ nguyện hướng đến Đại bồ-đề.

Tác ý biến hành: tác ý tương ưng trí hiện kiến tất cả không chướng ngại của chư Phật Thế Tôn. Hoặc sở hữu tác ý của các Bồ-tát phương tiện thiện xảo ở khắp ba thừa và năm minh xứ.

Trong đây 7 tác ý trước và 40 tác ý sau có sự tương nhiếp lẫn nhau.

Tác ý liễu tướng nhiếp tác ý duyên pháp, duyên nghĩa. Sáu tác ý còn lại chỉ nhiếp tác ý duyên nghĩa.

Khấp ở 7 tác ý nhiếp tác ý duyên 4 chủng cảnh là thân, thọ, tâm, pháp.

Tác ý liễu tướng, thắng giải, quả gia hạnh cứu cánh thông nhiếp tác ý thắng giải và chân thật. Tác ý quán sát chỉ nhiếp tác ý thắng giải. Ba tác ý còn lại chỉ nhiếp tác ý chân thật. Đây chỉ nói trong phạm vi các môn trước (từ tác ý duyên pháp cho đến tác ý duyên nghĩa). Nếu nói trong phạm vi các môn khác (từ tác ý hữu học cho đến tác ý biến hành), thì 7 chủng tác ý đều nhiếp 2 chủng là tác ý hữu học và phi học phi vô học. Cũng nhiếp tác ý vô học, đó là tác ý liễu tướng của thanh tịnh địa và tác ý quả gia hạnh cứu cánh.

Tác ý liễu tướng, thắng giải, quán sát nhiếp tác ý biến tri. Ba tác ý tiếp theo nhiếp tác ý chánh đoạn. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý đã đoạn.

Tác ý quán sát chỉ nhiếp tác ý sở duyên ảnh tượng có phân biệt. Sáu tác ý còn lại thông nhiếp cả hai chủng là tác ý sở duyên biên tế sự (nhiếp khắp tất cả) và tác ý sở duyên việc làm trọn xong. Chung quy môn ban đầu (tác ý sở duyên biên tế sự) nhiếp thuộc khắp tất cả tác ý, môn thứ hai (tác ý sở duyên việc làm thành xong) chỉ nhiếp thuộc tác ý quả gia hạnh cứu cánh.

Ở trong tác ý thắng giải tư trạch, nếu tư trạch làm đầu thì đều không nhiếp thuộc tác ý nào, nếu Xa-ma-tha làm tiền dẫn thì nhiếp thuộc khắp tất cả tác ý.

Trong tác ý tịch tĩnh, nếu tâm an trụ bên trong làm đầu thì không nhiếp thuộc tác ý nào, nếu lấy Tỳ-bát-xá-na làm tiền dẫn thì nhiếp thuộc khắp tất cả tác ý.

Sáu tác ý trước thông nhiếp tác ý tu một phần và đầy đủ phần. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh chỉ nhiếp tác ý tu đủ phần.

Khắp tất cả 7 tác ý nhiếp tác ý không gián đoạn, tác ý ân trọng.

Hai tác ý đầu là liễu tướng và thắng giải nhiếp tác ý tùy thuận. Hai tác ý là viễn ly, gia hạnh cứu cánh và một phần tác ý nhiếp lạc nhiếp tác ý đối trị. Chỉ một phần tác ý nhiếp lạc nhiếp tác ý thuận thanh tịnh. Duy tác ý quán sát nhiếp tác ý thuận quán sát đang đoạn, chưa đoạn. Đây chung quy là nương đoạn đối trị mà thuyết. Nếu nương điều khác, tùy theo chỗ thích hợp mà thuyết. Không tác ý nào nhiếp tác ý lực khích lệ chuyển vận. Cho đến tác ý nhiếp lạc nhiếp tác ý có gián đoạn chuyển vận, tác ý có dụng công chuyển vận. Hai tác ý là gia hạnh cứu cánh và quả gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý tự nhiên chuyển vận.

Tác ý liễu tướng nhiếp tác ý tư trạch. Tác ý thắng giải nhiếp tác ý nội nhiếp. Tác ý viễn ly, nhiếp lạc, quán sát, gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý tịnh chướng. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý nương thành biện sở hành thanh tịnh.

Tất cả tác ý nhiếp tác ý do người khác kiến lập và tác ý nội tăng thượng thủ. Không tác ý nào nhiếp tác ý rộng lớn.

Tác ý quả gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý biến hành thứ nhất. Tất cả tác ý nhiếp tác ý biến hành thứ hai.

Lại, tác ý liễu tướng nếu nhiếp tác ý do người khác kiến lập, thì quyết định lấy lắng nghe âm thanh của người và bên trong như lý tác ý làm duyên; nếu nhiếp tác ý nội tạng thượng thủ, chỉ tư lương trước làm duyên. Tác ý còn lại, trước trước sau sau triển chuyển làm duyên cho nhau.

D. Các tướng sai biệt:

Sao gọi là sở duyên sai biệt? Tức là các tướng sai biệt. Những gì là tướng? Lược có 4 chủng: **1.** Tướng sở duyên; **2.** Tướng nhân duyên; **3.** Tướng nên xa lìa; **4.** Tướng nên tu tập.

1. Tướng sở duyên: là tướng thể phân biệt của sự sở tri.

2. Tướng nhân duyên: là tư lương định.

3. Tướng nên xa lìa: lại có 4 chủng: **a.** Tướng trầm; **b.** Tướng trạo; **c.** Tướng loạn; **d.** Tướng trước.

a. *Tướng trầm*: Không giữ gìn căn môn; ăn không biết lượng; đầu đêm sau đêm không thường tỉnh thức; không trụ chánh biết siêng tu quán hành. Tánh hành si mê, đắm trước ngủ nghỉ, không có tuệ nhạy bén, đồng hành với ác tác. Chuyên tâm quán dục, không từng tu tập chánh Xa-ma-tha. Ở nơi Xa-ma-tha chưa là thuần thiện, nếu một hướng tư duy tướng Xa-ma-tha thì tâm hôn ám. Ở nơi các cảnh giới thù thắng, không vui phan duyên.

b. *Tướng trạo*: Không giữ gìn căn môn... nói rộng như bốn chủng tướng trên. Là tánh hành tham, vui không tịch tĩn, không tâm chán lìa, không tuệ nhạy bén, đồng hành cao cử thái quá. Chuyên tâm quán dục, không từng tu pháp cử. Ở nơi pháp cử chưa thuần thiện, chỉ tu một hướng. Do ở nơi chủng chủng chỉ thuận theo pháp trạo, tâm động loạn nhớ nghĩ đến người thân, họ hàng, làng xóm.

c. *Tướng loạn*: Không giữ gìn căn môn... nói rộng như bốn chủng tướng trước. Là tánh độn căn, nhiều ham cầu, nhiều tính toán, nhiều các sự nghiệp. Tánh hành tầm tư, không có tuệ nhạy bén, không tâm chán lìa, không tu xa lìa. Ở nơi các

cảnh giới thù thắng, không vui phan duyên. Gần gũi mơ hồ, phương tiện bị gián đoạn khuyết hở, không thể quán sát rõ biết sâu xa tướng loạn, tướng không loạn.

d. Tướng trước: Không giữ gìn căn môn... nói rộng như bốn chủng tướng trước. Là tánh động căn, tánh hành ái, tánh nhiều phiền não. Không như lý tư duy, không thấy quá hoạn. Lại ở nơi tăng thượng không thấy ra khỏi xa lìa.

4. Tướng nên tu tập: vì đối trị 4 chủng tướng trầm, trạo, loạn, trước đã nói trên.

Lại có 32 tướng: 1. Tướng tự tâm; 2. Tướng bên ngoài; 3. Tướng sở y; 4. Tướng sở hành; 5. Tướng tác ý; 6. Tướng tâm khởi; 7. Tướng an trụ; 8. Tướng tự tướng; 9. Tướng cộng tướng; 10. Tướng thô; 11. Tướng tinh; 12. Tướng lãnh nạp; 13. Tướng phân biệt; 14. Tướng câu hành; 15. Tướng nhiễm ô; 16. Tướng không nhiễm ô; 17. Tướng chánh phương tiện; 18. Tướng tà phương tiện; 19. Tướng quang minh; 20. Tướng quán sát; 21. Tướng hiền thiện định; 22. Tướng chỉ; 23. Tướng cử; 24. Tướng quán; 25. Tướng xả; 26. Tướng nhập định; 27. Tướng

trụ định; 28. Tướng xuất định; 29. Tướng tăng; 30. Tướng giảm; 31. Tướng phương tiện; 32. Tướng dẫn phát.

Tướng tự tâm: Vì có Bí-sô trước bị phiền não nhiễm ô tâm, liền ở nơi tự tâm khéo léo giữ lấy tướng như vậy như vậy, tâm có nhiễm ô hoặc không nhiễm ô. Do phương tiện đây, tâm rơi vào xứ trầm. Hoặc do phương tiện đây, tâm không rơi vào xứ trầm. Nói trầm, tức là bốn tướng trầm, trạo, loạn, trước, cho đến tướng của tâm bị ngăn ngại đấm trước, hoặc lại ở nơi kia tâm bị nhiễm ô.

Tướng bên ngoài: Ở nơi kia tâm đã bị nhiễm ô. Rõ biết tự tâm bị nhiễm ô rồi, liền giữ lấy tướng bên ngoài, như tướng quang minh, hoặc tướng tịnh diệu, hoặc lại tướng khác. Vì muốn trừ khiến các phiền não, khiến hoặc kia không hiện hành.

Tướng sở y: là tướng thể phân biệt, tức là tướng tất cả tự thân nhiếp lấy năm uẩn, kể cả chủng tử.

Tướng sở hành: là tướng thể phân biệt, tư duy cảnh giới sắc cho đến pháp.

Tướng tác ý: vì năng sanh tác ý. Ở nơi cảnh giới kia sanh, nên thức sanh khởi tác tư duy đây:

“Nay tâm ta đây do tác ý nên ở cảnh giới chuyển, không phải không tác ý”. Điều tư duy đây gọi là tướng tác ý.

Tướng tâm khởi: như thứ lớp tướng trước đã thuyết ở trên là một tướng. Tướng thứ hai tức là tướng tâm duyên hành, duyên danh sắc. Điều tư duy đây gọi là tướng tâm khởi.

Tướng an trụ: là 4 thức trụ, tức là thức tùy theo sắc trụ... như kinh đã rộng thuyết. Điều tư duy đây gọi là tướng an trụ.

Tướng tự tướng: là tự tướng tự loại, hoặc tự tướng mỗi loại riêng. Điều tư duy đây gọi là tướng tự tướng.

Tướng cộng tướng: là cộng tướng các hành, hoặc cộng tướng hữu lậu, hoặc cộng tướng của tất cả pháp. Điều tư duy đây gọi là tướng cộng tướng.

Tướng thô: tức là quán tất cả tướng thô của địa dưới.

Tướng tinh: tức là quán sở hành tất cả tịnh tướng của địa trên.

Tướng lãnh nạp: tướng của sự hồi tưởng các hành đã từng trải qua trong quá khứ.

Tướng phân biệt: tướng tư duy các hành vị lai.

Tướng câu hành: tướng phân biệt các hành hiện tại.

Tướng nhiễm ô: ở nơi tâm có tham, tư duy tướng tâm có tham, cho đến ở nơi tâm bất thiện giải thoát, tư duy tướng tâm bất thiện giải thoát.

Tướng không nhiễm ô: trái với tướng trên, nên biết tức là tướng không nhiễm ô, trong đây đã xuất ly nơi đoạn. Không tu phương tiện, tức là quán có tham... Tu phương tiện, tức là quán lược phần dưới. Tâm có tham, tức là tâm tương ưng tham, hoặc lại tùy triển chuyển theo đuổi phẩm thô trọng kia. Như vậy do triển và tùy miên, tất cả tâm bị nhiễm ô, tùy chỗ thích hợp đều nên rõ biết. Vì dụng năng đối trị triển và tùy miên, nên thành không nhiễm ô.

Tướng chánh phương tiện: tức là tướng của sự tư duy nhân duyên phẩm bạch tịnh.

Tướng tà phương tiện: tức là tướng của sự tư duy nhân duyên phẩm nhiễm ô. Tức là vì tư duy không trụ giữ gìn căn môn như vậy như vậy, cho đến vì không trụ chánh biết. Tức như vậy như vậy tướng tâm bị nhiễm ô.

Tướng quang minh: như có người vì muốn đối

trị ám, nên ân trọng khẩn thiết khéo nắm giữ, cực khéo tư duy tướng pháp quang minh. Như đối với phương dưới thì phương trên cũng vậy. Như vậy, vì đối trị tất cả tướng ám mà kiến lập tướng đây.

Tướng quán sát: Bí-sô ân cần khẩn thiết, khéo nắm giữ tướng mà quán sát. Đứng quán sát đối với ngôi, tức là lấy pháp đang nắm giữ (năng thủ) ở hiện tại, quán sát pháp được nắm giữ (sở thủ) ở vị lai. Ngôi quán sát đối với nắm, tức là lấy pháp đang nắm giữ (năng thủ) ở hiện tại, quán pháp được nắm giữ (sở thủ) ở quá khứ. Hoặc pháp ở hành sau, quán sát pháp hành trước, tức là lấy pháp năng thủ sau sau, quán năng thủ trước trước. Đây chỉ lược hiển hai chủng quán pháp sở thủ, năng thủ.

Tướng hiền thiện định: là tướng của sự tư duy tướng xanh, tương phình... vì muốn đối trị dục tham. Cớ sao tướng đây thuyết là hiền thiện? Trong các phiền não, tham là trội hơn cả. Ở trong các tham, dục tham là trội hơn cả, vì năng sanh các khổ. Tướng đây là sở duyên đối trị của kia nên gọi là hiền thiện.

Tướng chỉ: là tướng của sự tư duy ảnh tượng

không phân biệt.

Tướng cử: là tướng của sự sách phát tâm thủ một cảnh tướng tịnh diệu, hoặc tướng quang minh.

Tướng quán: tướng của văn, tư, tu tuệ tư duy các pháp.

Tướng xả: tướng của tâm đã được bình đẳng, ở nơi các phẩm thiện tăng thượng xả.

Tướng nhập định: tức là vì tướng nhân duyên, sở duyên, nên tu tập mà nhập tam-ma-địa. Hoặc lại đã đắc mà hiện tại tiền.

Tướng trụ định: tức là ở nơi các tướng khéo léo mà thủ. Do khéo thủ, nên tùy theo chỗ muốn mà an trụ định. Lại ở nơi định đây đắc pháp không thối.

Tướng xuất định: là tướng thể phân biệt không nhiếp lầy bất định địa.

Tướng tăng: là tướng của sự tư duy định khinh an bội tăng rộng lớn.

Tướng giảm: là tướng của sự tư duy định khinh an thối giảm hẹp nhỏ.

Tướng phương tiện: là tướng hai đường, hoặc hướng đến tăng trưởng rộng lớn, hoặc hướng đến thối giảm hẹp nhỏ.

Tướng dẫn phát: tướng năng dẫn phát lược các đạo nghĩa rộng lớn của văn câu, hoặc tướng vô tranh, vô ngại, diệu nguyện trí... hoặc tướng nương tam-ma-địa các lực vô úy khác có công đức rất thù thắng và tướng trí tuệ năng thông đạt cú nghĩa thẳm sâu vi diệu.

Lại nữa, các tướng như vậy nhiếp thuộc trong 4 tướng căn bản đã nói ở trước, đó là: tướng sở duyên, tướng nhân duyên, tướng nên xa lìa, tướng nên tu tập.

Tướng sở duyên nhiếp đầy đủ tất cả. Tướng nhân duyên cũng vậy. Vì trước và sau làm nhân duyên cho nhau, vì khiến về sau đặc sáng sạch thanh tịnh. Tất cả chủng riêng của tướng chánh phương tiện đều là tướng nhân duyên. Như tướng chánh phương tiện, thì tướng tà phương tiện cũng vậy. Một là tướng phẩm bạch. Hai là tướng phẩm hắc. Ở nơi tướng nhiễm ô, chỉ nên xa lìa. Ở nơi các tướng còn lại, chỉ nên tu tập. Ở mọi thời mọi lúc đều nên tu tập như vậy.

